

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH**

BOUNNUANG KAMPHENG THONG

**NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỂ
CHẤT CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THỦ ĐÔ VIÊN
CHĂN - LÀO**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

Bắc Ninh - 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

BOUNNUANG KAMPHENG THONG

**NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỂ
CHẤT CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THỦ ĐÔ VIÊN
CHĂN - LÀO**

Ngành: Giáo dục học

Mã số: 9140101

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS.TS. Đinh Quang Ngọc

2. PGS.TS. Ngô Trang Hưng

Bắc Ninh - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả trình bày trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào.

Tác giả luận án

BOUNNUANG KAMPHENG THONG

MỤC LỤC

Lời cam đoan
Mục lục
Danh mục ký hiệu viết tắt trong luận án
Danh mục các biểu bảng, biểu đồ trong luận án
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU.....	6
1.1. Một số khái niệm, định nghĩa có liên quan.....	6
1.1.1. Khái niệm giải pháp	6
1.1.2. Khái niệm chất lượng.....	8
1.1.3. Khái niệm giáo dục thể chất	10
1.2. Cơ sở khoa học về nâng cao chất lượng giáo dục thể chất.....	13
1.2.1. Cơ sở khoa học về giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất....	13
1.2.2. Khung khái niệm về các yếu tố tác động đến quản lý chất lượng giáo dục thể chất.....	14
1.3. Phát triển giáo dục thể chất cho học sinh ở Lào	17
1.3.1. Lịch sử phát triển giáo dục và thể thao của Lào.....	17
1.3.2. Quan điểm, đường lối và chính sách	20
1.3.3. Chương trình giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông ở Lào	21
1.4. Đặc điểm tâm, sinh lý và tố chất thể lực của học sinh trung học phổ thông	30
1.4.1. Đặc điểm sinh lý.....	37
1.4.2. Đặc điểm tâm lý	38
1.4.3. Đặc điểm thể lực	38
1.5. Các công trình nghiên cứu có liên quan.....	39
1.5.1. Ở Lào	39
1.5.2. Ở nước ngoài.....	43
Chương 2. PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU	49
2.1. Phương pháp nghiên cứu	49
2.1.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu.....	49
2.1.2. Phương pháp phỏng vấn, tọa đàm.....	49
2.1.3. Phương pháp quan sát sự phạm.....	Error! Bookmark not defined.
2.1.4. Phương pháp kiểm tra sự phạm.....	50
2.1.5. Phương pháp phân tích SWOT.....	52
2.1.6. Phương pháp thực nghiệm sự phạm.....	53

2.1.7. Phương pháp toán thống kê	54
2.2. Tổ chức nghiên cứu	56
2.2.1. Đối tượng nghiên cứu	56
2.2.2. Phạm vi nghiên cứu	56
2.2.3. Địa điểm nghiên cứu	57
2.3. Thời gian nghiên cứu	57
Chương 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN	58
3.1. Đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào	58
3.1.1. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào	58
3.1.2. Thực trạng quản lý chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào	82
3.1.3. Thực trạng nhu cầu, động cơ, lý do không tích cực tham gia hoạt động thể thao của học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn	74
3.1.4. Thực trạng thể lực của học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào	79
3.2. Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào	87
3.2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc lựa chọn các giải pháp	87
3.2.2. Xây dựng nội dung các giải pháp	92
3.2.3. Khảo nghiệm các giải pháp	105
3.3. Kiểm nghiệm hiệu quả một số giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào	108
3.3.1. Tổ chức thực nghiệm	108
3.3.2. Kết quả ứng dụng các giải pháp	108
3.4. Bàn luận	118
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	130
A. Kết luận	130
B. Kiến nghị	131
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC KÝ HIỆU VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

CHDCND	Cộng hòa dân chủ nhân dân
CSVC	Cơ sở vật chất.
GDTC	Giáo dục thể chất.
GV	Giáo viên.
HS	Học sinh.
THPT	Trung học phổ thông.
TDTT	Thể dục thể thao.

DANH MỤC CÁC BIỂU BẢNG, BIỂU ĐỒ TRONG LUẬN ÁN

TT	Tên bảng/biểu đồ/hình	Trang
3.1	Kiểm định KMO và Bartlett để phân tích các nhân tố biểu hiện của chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn – Lào (n = 31)	61
3.2	Kết quả phân tích EFA về chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn – Lào (n = 31)	63
3.3	Kết quả kiểm định Cronbach Alpha các nhân tố biểu hiện của chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn – Lào (n = 31)	64
3.4	Thực trạng cơ hội học tập môn giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn (n = 45)	67
3.5	Thực trạng nội dung học tập môn giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn (n = 45)	69
3.6	Thực trạng dạy học môn giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn (n = 45)	71
3.7	Tổng hợp kết quả đánh giá các yếu tố biểu hiện của chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông Viêng Chăn (n = 45)	73
3.8	Mong muốn các môn thể thao được đưa vào tập luyện của học sinh trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn – Lào (n = 367)	76
3.9	Động cơ tham gia tập luyện thể thao của học sinh trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn – Lào (n = 367)	77
3.10	Những khó khăn trở ngại khi tham gia tập luyện thể thao của học sinh trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn – Lào (n = 367)	78
3.11	Kết quả xếp loại thể lực của học sinh trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn – Lào (n = 367)	80
3.12	So sánh kết quả học tập môn thể dục trong 3 năm học của học sinh trường trung học phổ thông Viêng Chăn	81

TT	Tên bảng/biểu đồ/hình	Trang
3.13	Kết quả lựa chọn các yếu tố tác động đến quản lý chất lượng giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn (n = 31)	83
3.14	Thực trạng yếu tố liên quan đến quản lý chất lượng giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn (n = 45)	85
3.15	Tổng hợp kết quả đánh giá thực trạng các yếu tố liên quan đến quản lý chất lượng giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn	85
3.16	Phân tích SWOT về các yếu tố nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn – Lào	Sau 87
3.17	Kết quả đánh giá điểm mạnh, điểm yếu trong nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn – Lào	88
3.18	Khảo nghiệm tính cần thiết của các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào (n = 31)	106
3.19	Khảo nghiệm tính cần thiết của các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào (n = 31)	Sau 106
3.20	Khảo nghiệm tính khả thi của các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào (n = 31)	Sau 106
3.21	Mối tương quan giữa tính cần thiết và tính khả thi của các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào (n = 31)	Sau 106
3.22	Kết quả phỏng vấn về nhận thức của cán bộ, giáo viên và học sinh đối với chất lượng giáo dục thể chất của trường trung học phổ thông Viêng Chăn	109
3.23	Kết quả đánh giá yếu tố liên quan đến quản lý chất lượng giáo dục thể chất của trường trung học phổ thông Viêng Chăn - Lào (n = 45)	112

TT	Tên bảng/biểu đồ/hình	Trang
3.24	Kết quả phỏng vấn về chất lượng giáo dục thể chất của trường trung học phổ thông Viêng Chăn	114
3.25	So sánh kết quả học tập môn thể dục của học sinh trường trung học phổ thông Viêng Chăn	116
3.26	So sánh kết quả xếp loại thể lực của học sinh trường trung học phổ thông Viêng Chăn	117
	BIỂU ĐỒ	
3.1	Thành phần đối tượng phỏng vấn	60
3.2	Kết quả xác định số lượng yếu tố trong phân tích EFA	62
3.3	Tỷ lệ trả lời theo thang đo Likert yếu tố Cơ hội học tập tốt	65
3.4	Tỷ lệ trả lời theo thang đo Likert yếu tố Nội dung học tập ý nghĩa	65
3.5	Tỷ lệ trả lời theo thang đo Likert yếu tố Dạy học phù hợp	65
3.6	Tỷ lệ trả lời theo thang đo Likert yếu tố liên quan đến cơ hội học tập tốt môn giáo dục thể chất	67
3.7	Tỷ lệ trả lời theo thang đo Likert yếu tố liên quan đến nội dung học tập ý nghĩa môn giáo dục thể chất	69
3.8	Tỷ lệ trả lời theo thang đo Likert yếu tố liên quan đến dạy học phù hợp môn giáo dục thể chất	71
3.9	Tỷ lệ trả lời các yếu tố liên quan đến quản lý chất lượng giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn	80
3.10	Tỷ lệ xếp loại thể lực của học sinh trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn – Lào	85
3.11	Mối quan hệ giữa yếu tố bên trong và bên ngoài trong nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn – Lào	89
3.12	Tỷ lệ đánh giá theo thang đo Likert về tính cần thiết của các giải pháp	Sau 106
3.13	Tỷ lệ đánh giá theo thang đo Likert về tính khả thi của các giải pháp	Sau 106
3.14	Mối tương quan thứ bậc giữa tính cần thiết và tính khả thi	107

TT	Tên bảng/biểu đồ/hình	Trang
3.15	Tỷ lệ đánh giá về nhận thức của cán bộ, giáo viên đối với chất lượng giáo dục thể chất của trường trung học phổ thông Viêng Chăn	110
3.16	Tỷ lệ đánh giá về nhận thức của à học sinh đối với chất lượng giáo dục thể chất của trường trung học phổ thông Viêng Chăn	110
3.17	Tỷ lệ trả lời các yếu tố liên quan đến quản lý chất lượng giáo dục thể chất của trường trung học phổ thông Viêng Chăn	112
3.18	Tỷ lệ đánh giá về chất lượng giáo dục thể chất của trường trung học phổ thông Viêng Chăn	114
3.19	Tỷ lệ xếp loại kết quả học tập môn thể dục của học sinh trường trung học phổ thông Viêng Chăn	116
3.20	Tỷ lệ xếp loại thể lực của học sinh trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn	118
	HÌNH	
1.1	Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý chất lượng giáo dục thể chất	14
3.1	Đặc điểm các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục thể chất	51

PHẦN MỞ ĐẦU

TĐTT trường học có vị trí vô cùng quan trọng, góp phần tích cực tạo nguồn nhân lực phục vụ TĐTT nước nhà và xây dựng tổ quốc. Đầu tư phát triển TĐTT trường học là nhu cầu tất yếu, song đòi hỏi trách nhiệm sự và quan tâm phối hợp không chỉ riêng ngành nào, cơ quan nào mà là mọi tầng lớp xã hội. Trong đó, nhà trường có vai trò quan trọng việc trang bị kiến thức, kỹ năng và hình thành nhân cách. Đồng thời cũng có tầm ảnh hưởng rất lớn đến tập luyện TĐTT phát triển phẩm chất cho học sinh.

Mục đích giáo dục thể chất ở nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào là bồi dưỡng cho học sinh, sinh viên phát triển toàn diện, có sức dồi dào, thể chất cường tráng, có dũng khí kiên cường để kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng. Đồng thời qua giáo dục thể chất làm tăng khả năng thích ứng với cuộc sống sôi động trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa giúp con người giảm bớt sự căng thẳng vượt qua những khách quan và chủ quan do cuộc sống đưa lại, xây dựng được những phẩm chất đáng quý như: sự bình tĩnh, lòng tự tin, tự xây dựng cho mình thói quen và lối sống lành mạnh. [72, 74, 77, 81]

Giáo dục thể chất trong trường học là bộ phận đặc biệt quan trọng không thể thiếu trong việc nâng cao sức khoẻ và thể lực, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức ý chí, giáo dục nhân cách cho học sinh, sinh viên góp phần đào tạo con người mới phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Thể dục thể thao trường học là môi trường thuận lợi giàu tiềm năng để phát triển và bồi dưỡng tài năng thể thao cho đất nước.

Giáo dục thể chất trong trường học là một mặt giáo dục quan trọng không thể thiếu được trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo, góp phần thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài cho đất nước, để cho mỗi công dân, nhất là thế hệ trẻ có điều kiện phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức. Đáp ứng nhu

cầu đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đòi hỏi phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, mà trong đó yếu tố sức khỏe là quan trọng nhất. [1, 2, 10, 68]

Công tác giáo dục thể chất hiện nay cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào còn nhiều khó khăn, chất lượng giảng dạy còn thấp, phương pháp còn nghèo nàn, giờ học còn đơn điệu thiếu sinh động không lôi cuốn được học sinh hứng thú và tự giác tập luyện. Đặc biệt đánh giá về chất lượng và sức khỏe theo còn yếu và chưa tương xứng với tiềm năng của thủ đô Viêng Chăn - Lào. [73, 85, 93]

Căn cứ vào điều kiện thực tiễn về yếu tố cơ sở vật chất, nguồn nhân lực... và một số điều kiện khác quan khác, hiệu quả phát triển thể chất cho học sinh vẫn còn nhiều hạn chế. Để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục thể chất đáp ứng mục tiêu đào tạo hiện nay của nhà trường, đòi hỏi học sinh phải được trang bị tương đối toàn diện các môn thể thao và điều kiện đảm bảo khác. Muốn giải quyết được vấn đề trên thì việc phải có các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất một cách đồng bộ là hết sức cần thiết.

Xuất phát từ yêu cầu đó, công tác giáo dục thể chất luôn được thủ đô Viêng Chăn - Lào đặc biệt quan tâm, thông qua các phong trào thi đua sôi nổi, lành mạnh. Thủ đô Viêng Chăn - Lào luôn phát huy tốt các môn thể thao thể mạnh, công tác bồi dưỡng cá nhân xuất sắc về TDTT, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Bên cạnh đó trong những năm qua thủ đô Viêng Chăn - Lào đã đầu tư về cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động TDTT và môn học GDTC dành cho học sinh, từng bước đáp ứng nhu cầu tập luyện thường xuyên cho học sinh trong trường.

Cho đến nay, thủ đô Viêng Chăn - Lào đã tiến hành tổ chức các buổi học ngoại khóa cho học sinh. Hoạt động phát triển thể chất đã được triển khai song còn nhiều bất cập, các giải pháp đã đề ra còn nhiều hạn chế, kết quả rèn luyện thể lực của học sinh chưa phát triển tương xứng với tiềm năng và sự quan tâm sẵn có của thủ đô Viêng Chăn - Lào. Vì vậy, việc lựa chọn được các giải pháp

phù hợp có thể mang lại hiệu quả thiết thực và lâu dài đối với công tác giáo dục thể chất là hết sức cấp thiết. Đây cũng là vấn đề được các nhà sư phạm, các nhà quản lý giáo dục và các nhà nghiên cứu khoa học TDTT quan tâm.

Qua tham khảo tài liệu cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu đánh giá diễn biến phát triển thể chất, lựa chọn biện pháp, giải pháp đẩy mạnh rèn luyện thể lực cho học sinh, sinh viên như tác giả: Phạm Cao Cường, Hoàng Công Dân, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Nguyễn Trung Kiên, Vũ Đức Văn, Võ Văn Vũ [11, 12, 20, 30, 53, 56]... Kết quả nghiên cứu của các tác giả đã đề cập đến diễn biến phát triển thể chất của học sinh phổ thông từ lớp 1 đến 12. Một số công trình đã đưa ra những mô hình và biện pháp tổ chức tập luyện ngoại khoá dưới hình thức bắt buộc và tự chọn cho học sinh. Một số đề tài đã chỉ ra nguyên nhân và những lựa chọn giải pháp nhằm đánh giá và phát triển giáo dục thể chất trong phạm vi đề tài nghiên cứu. Có thể nói rằng, các kết quả nghiên cứu nêu trên của các tác giả đều là những tư liệu hết sức đáng quý trong lĩnh vực GDTC cho học sinh nói chung và cách thức lựa chọn, đánh giá hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh các trường phổ thông nói riêng phù hợp với điều kiện thực tế và đáp ứng nhu cầu của học sinh hiện nay. Tuy nhiên, với các điều kiện thực tiễn khác nhau ở mỗi địa phương, trường học thì việc ứng dụng không được phép tiến hành máy móc mà phải căn cứ vào những điều kiện cụ thể mới phát huy được hết hiệu quả.

Mặc dù công tác giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào luôn được quan tâm và phát triển. Trong đó việc phát triển thể chất cho học sinh THPT bước đầu đã thu được những kết quả nhất định. Song bên cạnh đó, công tác giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào còn nhiều tồn tại, hạn chế, chưa có đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng, chưa có kế hoạch và các giải pháp đồng bộ để nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông... Tuy vậy, để khắc phục thực trạng này, thủ đô Viêng Chăn - Lào vẫn chưa đưa ra được các

giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông một cách đồng bộ.

Xuất phát từ ý nghĩa và tầm quan trọng nêu trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài:

“Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viên Chăn - Lào”

Mục đích nghiên cứu:

Trên cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh THPT thủ đô Viên Chăn - Lào, đề tài tiến hành xây dựng và đánh giá hiệu quả một số giải pháp nâng cao chất lượng GDTC thể chất cho học sinh THPT thủ đô Viên Chăn - Lào, góp phần phát triển thể lực cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viên Chăn - Lào.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

Để giải quyết mục đích nghiên cứu trên, đề tài xác định các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Nhiệm vụ 1: Đánh giá thực trạng chất lượng GDTC cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viên Chăn - Lào.

Nhiệm vụ 2: Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viên Chăn - Lào.

Nhiệm vụ 3: Kiểm nghiệm hiệu quả một số giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viên Chăn - Lào.

Giả thuyết khoa học:

Trên cơ sở tìm hiểu thực trạng nhận thấy, chất lượng GDTC cho học sinh các trường THPT tại thủ đô Viên Chăn – Lào còn nhiều hạn chế do tác động của nhiều yếu tố khác nhau. Do vậy, nếu tiến hành khảo sát toàn diện các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng GDTC cho học sinh, đề tài sẽ có căn cứ để tìm ra các nguyên nhân, từ đó xây dựng được các giải pháp phù hợp, ứng dụng vào thực tiễn, qua đó sẽ nâng cao chất lượng GDTC và phát triển được thể lực cho học sinh THPT thủ đô Viên Chăn – Lào.

Ý nghĩa khoa học của luận án:

Kết quả nghiên cứu của luận án đã hệ thống hóa được các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về công tác GDTC trong trường học các cấp. Xác định được các vấn đề chung và chuyên môn để nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT, những yếu tố ảnh hưởng tới việc chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào.

Ý nghĩa thực tiễn của luận án:

Kết quả nghiên cứu của luận án đã xác định được nhân tố thuộc các nhóm yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào. Từ đó, đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng GDTC, cũng như thực trạng sử dụng giải pháp phát các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào. Từ kết quả phân tích, đề tài lựa chọn được các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào. Bước đầu Kiểm nghiệm một số giải pháp lựa chọn đã cho thấy có hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào.

Chương 1. TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Một số khái niệm, định nghĩa có liên quan

1.1.1. Khái niệm giải pháp

Giải pháp là một thuật ngữ được sử dụng để chỉ một phương pháp hoặc cách tiếp cận để giải quyết một vấn đề hoặc thách thức cụ thể. Đây có thể là một loạt các bước, công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc chiến lược được thiết kế để đáp ứng nhu cầu hoặc giải quyết vấn đề cụ thể. Các giải pháp có thể được áp dụng trong nhiều lĩnh vực như kỹ thuật, kinh doanh, y tế, môi trường, giáo dục và nhiều lĩnh vực khác.

Theo từ điển tiếng Việt thì giải pháp là “Cách giải quyết một vấn đề khó khăn”. [50]

Có nhiều tác giả đã viết về các giải pháp trong các lĩnh vực khác nhau. Dưới đây là một số nghiên cứu liên quan đến chủ đề này:

Peter Senge: Tác giả của cuốn sách “The Fifth Discipline: The Art & Practice of The Learning Organization”, Senge nói về cách xây dựng và duy trì một tổ chức học tập và sáng tạo thông qua việc áp dụng các giải pháp. [59]

Daniel Kahneman: Trong cuốn sách “Thinking, Fast and Slow”, Kahneman nghiên cứu về cách con người suy nghĩ, ra quyết định và giới thiệu các phương pháp để cải thiện quyết định thông qua các giải pháp hiệu quả.

Steven Pinker: Trong các tác phẩm như “The Better Angels of Our Nature” và “Enlightenment Now”, Pinker đề cập đến các giải pháp để giảm bạo lực và cải thiện chất lượng cuộc sống thông qua việc áp dụng các nguyên tắc của sự thông thái và tiến bộ. [66]

Malcolm Gladwell: Tác giả của các cuốn sách như “The Tipping Point” và “Outliers”, Gladwell nghiên cứu về cách các ý tưởng và xu hướng lan truyền trong xã hội và cung cấp các gợi ý về cách áp dụng các giải pháp để tận dụng các cơ hội và thách thức. [61]

Eckhart Tolle: Trong “The Power of Now” và “A New Earth”, Tolle nói về các giải pháp cho sự bất an và khổ đau bằng cách thúc đẩy ý thức và sự hiện diện. [58]

Trên đây chỉ là một số ví dụ và vẫn còn nhiều tác giả khác đã viết về chủ đề giải pháp từ nhiều góc độ và ngữ cảnh khác nhau. Như vậy, giải pháp là một phương án, một cách thức để giải quyết một vấn đề, một khó khăn hoặc một thách thức nào đó. Chúng tôi cho rằng, nó có thể bao gồm các yếu tố sau: Phân tích, xác định rõ ràng vấn đề cần giải quyết, nguyên nhân gốc rễ của vấn đề và các yếu tố liên quan. Cụ thể hơn thì một giải pháp có thể bao gồm các yếu tố như:

Phương tiện hoặc công nghệ: Điều này có thể bao gồm việc sử dụng công nghệ mới, sản phẩm hoặc dịch vụ để giải quyết vấn đề. Ví dụ, việc sử dụng máy học và trí tuệ nhân tạo trong phân tích dữ liệu có thể cung cấp giải pháp cho các vấn đề phức tạp về dữ liệu.

Chiến lược hoặc kế hoạch hành động: Đây là cách tiếp cận tổng thể hoặc các bước cụ thể để đạt được một mục tiêu hoặc giải quyết một vấn đề. Ví dụ, việc phát triển một chiến lược tiếp thị mới có thể giúp một công ty tăng doanh số bán hàng.

Quy trình hoặc phương pháp làm việc: Điều này liên quan đến cách thức tổ chức và thực hiện công việc để đạt được kết quả mong muốn. Ví dụ, việc thiết lập một quy trình làm việc hiệu quả có thể giúp cải thiện hiệu suất và chất lượng sản xuất trong một nhà máy.

Chính sách hoặc các biện pháp quản lý: Các biện pháp này có thể là các quy định, luật lệ hoặc hướng dẫn để hỗ trợ việc thực hiện các giải pháp cụ thể. Ví dụ, việc áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường có thể giúp giảm ô nhiễm và bảo vệ tài nguyên tự nhiên.

Tóm lại, “giải pháp” không chỉ đơn giản là một ý tưởng mà còn là cách tiếp cận cụ thể và hệ thống để giải quyết một vấn đề hoặc đáp ứng một nhu cầu

về nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào.

1.1.2. Khái niệm chất lượng

Chất lượng hay đúng ra phẩm chất là một phạm trù phức tạp và có nhiều định nghĩa khác nhau. Có rất nhiều quan điểm khác nhau về chất lượng. Hiện nay có một số định nghĩa về chất lượng đã được các chuyên gia chất lượng đưa ra như sau: [65]

“Chất lượng là sự phù hợp với nhu cầu” (theo Juran - một Giáo sư người Mỹ).

“Chất lượng là sự phù hợp với các yêu cầu hay đặc tính nhất định” - Theo Giáo sư Crosby.

“Chất lượng là sự thỏa mãn nhu cầu thị trường với chi phí thấp nhất” - Theo Giáo sư người Nhật – Ishikawa.

Trong mỗi lĩnh vực khác nhau, với mục đích khác nhau nên có nhiều quan điểm về chất lượng khác nhau. Tuy nhiên, có một định nghĩa về chất lượng được thừa nhận ở phạm vi quốc tế, đó là định nghĩa của Tổ chức Tiêu chuẩn hoá Quốc tế. Theo điều 3.1.1 của tiêu chuẩn ISO 9000:2005 định nghĩa chất lượng là: “Mức độ đáp ứng các yêu cầu của một tập hợp có đặc tính vốn có”.

Như vậy, khái niệm “chất lượng” thường được hiểu là một đánh giá về mức độ hoàn hảo, đáng tin cậy hoặc phù hợp của một sản phẩm, dịch vụ hoặc quy trình so với các tiêu chuẩn hoặc mong đợi. Khái niệm “chất lượng” rất phổ biến và quan trọng trong nhiều lĩnh vực, từ sản xuất đến dịch vụ và ngành công nghiệp. Các yếu tố quan trọng trong việc định lượng chất lượng có thể bao gồm:

Đáp ứng nhu cầu và mong đợi của khách hàng: Chất lượng thường được đo lường bằng mức độ mà sản phẩm hoặc dịch vụ đáp ứng được yêu cầu và mong đợi của khách hàng. Nếu một sản phẩm hoặc dịch vụ không đáp ứng được các tiêu chuẩn của khách hàng, nó có thể bị coi là có chất lượng thấp.

Độ tin cậy và độ ổn định: Chất lượng cũng liên quan đến độ tin cậy và độ ổn định của sản phẩm hoặc dịch vụ. Một sản phẩm hoặc dịch vụ có chất

lượng cao sẽ đáp ứng được tiêu chuẩn hoặc độ tin cậy cao trong quá trình sử dụng.

Hiệu suất và hiệu quả: Chất lượng thường liên quan đến hiệu suất và hiệu quả của sản phẩm hoặc dịch vụ. Sản phẩm hoặc dịch vụ có chất lượng cao thường làm việc hiệu quả và mang lại giá trị tốt nhất cho người sử dụng.

Tuân thủ tiêu chuẩn và quy định: Chất lượng thường được đánh giá dựa trên việc sản phẩm hoặc dịch vụ tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định của ngành công nghiệp, pháp luật hoặc tổ chức.

Sự sáng tạo và phát triển: Một khía cạnh quan trọng khác của chất lượng là khả năng sáng tạo và phát triển, giúp sản phẩm hoặc dịch vụ không chỉ đáp ứng nhu cầu hiện tại mà còn tiên đoán và đáp ứng được nhu cầu tương lai.

Có nhiều tác giả nổi tiếng đã nghiên cứu về chất lượng giáo dục từ nhiều góc độ khác nhau. Dưới đây là một số tác giả và các tác phẩm của họ liên quan đến chủ đề này:

Michael Fullan: Tác giả của nhiều cuốn sách nổi tiếng về cải tiến giáo dục, bao gồm “The New Meaning of Educational Change” và “Leading in a Culture of Change”. Ông tập trung vào các chiến lược và phương pháp để nâng cao chất lượng giáo dục trong các hệ thống giáo dục cả nước. [63, 64]

John Hattie: Tác giả của “Visible Learning” và các tác phẩm khác, Hattie nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu suất học tập của học sinh và cách đo lường và nâng cao chất lượng giáo dục.

Linda Darling-Hammond: Nhà giáo dục và tác giả của nhiều sách, bài báo về chất lượng giáo dục, trong đó bao gồm “The Flat World and Education: How America's Commitment to Equity Will Determine Our Future” và “Beyond the Bubble Test: How Performance Assessments Support 21st Century Learning”. Bà tập trung vào các vấn đề như đào tạo giáo viên, đánh giá học sinh và công bằng trong giáo dục.

Robert J. Marzano: Tác giả của “The Art and Science of Teaching” và các tác phẩm khác, Marzano nghiên cứu về các chiến lược giảng dạy và đánh giá học sinh để nâng cao chất lượng giáo dục.

Howard Gardner: Tác giả của “Frames of Mind: The Theory of Multiple Intelligences” và các tác phẩm khác, Gardner nghiên cứu về các cách tiếp cận giáo dục đa dạng và sáng tạo, tập trung vào việc phát triển năng lực và tài năng của học sinh.

Đây chỉ là một số ví dụ và vẫn còn nhiều tác giả khác đã đóng góp vào lĩnh vực nghiên cứu về chất lượng giáo dục từ các góc độ và quan điểm khác nhau.

Tóm lại, chất lượng không chỉ là một đánh giá tĩnh mà còn là một quá trình liên tục của việc cải thiện và đáp ứng nhu cầu của khách hàng và thị trường. Chất lượng là khái niệm đặc trưng cho khả năng thoả mãn nhu cầu của khách hàng. Vì vậy, sản phẩm hay dịch vụ nào không đáp ứng được nhu cầu của khách hàng thì bị coi là kém chất lượng cho dù trình độ công nghệ sản xuất ra có hiện đại đến đâu đi nữa. Đánh giá chất lượng cao hay thấp phải đứng trên quan điểm người tiêu dùng. Cùng một mục đích sử dụng như nhau, sản phẩm nào thoả mãn nhu cầu tiêu dùng cao hơn thì có chất lượng cao hơn. Yêu cầu của khách hàng đối với sản phẩm hay dịch vụ thường là: tốt, đẹp, bền, sử dụng lâu dài, thuận lợi, giá cả phù hợp.

1.1.3. Khái niệm giáo dục thể chất

Khái niệm “giáo dục thể chất” đề cập đến việc giáo dục và phát triển sức khỏe và thể chất của cá nhân thông qua các hoạt động vận động và thể dục. Đây là một phần quan trọng của hệ thống giáo dục đa chiều, không chỉ tập trung vào khía cạnh học thuật mà còn quan tâm đến sức khỏe và phát triển cơ thể của học sinh. [49, 51]

Một số khía cạnh chính của giáo dục thể chất bao gồm:

Thể dục định kỳ và hoạt động vận động: Cung cấp cho học sinh cơ hội tham gia vào các hoạt động vận động như chạy, nhảy, bơi lội, đạp xe, yoga và các hoạt động thể chất khác để phát triển sức khỏe và thể chất.

Giáo dục về dinh dưỡng và lối sống lành mạnh: Hướng dẫn học sinh về cách duy trì một lối sống lành mạnh thông qua việc ăn uống cân đối và thực hiện các biện pháp vệ sinh cá nhân.

Phát triển kỹ năng và kiến thức về sức khỏe: Dạy cho học sinh về cách quản lý căng thẳng, xử lý cấp cứu, kiến thức về cơ thể và tăng cường kỹ năng quản lý sức khỏe.

Xây dựng kỹ năng xã hội và tinh thần qua thể chất: Giúp học sinh phát triển kỹ năng xã hội, tinh thần và lòng tự tin thông qua việc tham gia vào các hoạt động nhóm và thể thao.

Tạo ra một môi trường học tập lành mạnh: Xây dựng một môi trường học tập hỗ trợ sức khỏe và thể chất, bao gồm cả cơ sở vật chất và các chương trình giáo dục và hoạt động.

Tóm lại, giáo dục thể chất là một phần không thể thiếu của giáo dục toàn diện, giúp học sinh phát triển sức khỏe, thể chất và tinh thần để họ có thể đạt được tiềm năng tối đa trong cuộc sống.

Có nhiều công trình nghiên cứu đã được thực hiện về khái niệm giáo dục thể chất từ các góc độ khác nhau. Dưới đây là một số công trình nghiên cứu đáng chú ý trong lĩnh vực này:

“Physical Education and Sport in Schools: A Review of Benefits and Outcomes” - Tác giả: David Kirk, Dawn Penney, và John Oliver (2006). Công trình này tập trung vào việc đánh giá các lợi ích và kết quả của giáo dục thể chất và thể thao trong trường học. Các tác giả phân tích các tác động của giáo dục thể chất đối với sức khỏe, phát triển tinh thần, và hiệu suất học tập của học sinh. [62]

“Promoting Physical Activity in Children and Youth: A Leadership Role for Schools” - Tác giả: Russell R. Pate, Marsha Dowda, và Jennifer F. O'Neill

(2007). Công trình này tập trung vào vai trò của trường học trong việc khuyến khích hoạt động thể chất cho trẻ em và thanh thiếu niên. Các tác giả đề xuất các chiến lược và chương trình cụ thể để thúc đẩy hoạt động thể chất trong môi trường giáo dục.

“Physical Education Matters: A Research Digest” - Tác giả: Active Living Research (2015). Bản tóm tắt này cung cấp một cái nhìn tổng quan về các công trình nghiên cứu quan trọng trong lĩnh vực giáo dục thể chất. Nó bao gồm các chủ đề như tầm quan trọng của giáo dục thể chất, tác động của hoạt động thể chất đối với sức khỏe và học tập, và các chiến lược để tăng cường hoạt động thể chất trong trường học.

“Effects of Physical Education and Activity Levels on Academic Achievement in Children” - Tác giả: Catherine L. Davis, Sara E. Tomporowski, và Kate Lambourne (2009). Công trình này tập trung vào mối quan hệ giữa hoạt động thể chất và thành tích học tập ở trẻ em. Các tác giả phân tích cách hoạt động thể chất ảnh hưởng đến khả năng tập trung, trí óc, và kết quả học tập của học sinh.

Các công trình nghiên cứu này cung cấp cái nhìn sâu sắc và cập nhật về những khía cạnh quan trọng của giáo dục thể chất và ảnh hưởng của nó đối với sức khỏe và phát triển của học sinh.

Dưới góc độ quản lý giáo dục và trên cơ sở nghiên cứu nêu trên, luận án cho rằng: Chất lượng là phù hợp với mục tiêu, đây là một quan niệm mang tính thực tế, xem xét chất lượng trong mối tương quan với mục tiêu của hệ thống. Do vậy, chất lượng vì thế được xem là một thuộc tính của chức năng hoạt động đối với công tác quản lý giáo dục. Vì thế, việc xác định các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn – Lào cũng được xem xét, xây dựng theo quan điểm phù hợp với mục tiêu. Tức là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và định hướng phát triển công tác GDTC cho học sinh nói chung của Lào và nói riêng ở thủ đô Viêng

Chăn. Trong đó, đặc biệt nhấn mạnh các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng GDTC.

1.2. Cơ sở khoa học về nâng cao chất lượng giáo dục thể chất

1.2.1. Cơ sở khoa học về giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất

Cơ sở khoa học về giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất dựa trên nghiên cứu và lý thuyết trong các lĩnh vực liên quan đến giáo dục, thể dục, y tế và tâm lý học. Dưới đây là một số cơ sở khoa học cụ thể mà các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất có thể dựa vào:

Nghiên cứu về hiệu quả của chương trình và phương pháp giảng dạy: Các nghiên cứu đã chứng minh rằng việc thực hiện các chương trình giáo dục thể chất có cấu trúc và phù hợp có thể dẫn đến cải thiện về sức khỏe, thể lực và tinh thần của học sinh. Những nghiên cứu này cung cấp dữ liệu về các phương pháp và chiến lược giảng dạy hiệu quả.

Lý thuyết về phát triển và học tập: Các lý thuyết trong lĩnh vực phát triển và học tập, như lý thuyết phát triển tâm thần của Jean Piaget và lý thuyết học tập xã hội của Lev Vygotsky, cung cấp các cơ sở cho việc thiết kế các chương trình giáo dục thể chất phù hợp với khả năng và nhu cầu của học sinh.

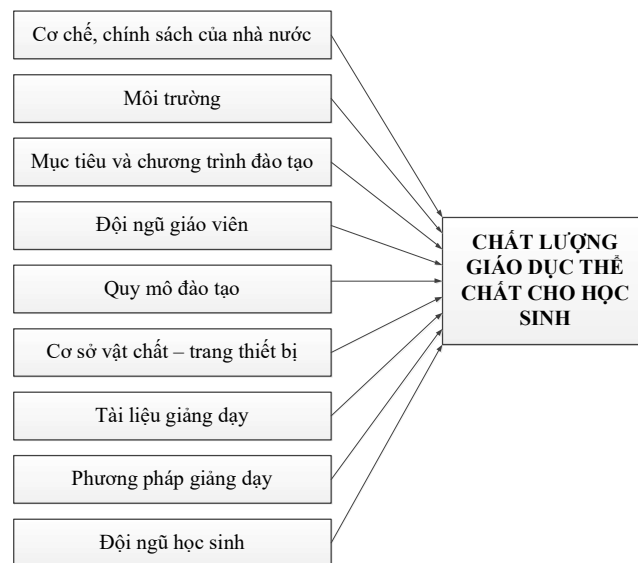
Nghiên cứu về tác động của hoạt động thể chất đối với sức khỏe và học tập: Có nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng hoạt động thể chất có thể cải thiện sức khỏe toàn diện và tăng cường khả năng học tập của học sinh. Những nghiên cứu này cung cấp lý thuyết về tác động của việc thực hành thể dục định kỳ đối với cả khía cạnh vật lý và tinh thần của con người.

Nghiên cứu về tình hình sức khỏe và thể chất của học sinh: Các nghiên cứu về tình hình sức khỏe và thể chất của học sinh giúp xác định các vấn đề cụ thể và nhận diện các nhóm học sinh có nguy cơ cao hơn. Các thông tin này cung cấp cơ sở để phát triển các chương trình và chiến lược đặc biệt nhằm giúp những nhóm này.

Nghiên cứu về tác động của môi trường và chính sách công cộng: Các nghiên cứu về tác động của môi trường và chính sách công cộng đối với hành vi thể chất và sức khỏe của cộng đồng học sinh cung cấp thông tin quan trọng về những yếu tố ngoại cảnh có thể ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục thể chất.

1.2.2. Khung khái niệm về các yếu tố tác động đến quản lý chất lượng giáo dục thể chất

Qua phân tích thực tế, tham khảo, tổng hợp các công trình nghiên cứu có liên quan, luận án đưa ra giả thuyết về 9 yếu tố tác động trực tiếp và gián tiếp thông qua khung khái niệm về các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào. Kết quả như trình bày ở hình 1.1. [60]



Hình 1.1 Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý chất lượng giáo dục thể chất

Trong đó:

Yếu tố 1. Cơ chế, chính sách của nhà nước: Cơ chế chính sách của Nhà nước ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển đào tạo nghề cả về quy mô, cơ cấu và chất lượng đào tạo. Cơ chế, chính sách của Nhà nước tác động tới chất lượng GDTC như việc khuyến khích hay kìm hãm cạnh tranh nâng cao chất lượng; tạo ra môi trường bình đẳng cho các cơ sở đào tạo cùng phát triển nâng cao chất lượng hay không. Bên cạnh đó thì các chính sách giáo dục có thể khuyến khích

hoặc kìm hãm huy động các nguồn lực để cải tiến nâng cao chất lượng, việc mở rộng liên kết hợp tác quốc tế. Ngoài ra còn rất nhiều chính sách tác động đến chất lượng giáo dục như: Các chính sách về đầu tư, về tài chính với các cơ sở có đào tạo, quy định về các chuẩn mực về chất lượng đào tạo. Chính sách về việc đánh giá, kiểm định chất lượng đào tạo, quy định về quản lý chất lượng đào tạo và cơ quan chịu trách nhiệm giám sát việc kiểm định chất lượng đào tạo; chính sách về lao động, việc làm và tiền lương...

Yếu tố 2. Môi trường: Yếu tố về môi trường được đề cập đến ở đây không hướng tới là môi trường tự nhiên, mà đó chính là môi trường xã hội, môi trường kinh tế,... Các yếu tố về môi trường có thể tác động đến chất lượng GDTC có thể kể đến như: Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, việc toàn cầu hóa và hội nhập đòi hỏi chất lượng đào tạo giáo dục của Lào phải được nâng lên để sản phẩm tạo ra đáp ứng yêu cầu của thị trường, của khu vực và trên thế giới. Đồng thời toàn cầu hóa cũng tạo ra cơ hội cho giáo dục Lào nhanh chóng tiếp cận trình độ tiên tiến. Hay việc phát triển khoa học, công nghệ yêu cầu con người phải nắm bắt kịp thời và thường xuyên học tập. Kinh tế xã hội phát triển làm cho nhận thức của xã hội và công chúng về giáo dục được tăng lên, người học ngày càng khẳng định được vị thế, vai trò của mình trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Yếu tố 3. Mục tiêu và chương trình đào tạo: Mục tiêu đào tạo hay sản phẩm đào tạo chính là người học với nhân cách đã được phát triển, hoàn thiện thông qua quá trình dạy học mà được đánh giá dựa trên tiêu chí là nhân cách và năng lực. Chương trình môn học GDTC là hệ thống các môn học thể hiện mục tiêu đào tạo, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức (thái độ), phạm vi và cấu trúc nội dung đào tạo, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, trình độ đào tạo của bậc đào tạo. Nó là chuẩn mực để đánh giá chất lượng GDTC trong các trường THPT. Chương trình đào tạo phải đảm bảo mục tiêu đào tạo, phải đảm bảo thiết

kế sao cho vừa cả điều kiện chung (chương trình khung) là phần cứng do cơ quan chủ quản cấp trên đã phê duyệt và thống nhất và phần chuyên môn TĐTT.

Yếu tố 4. Đội ngũ giáo viên: Đội ngũ giáo viên đóng vai trò quyết định trong việc đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo của các đơn vị nhà trường. Giáo viên GDTC là người truyền thụ kiến thức, thiết kế và tổ chức các hoạt động của người học, hướng nghiệp và khơi nguồn cảm hứng, hứng thú trong quá trình học tập của học sinh. Giáo viên GDTC còn có vai trò hết sức quan trọng trong việc phát triển kích thích khả năng sáng tạo của học sinh hình thành những kỹ năng, kỹ xảo các môn thể thao ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Để người học đáp ứng được chất lượng GDTC thì các yếu tố đầu vào phải tốt. Trong đó chất lượng, năng lực và trình độ của đội ngũ giáo viên GDTC là điều kiện tiên quyết. Do vậy, các trường luôn cần có biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng của đội ngũ giáo viên GDTC trên cơ sở đó sẽ nâng cao chất lượng đầu ra.

Yếu tố 5. Quy mô đào tạo: Quy mô đào tạo có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng GDTC. Việc quy mô đào tạo không tương xứng với đội ngũ giáo viên GDTC, cơ sở vật chất – trang thiết bị sẽ dẫn đến việc quá tải, giáo viên sẽ không bao quát và không thể đánh giá kết quả học tập của mỗi thành viên trong lớp; không đủ công trình thể thao, thiết bị cho học sinh tập luyện... điều này làm ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng GDTC.

Yếu tố 6. Cơ sở vật chất – trang thiết bị: Cơ sở vật chất – trang thiết bị giảng dạy có vai trò tích cực trong việc hỗ trợ người dạy và người học để nâng cao chất lượng GDTC. Việc nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật là yêu cầu cấp thiết trong công tác đào tạo ở Lào hiện nay.

Yếu tố 7. Tài liệu giảng dạy: Sách giáo khoa là tài liệu môn học, thông qua bài giảng kết hợp với sách giáo khoa môn học giúp người học có thể tiếp thu bài giảng sâu hơn. Hiện nay ngoài sách giáo khoa thì các nhà trường còn khuyến khích tất cả giáo viên tham gia giảng dạy viết tài liệu tham khảo lưu hành nội bộ. Các tài liệu giảng dạy đạt chuẩn thì đòi hỏi người biên soạn phải

có kinh nghiệm, có trình độ. Giáo án là kế hoạch chuẩn bị bài giảng của người dạy. Thông qua giáo án người dạy sẽ truyền thụ kiến thức đến với học sinh vì vậy việc chuẩn bị giáo án phải được thực hiện một cách nghiêm túc và cẩn thận nếu như muốn nâng cao chất lượng GDTC.

Yếu tố 8. Phương pháp giảng dạy: Dạy học là quá trình người dạy truyền đạt cho người học hệ thống những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nhằm phát triển năng lực trí tuệ và hình thành thế giới quan cho họ. Đối tượng của quá trình dạy học là người học - con người với sự đa dạng về nhận thức, quan điểm, tình cảm... làm cho quá trình dạy học trở thành hoạt động rất khó khăn, phức tạp. Vì vậy, đối với giáo viên, thời gian và kinh nghiệm giảng dạy là một vốn quý, có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng GDTC. Giảng dạy là quá trình truyền thụ kiến thức, người dạy phải nắm vững kiến thức. Mục tiêu của việc giảng dạy là phải làm cho kiến thức của người dạy trở thành kiến thức của người học, có nghĩa là trò phải tiếp thu tốt kiến thức của thầy. Điều này có quan hệ mật thiết đến phương pháp giảng dạy. Để đạt được mục đích đó, những con người khác nhau sẽ chọn những phương pháp khác nhau phù hợp với năng lực tiếp thu của người học.

Yếu tố 9. Đội ngũ học sinh: Người học là nhân tố quan trọng nhất, có tính chất quyết định đối với công tác đào tạo nguồn nhân lực. Trình độ văn hóa, sự hiểu biết, tâm lý, cá tính, khả năng tài chính, quỹ thời gian, khả năng tự học... của bản thân người học đều ảnh hưởng sâu sắc tới chất lượng GDTC. Người học cũng phải đạt được những tiêu chuẩn nhất định. Quan trọng nhất là ý thức của người học phải cao, điều này đồng nghĩa với việc người học phải có sự quyết tâm trong quá trình học, đặt ra mục tiêu “học để làm gì”, đây chính là yếu tố quyết định trực tiếp đến chất lượng giảng dạy.

1.3. Phát triển giáo dục thể chất cho học sinh ở Lào

1.3.1. Lịch sử phát triển giáo dục và thể thao của Lào

- Về giáo dục: Lào có lịch sử phát triển giáo dục lâu đời, dân tộc Lào có truyền thống hiếu học, trong thời kỳ phong kiến giáo dục chủ yếu để tuyển chọn

tầng lớp quan lại và tầng lớp trí thức nhằm duy trì và phát triển chế độ phong kiến đương thời.

Cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, nước CHDCND Lào là thuộc địa của Pháp, nền giáo dục mà người Lào dựng lên trong lịch sử được thay thế bằng nền giáo dục của Pháp, chủ yếu để đào tạo nhân lực phục vụ cho bộ máy cai trị của thực dân Pháp.

Sau khi đất nước CHDCND Lào được giải phóng hoàn toàn và tuyên bố thành lập nước CHDCND Lào vào ngày 2-12-1975. Trên cơ sở truyền thống phát triển lâu đời của nền giáo dục Lào, trải qua các thời kỳ cải cách giáo dục trong suốt thời kỳ từ năm 1975 đến nay, hệ thống giáo dục được quy định tại điều 10 của luật giáo dục sửa đổi bổ sung năm 2007. Hệ thống giáo dục hiện nay bao gồm [70; 76; 79; 89]:

(1) Hệ thống giáo dục quốc dân gồm giáo dục chính quy và giáo dục không chính quy.

(2) Các cấp học và trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục bao gồm:

Giáo dục mầm non: Nhà trẻ và mẫu giáo.

Giáo dục phổ thông: tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Giáo dục nghề nghiệp: có trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề.

Giáo dục đại học đào tạo: Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ và Tiến sĩ.

- Về thể dục thể thao: Sau khi đất nước được giải phóng hoàn toàn Đảng và Nhà nước của chúng ta chú trọng sự phát triển trong lĩnh vực thể dục thể thao nhiều hơn và tổ chức lại hệ thống hoạt động thể dục thể thao và coi việc đào tạo nguồn nhân lực và phát triển giáo dục thể chất là mục tiêu hàng đầu để thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Với nhiệm vụ to lớn mà Đảng và Nhà nước giao cho, đến năm 1978 Bộ Giáo dục và đào tạo đã quyết định nâng trường Trung cấp thể dục thể thao Viêng Chăn trở thành trường Cao đẳng thể dục thể thao của Lào để nâng cao kiến thức cho nhân lực ngành thể dục thể thao phục vụ cho các trường tiểu học, trường THPT, trường học nghề... trên toàn quốc và làm bước đệm để phát triển phòng trào TDTT cho toàn xã hội.

Đến năm 1980 lần đầu tiên nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào có VĐV tham dự Đại hội thể dục thể thao lớn nhất trên thế giới được tổ chức tại thủ đô Moscow của Liên Xô cũ (nay là Liên bang Nga). Từ đó đến nay nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào là một thành viên của phong trào Olympic và đã trở thành thành viên tích cực và liên tục tham gia các kỳ đại hội: năm 1988 tại thủ đô Seoul nước cộng hòa Hàn Quốc; năm 1992 tại Barcelona tại Vương quốc Tây Ban Nha...

Năm 1982 lần đầu tiên nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào tham dự Đại hội thể dục thể thao Châu Á được tổ chức tại thủ đô New Delhi nước cộng hòa Ấn Độ và đã tiếp tục tham dự đến ngày nay. Thành tích tốt nhất đã đạt được trong lịch sử tham dự giải đấu lớn nhất Châu Á là huy chương Bạc của môn thể thao boxing được tổ chức tại thủ đô Bắc Kinh, Trung Quốc năm 1990 và cũng là huy chương đầu tiên của đoàn thể dục thể thao Lào đã từng tham dự giải đấu lớn nhất Châu Á này.

Sau nhiều năm vắng mặt tại Đại hội thể dục thể thao Đông Nam Á hay còn gọi là Sea Games, Lào chính thức tham dự vào năm 1989 Sea Games lần thứ 15 được đăng cai tổ chức tại Kuala Lumpur của vương quốc Malaysia. Lào được quyền đăng cai tổ chức Sea Games lần đầu tiên là Sea Games 25 được tổ chức tại thủ đô Viêng Chăn cũng là kỳ Sea Games thành công nhất của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào từ trước đến nay đã tham dự.

Với quyết tâm phát triển phong trào thể dục thể thao của đất nước, Đảng và Nhà nước đã quyết định tổ chức Đại hội thể dục thể thao trên toàn quốc lần đầu tiên năm 1985 tại thủ đô Viêng Chăn có 12 nội dung được tổ chức thi đấu và được đăng cai tổ chức theo chu kỳ 3 năm một lần đến ngày nay.

Thấy được tầm quan trọng của phong trào thể dục thể thao và nhằm nâng cao thể chất cho học sinh, sinh viên để phát triển con người toàn diện, Bộ Giáo dục và thể thao đã có quyết định thành lập Liên Đoàn thể dục thể thao sinh viên Lào, số 4757/BGD, ngày 20/12/2011 có trụ sở điều hành tại Trường Đại học Quốc gia Lào. Nhiệm vụ của liên đoàn là tổ chức và đưa sinh viên tham dự Đại

hội thể dục thể thao sinh viên Đông Nam Á, Châu Á và thể dục thể thao Quốc tế. Sau khi được thành lập, lần đầu tiên liên đoàn đã tổ chức đưa các vận động viên tham dự Đại hội thể dục thể thao sinh viên Đông Nam Á tổ chức tại Indonesia vào năm 2014 và đến ngày 05/03/2016 trường Đại học Quốc Gia Lào được quyền đăng cai tổ chức Đại hội thể dục thể thao sinh viên toàn quốc lần thứ I và thành công tốt đẹp với thành tích nhất toàn đoàn [80, 87, 88].

Đại hội Thể thao học sinh Đông Nam Á lần thứ 13 diễn ra từ ngày 1/6 đến 9/6/2024, tại thành phố Đà Nẵng. Đại hội lần này có sự tham gia của hơn 1.300 vận động viên, huấn luyện viên, trong đó có Lào và các đoàn thể thao của 9 quốc gia khác như: Brunei, Campuchia, Indonesia, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thái Lan và chủ nhà Việt Nam.

1.3.2. Quan điểm, đường lối và chính sách

Trong một thời gian dài, Lào đã chú trọng vào việc cải thiện hệ thống giáo dục thể chất nhằm nâng cao sức khỏe và phát triển cơ bản cho người dân. Dưới đây là một số quan điểm, đường lối và chính sách phát triển giáo dục thể chất ở Lào:

Quan điểm và mục tiêu: Lào coi trọng việc phát triển giáo dục thể chất như một phần quan trọng của chăm sóc sức khỏe cơ bản và phát triển con người. Mục tiêu là cải thiện sức khỏe, tăng cường thể chất và tinh thần cho toàn dân, đặc biệt là trẻ em và thanh thiếu niên.

Hệ thống giáo dục thể chất trong trường học: Chính phủ Lào đã thiết lập các chương trình giáo dục thể chất trong trường học, bao gồm việc cung cấp giáo trình và hoạt động thể chất đa dạng cho học sinh. Các hoạt động bao gồm các môn thể dục, thể thao địa phương, yoga và các hoạt động ngoại khóa.

Hợp tác với tổ chức quốc tế: Chính phủ Lào đã hợp tác với các tổ chức quốc tế như WHO (Tổ chức Y tế Thế giới) và UNICEF (Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc) để cải thiện giáo dục thể chất và chăm sóc sức khỏe cơ bản cho người dân.

Nâng cao nhận thức và kiến thức: Chính phủ và các tổ chức liên quan đã tổ chức các chương trình giáo dục và thông tin để nâng cao ý thức và kiến thức về sức khỏe và thể chất cho cộng đồng.

Phát triển cơ sở vật chất: Ngoài việc cải thiện chương trình giáo dục thể chất, chính phủ cũng đầu tư vào việc xây dựng cơ sở vật chất như hồ bơi, sân thể thao và các phòng tập gym để tạo điều kiện tốt nhất cho việc tham gia hoạt động thể chất của người dân.

Tóm lại, Lào đã thực hiện một loạt các biện pháp để phát triển giáo dục thể chất nhằm nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống của người dân, đặc biệt là trẻ em và thanh thiếu niên.

1.3.3. Đặc điểm các trường THPT ở thủ đô Viêng Chăn – Lào

Hệ thống giáo dục chính quy tại Lào bao gồm giáo dục phổ thông (Giáo dục Mầm non: nhà trẻ (0-2 tuổi), mẫu giáo (3-5 tuổi) và trường mẫu giáo (Mới thành lập chỉ dành cho trẻ từ 5 tuổi). Giáo dục Tiểu học (6-11 tuổi trong 5 năm), Giáo dục Trung học Cơ sở (11-15 tuổi trong 4 năm), Trường Trung học Phổ thông (15-18 tuổi trong 3 năm), Giáo dục và đào tạo Kỹ thuật và Nghề nghiệp (TVET) và Giáo dục Đại học. Mặt khác, giáo dục không chính quy chủ yếu được cung cấp cho người lớn và trẻ em chưa từng đi học. Hệ thống cung cấp các chương trình học thuật cho những người đã hoàn thành giáo dục trung học phổ thông, Chương trình học thuật cung cấp bằng liên kết, bằng Cử nhân, bằng Thạc sĩ và bằng Tiến sĩ: Bộ Giáo dục Đại học (DHE) chịu trách nhiệm quản lý, điều phối và giám sát lĩnh vực giáo dục đại học. [98]

Các trường trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, có một số đặc điểm đáng chú ý dưới đây: [99]

(1) Hệ thống giáo dục và cơ cấu chương trình học.

Cấu trúc giáo dục: Giáo dục trung học phổ thông ở Lào thường kéo dài 3 năm, từ lớp 10 đến lớp 12, tương tự với hệ thống giáo dục của nhiều nước trong khu vực. Chương trình học tập trung vào các môn học cơ bản như Toán, Văn, Khoa học, và Ngoại ngữ.

Chương trình giảng dạy: Chương trình giảng dạy tại các trường trung học phổ thông ở Viêng Chăn tuân theo khung chương trình giáo dục quốc gia, do Bộ Giáo dục và Thể thao Lào thiết lập. Ngoài các môn học chính thức, học sinh cũng được học về văn hóa, lịch sử Lào và các giá trị truyền thống.

(2) Cơ sở vật chất – kỹ thuật.

Điều kiện cơ sở vật chất: Các trường trung học ở Viêng Chăn có điều kiện cơ sở vật chất khác nhau tùy thuộc vào mức độ đầu tư của từng trường. Một số trường tại các khu vực trung tâm thành phố có cơ sở vật chất hiện đại hơn, bao gồm phòng máy tính, thư viện và trang thiết bị học tập đầy đủ. Tuy nhiên, một số trường ở vùng ven hoặc ngoại ô có thể gặp phải tình trạng thiếu thốn về trang thiết bị.

Cải tiến và đầu tư: Chính phủ Lào đã thực hiện nhiều nỗ lực cải tiến cơ sở hạ tầng giáo dục, đặc biệt là ở thủ đô Viêng Chăn, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập cho học sinh trung học.

(3) Chất lượng đội ngũ giáo viên.

Trình độ giáo viên: Đội ngũ giáo viên ở các trường trung học phổ thông tại Viêng Chăn nhìn chung có trình độ chuyên môn tốt, nhiều giáo viên đã được đào tạo chuyên sâu trong và ngoài nước. Tuy nhiên, việc tiếp cận các phương pháp giảng dạy hiện đại và công nghệ giáo dục vẫn còn hạn chế ở một số trường.

Chính sách đào tạo: Chính phủ Lào chú trọng đến việc đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, giúp họ nâng cao kiến thức và kỹ năng sư phạm. Các chương trình tập huấn, đào tạo thường xuyên được tổ chức để nâng cao năng lực giảng dạy của giáo viên.

(4) Sự đa dạng ngôn ngữ.

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Lào là ngôn ngữ chính trong giảng dạy tại các trường trung học phổ thông. Tuy nhiên, tại một số trường, học sinh có thể học thêm các ngoại ngữ như tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc tiếng Thái để nâng cao kỹ năng giao tiếp và hội nhập quốc tế.

Ngoại ngữ: Tiếng Anh đang dần trở nên quan trọng trong chương trình giáo dục ở Viêng Chăn, đặc biệt trong các trường quốc tế hoặc các chương trình song ngữ.

(5) Học sinh và môi trường học tập.

Thành phần học sinh: Các trường trung học phổ thông ở Viêng Chăn thu hút học sinh từ nhiều khu vực khác nhau, đặc biệt là từ các vùng nông thôn lân cận di cư vào thủ đô để có điều kiện học tập tốt hơn.

Môi trường học tập: Môi trường học tập tại các trường trung học phổ thông tại Viêng Chăn tương đối thân thiện và tôn trọng truyền thống văn hóa. Học sinh được giáo dục về đạo đức, tinh thần yêu nước và đoàn kết dân tộc.

(6) Sự hỗ trợ từ chính phủ và các tổ chức quốc tế.

Chính sách hỗ trợ: Chính phủ Lào, với sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế và phi chính phủ, đang nỗ lực cải thiện chất lượng giáo dục tại các trường trung học phổ thông. Các dự án hợp tác với các tổ chức quốc tế đã mang lại nhiều cơ hội học bổng, cải thiện chương trình giảng dạy và cung cấp các trang thiết bị hiện đại cho các trường.

Đầu tư từ chính phủ: Việc đầu tư vào giáo dục được xem là một trong những ưu tiên hàng đầu của chính phủ Lào, đặc biệt tại Viêng Chăn, nơi có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế.

(7) Thách thức và cơ hội phát triển.

Thách thức: Một trong những thách thức lớn đối với các trường trung học phổ thông tại Viêng Chăn là sự chênh lệch về cơ sở vật chất giữa các khu vực trung tâm và ngoại ô. Ngoài ra, vấn đề về năng lực sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy cũng cần được nâng cao.

Cơ hội: Với sự hỗ trợ từ quốc tế và chính phủ, các trường trung học ở Viêng Chăn đang ngày càng có nhiều cơ hội phát triển, đặc biệt trong việc áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại và nâng cao kỹ năng ngoại ngữ cho học sinh.

Tóm lại, các trường trung học phổ thông ở Viêng Chăn đang không ngừng cải thiện về chất lượng giảng dạy và cơ sở vật chất, tuy nhiên vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức cần khắc phục để có thể đạt được những tiêu chuẩn giáo dục quốc tế.

1.3.4. Chương trình giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông ở Lào

Tính đến thời điểm hiện tại, chương trình môn học thể dục cho học sinh trung học phổ thông ở Lào được cung cấp chủ yếu do giáo viên giảng dạy. Tuy nhiên, dựa trên các nguyên tắc và quy định chung của giáo dục ở Lào và các quốc gia khác, chương trình môn học thể dục cho học sinh trung học phổ thông ở Lào bao gồm các yếu tố sau:

Giáo trình cơ bản: Chương trình thể dục sẽ tập trung vào việc giúp học sinh phát triển thể chất và nâng cao khả năng vận động. Đồng thời rèn luyện khả năng phối hợp giữa các giác quan và chuyển động, đặc biệt trong các môn thể thao tự chọn như bóng đá, bóng rổ, bóng chuyền...

Thể dục vận động: Học sinh có thể tham gia vào các hoạt động vận động như thể dục buổi sáng, thể dục ngoài trời, đi bộ, và các trò chơi thể thao như bóng đá, bóng rổ, bóng chuyền, và cầu lông.

Giáo dục về lối sống lành mạnh: Chương trình cũng có thể bao gồm các buổi giảng về lối sống lành mạnh, dinh dưỡng, vệ sinh cá nhân, và các kỹ năng tự bảo vệ.

Kiểm tra và đánh giá: Học sinh có thể được đánh giá dựa trên việc tham gia hoạt động, kỹ năng thể chất, và kiến thức về sức khỏe và thể dục.

Các hoạt động ngoại khóa và cuộc thi: Ngoài giờ học chính thức, các hoạt động ngoại khóa như câu lạc bộ thể thao, cuộc thi thể thao, và các sự kiện vận động có thể được tổ chức để khuyến khích học sinh tham gia và phát triển kỹ năng thể chất.

Về mục tiêu chung chương trình giáo dục thể chất:

Giáo dục thể chất là một trong những mục tiêu giáo dục toàn diện của Đảng và Nhà nước Lào và nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân. Giáo dục thể chất được hiểu là: “Quá trình sư phạm nhằm giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ, hoàn thiện về thể chất và nhân cách, nâng cao khả năng làm việc, và kéo dài tuổi thọ của con người”.

Giáo dục thể chất trong trường THPT là một phần của chương trình giáo dục chính quy, nhằm phát triển toàn diện thể chất, sức khỏe, kỹ năng vận động và thái độ sống tích cực cho học sinh. Đây là một môn học quan trọng, không chỉ tập trung vào việc rèn luyện thể lực mà còn hướng đến xây dựng lối sống lành mạnh và các phẩm chất cá nhân cần thiết cho cuộc sống. Đặc biệt là giáo dục các phẩm chất, đạo đức, giáo dục ý thức và nhân cách. Chương trình giáo dục thể chất trong các trường nhằm giải quyết nhiệm vụ giáo dục cơ bản đặc trưng: Trang bị kiến thức, kỹ năng và rèn luyện thể lực của học sinh.

Chương trình giáo dục thể chất nhằm giải quyết các nhiệm vụ sau đây:

Giáo dục tinh thần tập thể, ý thức tổ chức kỷ luật, xây dựng niềm tin, lối sống tích cực lành mạnh, tinh thần tự giác học tập và rèn luyện thân thể, chuẩn bị sẵn sàng phục vụ sản xuất và bảo vệ tổ quốc.

Cung cấp cho học sinh những kiến thức lý luận cơ bản về nội dung và phương pháp luyện tập thể dục thể thao, kỹ năng vận động và kỹ thuật cơ bản một số môn thích hợp, trên cơ sở đó bồi dưỡng khả năng sử dụng các phương tiện nói trên để tự rèn luyện thân thể, tham gia tích cực vào việc tuyên truyền và tổ chức các hoạt động thể dục thể thao ở cơ sở.

Góp phần duy trì và củng cố sức khỏe của học sinh, phát triển cơ thể một cách hài hòa, xây dựng thói quen lành mạnh và khắc phục những thói quen xấu trong cuộc sống, nhằm đạt hiệu quả tốt trong quá trình học tập và đạt những chỉ tiêu thể lực quy định cho từng đối tượng và năm học trên cơ sở tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo lứa tuổi.

Giáo dục thẩm mỹ cho học sinh và tạo điều kiện để nâng cao trình độ thể thao của vận động viên.

Nền giáo dục của nước công hòa dân chủ nhân dân Lào đang phát triển theo hướng hiện đại hóa, hướng ra thế giới và nhìn vào tương lai. Công tác giáo dục cần phải đặt thể dục thể thao vào vị trí xứng đáng, và phải được coi trọng nhằm để tăng cường thể chất học sinh, giữ gìn sức khỏe phát triển tâm lý. Giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ và giúp sinh viên nắm được các tri thức cơ sở của thể dục thể thao, kỹ năng và kỹ thuật cơ bản, làm cho sinh viên lý giải được mục đích nhiệm vụ, vị trí và ý nghĩa của thể dục thể thao nhà trường trong xã hội. Đồng thời phải trang bị được những nguyên lý cơ bản của rèn luyện thân thể và phương pháp tự rèn luyện thân thể có khoa học để thích ứng với việc rèn luyện thân thể và sinh hoạt giải trí. Yêu cầu sư phạm phải đảm bảo giáo dục học sinh yêu tổ quốc, bồi dưỡng hứng thú thể dục thể thao, ý thức thường xuyên luyện tập thể dục thể thao, phát triển cá tính, bồi dưỡng ý chí kiên cường, tinh thần dũng cảm ngoan cường và tính sáng tạo, bồi dưỡng sinh viên biết phục tùng tổ chức, tuân thủ kỹ thuật, tác phong đoàn kết hợp tác, tính hoạt bát năng động, bồi dưỡng mỹ cảm thể dục thể thao và hành vi có văn hóa của học sinh.

Về chương trình dạy học giáo dục thể chất ở các trường THPT của thủ đô Viêng Chăn - Lào chỉ có một chương trình duy nhất. Nội dung cơ bản bao gồm: tri thức cơ bản về thể dục thể thao, điền kinh, thể dục cơ bản; và một số môn thể thao tự chọn... trong đó kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn thể dục là một bộ phận cấu thành nhằm đánh giá công tác giáo dục thể chất trong nhà trường và hiệu quả giáo dục toàn diện đối với học sinh.

Về hình thức tổ chức dạy học:

Là hình thức cơ bản nhất của thể dục thể thao được tiến hành trong kế hoạch học tập của nhà trường. Chủ yếu đào tạo giáo dục về thể chất, thể thao cho học sinh là nhiệm vụ chủ yếu, nên trước hết phải có nội dung thích hợp để phát triển các tổ chất thể lực và phối hợp hoạt động cho học sinh. Đồng thời giúp các em có năng lực nhất định để tiếp thu được các kỹ thuật động tác thể dục thể thao.

Bản thân giờ học thể dục thể thao có ý nghĩa quan trọng nhiều mặt đối với việc quản lý và giáo dục con người trong xã hội, việc học tập trong các bài tập thể dục, các kỹ thuật động tác là điều kiện cần thiết để con người phát triển cơ thể một cách hài hòa, bảo vệ và củng cố sức khỏe, hình thành năng lực chung và chuyên môn. Mặt khác trong giờ học thể dục thể thao, những phẩm chất ý chí của con người như: lòng dũng cảm, tính mạnh dạn quyết đoán, tính kiên trì và khả năng tự kiểm chế... được hình thành và hoàn thiện. Các giờ học còn có vai trò rất lớn trong việc giát dục lòng yêu nước, tinh thần tập thể, sự thẳng thắn trung thực.

Giờ học thể dục thể thao chính khóa.

Giờ học chính khóa là hình thức cơ bản nhất của giáo dục thể chất được tiến hành trong kế hoạch học tập của nhà trường. Đào tạo cơ bản về thể chất, thể thao cho học sinh - sinh viên là nhiệm vụ cần thiết, trước hết chương trình phải có cấu trúc nội dung thích hợp để phát triển các tố chất thể lực và phối hợp vận động cho học sinh. Đồng thời, giúp các em có trình độ nhất định để tiếp thu được các kỹ thuật động tác TDTT theo chương trình.

Với mục tiêu chính của việc đào tạo cơ bản về thể chất và thể thao trong trường học là: “xúc tiến quá trình đào tạo năng lực đạt thành tích trong thể chất và thể thao của học sinh, phát triển các tố chất thể lực, phát triển năng lực tâm lý, tạo ý thức tập luyện TDTT thường xuyên, giáo dục được đức tính cơ bản và lòng nhân đạo cho học sinh.

Do vậy, giờ học chính khóa môn học thể dục thể thao mang tính hành chính pháp quy, quy định đối với học sinh và cán bộ giảng dạy. Đó là giờ học theo chương trình có quy định thời gian và quy cách đánh giá chất lượng được bố trí theo kế hoạch và có sự kiểm tra giám sát của Nhà nước. giờ học chính khóa đã được luật giáo dục quy định bắt buộc.

Giờ học thể dục thể thao ngoại khóa - tự tập luyện TDTT.

Là quá trình tập luyện của một bộ phận học sinh có nhu cầu và ham thích trong thời gian nhàn rỗi với mục đích phát triển năng lực thể chất một cách toàn

diện, đồng thời nâng cao thành tích thể thao của học sinh. Giờ học ngoại khóa có tác dụng củng cố và hoàn thiện các bài học chính khóa và được tiến hành vào giờ tự học của học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên TDTT hay hướng dẫn viên TDTT. Ngoài ra còn các hoạt động thể thao quần chúng ngoài giờ học bao gồm: Luyện tập trong các câu lạc bộ, các đội đại biểu từng môn thể thao, các bài tập thể dục vệ sinh chống mệt mỏi hàng ngày, cũng như giờ tự luyện tập của học sinh, phong trào tự rèn luyện thể lực [49, 51].

Một số yếu tố đảm bảo cho công tác giáo dục thể chất.

Giáo dục thể chất là một mặt giáo dục trong nhà trường. Do vậy cần phải có sự đầu tư trang bị những điều kiện đảm bảo cần thiết phục vụ cho công tác giảng dạy và tập luyện ngoại khóa, cũng như tự rèn luyện thể thao, rèn luyện thân thể và hoạt động văn hóa - thể thao của học sinh. Từng trường có định mức kinh phí phục vụ cho công tác giáo dục thể chất và hoạt động văn hóa thể thao của học sinh trong vấn đề giáo dục. Từng trường phải đảm bảo yêu cầu tối thiểu và các phương tiện phục vụ việc dạy và học thể dục thể thao theo chương trình giáo dục thể chất và hoạt động thể thao của nhà trường.

Do vậy việc đầu tư phục vụ dạy học môn thể dục ở các trường học phải có sân tập, nhà tập, các dụng cụ phục vụ giảng dạy và học tập theo nội dung.

Phải tạo mọi điều kiện cần thiết và cơ sở vật chất, kinh phí để thực hiện việc dạy và học thể dục bắt buộc ở tất cả các trường. Ban quy hoạch xây dựng và nâng cấp trường phải đảm bảo sân chơi, bãi tập cho học sinh.

Các văn bản pháp quy, đó là những văn bản quy chế, quy định tính chất bắt buộc thực hiện công tác giáo dục thể chất trong nhà trường. Đó cũng là những chỉ thị hướng dẫn của Đảng, Nhà nước và đánh đạo Bộ giáo dục và thể thao về việc tổ chức hướng dẫn thực hiện công tác giáo dục thể chất và các quy phạm đánh giá cũng như các văn bản chế độ, chính sách động viên, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện công tác giáo dục thể chất để giáo dục thể chất là một công tác của toàn xã hội.

Công tác cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lý phong trào thể dục thể thao trong các trường là nhân tố quy định chất lượng công tác giáo dục thể chất trong nhà trường. Giáo viên thể dục thể thao có trách nhiệm lập kế hoạch công tác giáo dục thể chất, tiến hành việc dạy môn thể dục thể thao theo chương trình quy định, tổ chức hướng dẫn các hoạt động ngoại khóa và huấn luyện các đội tuyển thể thao học sinh, tổ chức ngày hội thể thao của trường và tham gia các hoạt động chung của ngành, địa phương và toàn quốc. Đồng thời phối hợp với cơ quan y tế tổ chức khám và phân loại sức khỏe học sinh để có biện pháp tập luyện riêng cho những học sinh yếu sức khỏe, phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về thể thao tổ chức biên soạn giáo trình, giáo án phục vụ công tác giảng dạy, học tập và tiến hành dạy tốt môn học thể dục.

Đánh giá chất lượng giáo dục thể chất

Đánh giá chất lượng và hiệu quả dạy học là quá trình thu nhận và xử lý kịp thời các thông tin về hiện trạng, khả năng hay nguyên nhân tốt xấu của chất lượng và hiệu quả giáo dục, mà mục tiêu dạy học, mục tiêu đào tạo đã đề ra để làm cơ sở cho những chủ trương biện pháp và hành động giáo dục tiếp theo. Đánh giá chất lượng và hiệu quả dạy học là công cụ điều khiển kế hoạch hoạt động nhằm tạo cơ sở cho những quyết định về mục tiêu, chương trình, phương pháp dạy học, về những hoạt động khác có liên quan đến nhà trường và ngành giáo dục. Đánh giá kết quả học tập là quá trình thu nhận và xử lý thông tin về trình độ khả năng thực hiện mục tiêu học tập của học sinh về tác động của quá trình dạy học nhằm tạo cơ sở cho những quyết định sự phạm của giáo viên và nhà trường cho đối tượng học sinh để họ học tập ngày một tiến bộ.

Mục tiêu giáo dục là hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và kiến thức cho học sinh đào tạo những người lao động phát triển toàn diện, trung thành với ý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đạo đức, sức khỏe, học vấn, nghề nghiệp, có ý thức cộng đồng, năng động và sáng tạo, có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân

loại, có tính tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Đánh giá chất lượng giáo dục thể chất của học sinh thường được tiến hành theo các nội dung như sau:

Kiến thức lý luận và giáo dục thể chất được quy định theo chương trình.

Kỹ năng thực hiện các môn thể thao

Thực hiện các chỉ tiêu thể lực theo nội dung tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

Tính chuyên cần và hứng thú tập luyện, thi đấu thể thao.

Biện pháp đánh giá thành tích môn học là theo phương pháp cho điểm tổng hợp. Nội dung cho điểm bao gồm 4 mặt như sau:

Tính chuyên cần và tính tích cực ở trên lớp.

Nhận thức về thể dục thể thao.

Tổ chất thể lực và năng lực vận động.

Kiểm tra kỹ năng vận động là các động tác thể thao của chương trình.

Như vậy đánh giá chất lượng giáo dục thể chất trước hết phải đánh giá về kiến thức và kỹ năng sư phạm giáo dục thể chất trên cơ sở đạt yêu cầu chất lượng và về chính trị, nhân cách đạo đức đối với các môn học.

Từ việc tổng hợp các nguồn tài liệu và thực tiễn giảng dạy cho thấy, các thông tin cụ thể về chương trình môn học thể dục cho học sinh trung học phổ thông ở Lào phụ thuộc vào các quy định và chính sách cụ thể của từng trường và khu vực giáo dục. Hay nói cách khác, là chương trình giáo dục thể chất cho học sinh THPT ở Lào chưa có sự thống nhất. Vì vậy đã ảnh hưởng lớn đến việc nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông nói chung và thủ đô Viêng Chăn – Lào nói riêng.

1.4. Quan điểm trong đánh giá chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thể chất

1.4.1. Quan điểm trong đánh giá chất lượng giáo dục

Trong đánh giá chất lượng giáo dục, có nhiều quan điểm và cách tiếp cận khác nhau tùy thuộc vào mục tiêu, phương pháp và đối tượng đánh giá. Dưới đây là các quan điểm chính:

(1) Quan điểm dựa trên đầu vào (Input-based).

Quan điểm này tập trung vào việc đánh giá các yếu tố đầu vào của hệ thống giáo dục như cơ sở vật chất, tài nguyên, giáo viên, chương trình giảng dạy và tài liệu học tập.

Quan điểm này có ưu điểm giúp đảm bảo các điều kiện cần thiết cho quá trình học tập và giảng dạy, góp phần tạo nền tảng tốt cho kết quả học tập. Tuy nhiên, có hạn chế là không thể phản ánh đầy đủ hiệu quả giáo dục, vì các yếu tố đầu vào không đảm bảo sẽ dẫn đến kết quả đầu ra chất lượng cao.

(2) Quan điểm dựa trên quá trình (Process-based).

Quan điểm dựa trên quá trình tập trung vào việc đánh giá các quá trình diễn ra trong hệ thống giáo dục như phương pháp giảng dạy, sự tương tác giữa giáo viên và học sinh, cũng như môi trường học tập.

Ưu điểm của quan điểm này là đánh giá được sự hiệu quả của quá trình giảng dạy và học tập, giúp cải tiến phương pháp giáo dục, cải thiện môi trường học tập. Song cũng có hạn chế là không phản ánh kết quả đầu ra của học sinh và sự thay đổi thực tế trong năng lực của người học.

(3) Quan điểm dựa trên kết quả đầu ra (Outcome-based).

Quan điểm dựa trên kết quả đầu ra tập trung vào đánh giá kết quả học tập và sự phát triển của học sinh sau quá trình giáo dục, bao gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ.

Quan điểm dựa trên kết quả đầu ra nhấn mạnh vào kết quả cụ thể mà học sinh đạt được, đo lường được sự thành công của hệ thống giáo dục qua việc đánh giá năng lực của học sinh sau học tập. Song có thể bỏ qua các yếu tố đầu vào và quá trình, không phản ánh được nguyên nhân dẫn đến kết quả.

(4) Quan điểm dựa trên mục tiêu (Goal-based).

Quan điểm này đánh giá chất lượng giáo dục dựa trên việc hệ thống giáo dục có đạt được các mục tiêu đã đề ra hay không. Các mục tiêu này có thể là mục tiêu học thuật, phát triển kỹ năng xã hội hoặc các giá trị đạo đức.

Quan điểm có ưu điểm là giúp định hướng rõ ràng và tập trung vào các mục tiêu cụ thể của giáo dục, từ đó dễ dàng đo lường và đánh giá mức độ hoàn thành. Song có thể bị giới hạn bởi việc chỉ tập trung vào những mục tiêu đề ra ban đầu, bỏ qua các khía cạnh phát triển khác của học sinh hoặc hệ thống giáo dục.

(5) Quan điểm dựa trên nhu cầu xã hội (Social Needs-based).

Ở đây chất lượng giáo dục được đánh giá dựa trên mức độ đáp ứng nhu cầu của xã hội, tức là khả năng của hệ thống giáo dục trong việc cung cấp nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động và nhu cầu phát triển của xã hội.

Quan điểm này có ưu điểm là phản ánh được sự gắn kết giữa giáo dục và thực tiễn xã hội, đảm bảo rằng giáo dục không chỉ phục vụ cá nhân mà còn đáp ứng nhu cầu phát triển chung. Nhưng có thể gặp khó khăn trong việc đo lường chính xác nhu cầu xã hội hoặc sự thay đổi của thị trường lao động.

(6) Quan điểm toàn diện (Comprehensive-based).

Đây là quan điểm tổng hợp, kết hợp đánh giá các yếu tố đầu vào, quá trình và kết quả đầu ra để có cái nhìn toàn diện về chất lượng giáo dục.

Ưu điểm của quan điểm toàn diện là cung cấp bức tranh toàn cảnh, bao quát nhiều khía cạnh của giáo dục, từ đó giúp cải thiện đồng bộ cả điều kiện, phương pháp giảng dạy và kết quả học tập. Hạn chế của quan điểm này là quá trình đánh giá có thể phức tạp, đòi hỏi nhiều nguồn lực và thời gian để thực hiện một cách hiệu quả.

(7) Quan điểm phát triển bền vững (Sustainable Development-based).

Chất lượng giáo dục được đánh giá dựa trên khả năng tạo ra những tác động tích cực và bền vững đối với cá nhân học sinh và xã hội. Quan điểm này

hướng đến việc đánh giá giáo dục không chỉ trong ngắn hạn mà còn trong dài hạn.

Quan điểm nhấn mạnh việc đảm bảo giáo dục không chỉ mang lại kết quả tốt tức thời mà còn có giá trị lâu dài, góp phần vào phát triển bền vững của xã hội. Nhưng rất khó đo lường và đánh giá tác động bền vững do yêu cầu theo dõi và phân tích lâu dài.

(8) Quan điểm lấy người học làm trung tâm (Learner-centered Approach).

Quan điểm lấy người học làm trung tâm tiếp cận đánh giá chất lượng giáo dục dựa trên sự phát triển toàn diện của người học, không chỉ tập trung vào kết quả học tập mà còn bao gồm sự phát triển kỹ năng sống, tư duy phản biện, và các giá trị cá nhân.

Ưu điểm lớn của quan điểm này là đảm bảo sự phát triển toàn diện của học sinh, tập trung vào việc cá nhân hóa giáo dục để phù hợp với từng người học. Tuy nhiên, khi ứng dụng đòi hỏi sự đa dạng hóa phương pháp đánh giá, có thể khó thực hiện ở quy mô lớn hoặc trong những môi trường học tập có ít nguồn lực.

Tóm lại, các quan điểm trong đánh giá chất lượng giáo dục đều có ưu điểm và hạn chế riêng. Việc lựa chọn quan điểm phù hợp phụ thuộc vào mục tiêu và bối cảnh của hệ thống giáo dục cũng như đối tượng đánh giá.

1.4.2. Quan điểm trong đánh giá chất lượng giáo dục thể chất

Các quan điểm trong đánh giá chất lượng GDTC cũng có sự tương đồng với các quan điểm trong đánh giá chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, trong đánh giá chất lượng GDTC cho học sinh THPT, các quan điểm chính thường tập trung vào việc đo lường và cải thiện khả năng thể chất, thái độ tích cực và kỹ năng vận động của học sinh. Dưới đây là các quan điểm cơ bản trong đánh giá chất lượng GDTC:

(1) Quan điểm dựa trên kết quả học tập thể chất (Outcome-based).

Đánh giá chất lượng giáo dục thể chất dựa trên sự phát triển về thể lực, kỹ năng vận động và sự hiểu biết về thể dục thể thao của học sinh.

Nội dung đánh giá: Khả năng thể chất (sức bền, sức mạnh, tốc độ), sự tiến bộ trong các môn thể thao, khả năng thực hiện các kỹ thuật vận động và kiến thức về sức khỏe.

Ưu điểm: Đánh giá chính xác sự tiến bộ của học sinh và hiệu quả của chương trình giáo dục thể chất.

Hạn chế: Tập trung nhiều vào kết quả đầu ra mà không đánh giá toàn diện các yếu tố như thái độ, hứng thú tham gia của học sinh.

(2) Quan điểm dựa trên quá trình (Process-based).

Tập trung vào việc đánh giá quá trình tham gia vào các hoạt động thể chất, bao gồm sự nhiệt tình, thái độ học tập, và sự tích cực trong việc rèn luyện thể thao của học sinh.

Nội dung đánh giá: Sự tham gia thường xuyên vào các hoạt động thể thao, mức độ cố gắng, hợp tác trong các hoạt động nhóm và thái độ với môn học.

Ưu điểm: Khuyến khích sự tham gia tích cực, tạo động lực học tập cho học sinh và xây dựng thói quen thể dục lâu dài.

Hạn chế: Không tập trung trực tiếp vào khả năng thể chất và kỹ thuật vận động, có thể khó đánh giá bằng các tiêu chí cụ thể.

(3) Quan điểm toàn diện (Comprehensive-based).

Đánh giá chất lượng giáo dục thể chất dựa trên việc kết hợp cả quá trình và kết quả học tập. Quan điểm này xem xét cả khả năng thể chất, sự tham gia tích cực, thái độ, và hiểu biết của học sinh.

Nội dung đánh giá: Cả các yếu tố thể lực (sức khỏe, khả năng vận động) và yếu tố thái độ, tinh thần hợp tác, kỹ năng làm việc nhóm, và kiến thức lý thuyết.

Ưu điểm: Cung cấp cái nhìn toàn diện về sự phát triển của học sinh trong môn thể dục, không chỉ về mặt thể chất mà còn cả kỹ năng xã hội và thái độ.

Hạn chế: Quá trình đánh giá có thể phức tạp và đòi hỏi nhiều thời gian, đặc biệt trong việc xác định các tiêu chí cụ thể cho từng yếu tố.

(4) Quan điểm cá nhân hóa (Personalized-based).

Đánh giá dựa trên sự tiến bộ cá nhân của từng học sinh, tập trung vào việc cải thiện kỹ năng và thể chất theo khả năng và mục tiêu cá nhân.

Nội dung đánh giá: Sự tiến bộ về kỹ năng vận động, sự phát triển thể chất và tinh thần cá nhân của học sinh qua từng giai đoạn học tập.

Ưu điểm: Tôn trọng sự khác biệt cá nhân, khuyến khích học sinh nỗ lực phát triển theo khả năng của mình mà không bị so sánh với các bạn đồng trang lứa.

Hạn chế: Khó xây dựng tiêu chuẩn đánh giá chung, đòi hỏi sự theo dõi sát sao và cá nhân hóa giáo án cho từng học sinh.

(5) Quan điểm dựa trên phát triển kỹ năng xã hội (Social Skills-based).

Chất lượng giáo dục thể chất không chỉ được đánh giá dựa trên thể lực và kỹ năng vận động mà còn dựa vào việc phát triển kỹ năng xã hội, như làm việc nhóm, lãnh đạo, và tinh thần thể thao.

Nội dung đánh giá: Khả năng hợp tác, sự tham gia vào các hoạt động nhóm, tinh thần thi đấu công bằng và kỹ năng lãnh đạo trong các trò chơi tập thể.

Ưu điểm: Giúp học sinh phát triển kỹ năng xã hội, tinh thần đồng đội, và khả năng lãnh đạo, từ đó góp phần xây dựng nhân cách toàn diện.

Hạn chế: Không tập trung nhiều vào khả năng thể chất hay kỹ thuật chuyên môn, có thể khó đo lường bằng các phương pháp đánh giá truyền thống.

6. Quan điểm dựa trên sức khỏe và thể chất (Health-oriented).

Tập trung vào việc đánh giá chất lượng giáo dục thể chất thông qua việc cải thiện và duy trì sức khỏe thể chất của học sinh.

Nội dung đánh giá: Mức độ sức khỏe tổng thể, khả năng kiểm soát cân nặng, khả năng chống lại các bệnh tật liên quan đến lối sống và mức độ hoạt động thể chất hàng ngày.

Ưu điểm: Góp phần giáo dục cho học sinh về tầm quan trọng của việc duy trì sức khỏe, từ đó xây dựng lối sống lành mạnh trong tương lai.

Hạn chế: Không chú trọng đến kỹ năng vận động hay các yếu tố xã hội khác của giáo dục thể chất.

(7) Quan điểm dựa trên sự hứng thú và động lực (Motivation-based).

Đánh giá chất lượng dựa trên mức độ hứng thú và động lực của học sinh trong việc tham gia các hoạt động thể chất.

Nội dung đánh giá: Mức độ hứng thú của học sinh với các môn thể thao, động lực tham gia vào các hoạt động rèn luyện thể lực và sự tự nguyện trong việc duy trì hoạt động thể thao ngoài giờ học.

Ưu điểm: Giúp tạo dựng thói quen rèn luyện sức khỏe lâu dài và phát triển tinh thần tự giác trong hoạt động thể chất.

Hạn chế: Động lực và hứng thú có thể thay đổi theo thời gian và tâm lý, khó đo lường chính xác trong quá trình đánh giá.

(8) Quan điểm phát triển bền vững (Sustainable Development-based).

Đánh giá chất lượng dựa trên khả năng phát triển bền vững về thể chất và nhận thức của học sinh, nhằm giúp họ duy trì lối sống lành mạnh, yêu thể thao trong suốt cuộc đời.

Nội dung đánh giá: Mức độ vận dụng các kỹ năng học được vào cuộc sống hàng ngày, khả năng duy trì thói quen luyện tập thể dục và sự hiểu biết về tầm quan trọng của lối sống lành mạnh.

Ưu điểm: Tạo ra nền tảng vững chắc về nhận thức và thói quen tập luyện thể thao bền vững cho học sinh sau khi ra trường.

Hạn chế: Khó khăn trong việc đo lường kết quả dài hạn, yêu cầu theo dõi và đánh giá liên tục trong suốt quá trình phát triển của học sinh.

Tóm lại: trong đánh giá chất lượng giáo dục thể chất, các quan điểm đều đóng vai trò quan trọng, và việc lựa chọn quan điểm phù hợp phụ thuộc vào mục tiêu của nhà trường và hệ thống giáo dục, cũng như các yếu tố cá nhân của học sinh.

1.5. Đặc điểm tâm, sinh lý và tổ chức thể lực của học sinh trung học phổ thông

1.5.1. Đặc điểm sinh lý

Đặc điểm sinh lý của học sinh trung học phổ thông thường bắt đầu xuất hiện và phát triển rõ rệt trong giai đoạn tuổi dậy thì và tiếp tục qua thời kỳ trưởng thành. Dưới đây là một số đặc điểm sinh lý chung của học sinh trung học phổ thông:

Dậy thì và phát triển tình dục: Trong độ tuổi này, học sinh thường trải qua giai đoạn dậy thì, khi cơ thể bắt đầu sản xuất nhiều hormone tình dục hơn. Điều này có thể gây ra những biến đổi về cơ thể, như sự phát triển của vùng ngực, sự thay đổi của giọng nói và sự phát triển của bộ phận sinh dục.

Tăng trưởng và phát triển cơ thể: Trong giai đoạn này, học sinh thường trải qua sự tăng trưởng và phát triển về cơ thể. Nam giới thường trở nên cao hơn và lớn hơn, trong khi nữ giới phát triển vòng 1 và các đặc điểm tính dục khác.

Thay đổi trong hệ thống cơ quan và chức năng: Cơ thể của học sinh trung học phổ thông đang trải qua sự thay đổi lớn về cấu trúc và chức năng của các hệ thống cơ quan, bao gồm hệ thần kinh, hệ tiêu hóa, hệ tuần hoàn và hệ hô hấp.

Thói quen ăn uống và vận động: Do tác động của sự phát triển sinh lý, học sinh có thể trải qua sự thay đổi trong thói quen ăn uống và hoạt động vận động. Họ có thể cảm thấy đói nhanh hơn và có nhu cầu vận động cao hơn.

Tâm trạng và cảm xúc: Sự thay đổi về sinh lý cũng có thể ảnh hưởng đến tâm trạng và cảm xúc của học sinh. Họ có thể trải qua biến động tâm trạng, từ cảm thấy tự tin đến lo lắng và căng thẳng.

Những đặc điểm sinh lý này là tự nhiên và thường xảy ra trong quá trình phát triển của học sinh trung học phổ thông. Việc hiểu và chấp nhận sự thay đổi này là quan trọng để có thể hỗ trợ và định hình cho sự phát triển tích cực của họ. Đồng thời làm cơ sở khoa học để nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn – Lào.

1.5.2. Đặc điểm tâm lý

Học sinh trung học phổ thông là một nhóm độ tuổi quan trọng trong quá trình phát triển, và họ có những đặc điểm tâm lý riêng biệt. Dưới đây là một số đặc điểm chung về tâm lý của học sinh trung học phổ thông: [55]

Tính tự lập và độc lập: Học sinh ở độ tuổi trung học thường phát triển khả năng tự lập và tự quản lý. Họ cảm thấy muốn có sự tự do và độc lập trong quyết định về cuộc sống và học tập của mình.

Tìm kiếm danh tính: Trong giai đoạn này, học sinh thường đang tìm kiếm và xác định danh tính của mình. Họ có thể cảm thấy mâu thuẫn giữa việc làm theo nhóm và tự xác định bản thân.

Tăng cường sự tự nhận thức: Học sinh trung học phổ thông thường phát triển sự nhận thức về bản thân và về thế giới xung quanh mình. Họ bắt đầu có khả năng tự đánh giá và tự hiểu về những nguyện vọng, giá trị và mục tiêu cá nhân.

Sự thay đổi về tâm trạng và cảm xúc: Học sinh ở độ tuổi này thường trải qua nhiều biến động về tâm trạng và cảm xúc. Họ có thể trải qua các cảm xúc mạnh mẽ như lo lắng, sự bối rối, sự tự tin, và cảm giác thiếu tự tin.

Áp lực từ xã hội và học tập: Học sinh trung học phổ thông thường phải đối mặt với áp lực từ xã hội, gia đình và học tập. Họ cảm thấy áp lực về việc thành công trong học tập, xã hội hóa và xác định bản thân.

Mối quan hệ xã hội: Trong giai đoạn này, mối quan hệ với bạn bè và gia đình trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Học sinh thường muốn xây dựng và duy trì các mối quan hệ tốt với bạn bè và người thân.

Những đặc điểm này không phải là tuyệt đối và có thể thay đổi tùy thuộc vào từng cá nhân. Tuy nhiên, chúng giúp chúng tôi hiểu rõ hơn về tâm lý và sự phát triển của học sinh trung học phổ thông, từ đó có thể hỗ trợ và tương tác tốt hơn với họ trong quá trình học tập, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào.

1.5.3. Đặc điểm thể lực

Đặc điểm về tố chất thể lực của học sinh trung học phổ thông có thể thay đổi tùy thuộc vào nhiều yếu tố như giới tính, cơ địa, mức độ hoạt động vận động và sự tiếp xúc với các hoạt động thể chất. Dưới đây là một số đặc điểm chung về tố chất thể lực của học sinh trung học phổ thông: [49, 51]

Sức mạnh cơ bắp: Trong giai đoạn này, học sinh thường phát triển sức mạnh cơ bắp, đặc biệt là ở nam giới. Sức mạnh cơ bắp có thể được đánh giá thông qua các bài kiểm tra như đẩy tạ, kéo sợi dây, và các bài tập cơ bắp khác.

Sức chịu đựng và sức bền: Học sinh trung học phổ thông có thể phát triển sức chịu đựng và sức bền qua việc thực hiện các hoạt động cardio như chạy, nhảy, bơi lội và các bài tập aerobic khác.

Tốc độ và linh hoạt: Sự phát triển của tố chất thể lực cũng có thể ảnh hưởng đến tốc độ và khả năng linh hoạt của học sinh. Điều này có thể đo lường thông qua các hoạt động như chạy nhanh, nhảy vọt và các bài tập linh hoạt.

Thể lực toàn diện: Thể lực không chỉ đo lường bằng một yếu tố đơn lẻ mà là sự kết hợp của nhiều khía cạnh, bao gồm sức mạnh, sức chịu đựng, tốc độ và linh hoạt. Học sinh cần có sự phát triển toàn diện trong tất cả các khía cạnh này để duy trì một tố chất thể lực tốt.

Khả năng thích ứng: Tố chất thể lực của học sinh trung học phổ thông cũng có thể phản ánh khả năng thích ứng của họ đối với các hoạt động vận động và thể chất khác nhau, từ thể thao đến thể dục buổi sáng và các loại hình hoạt động khác.

Điều quan trọng là khuyến khích học sinh tham gia vào các hoạt động vận động đa dạng để phát triển và duy trì tố chất thể lực, cũng như thúc đẩy lối sống lành mạnh và sức khỏe toàn diện.

1.6. Các công trình nghiên cứu có liên quan

1.6.1. Ở Lào

Đối với Lào, mặc dù không có nhiều tên tuổi nổi tiếng trong lĩnh vực nghiên cứu giáo dục như các quốc gia phát triển khác, nhưng vẫn có một số

người đã đóng góp vào lĩnh vực này. Dưới đây là một số tác giả của Lào đã quan tâm nghiên cứu về chất lượng giáo dục:

Dr. Somphet Phimmachanh: Là một trong những nhà nghiên cứu hàng đầu về giáo dục ở Lào, ông đã tham gia vào nhiều dự án nghiên cứu và phát triển giáo dục trong nước.

Dr. Sengdeuane Wayakone: Là một giáo sư và nhà nghiên cứu ở Đại học Quốc gia Lào, bà đã công bố nhiều nghiên cứu về chất lượng giáo dục và các vấn đề liên quan tại Lào.

Dr. Kongsy Khamkeo: Là một giáo sư và chuyên gia giáo dục ở Lào, ông đã tham gia vào việc nghiên cứu và đề xuất các biện pháp cải thiện chất lượng giáo dục cho Lào.

Dr. Phouphet Kyophilavong: Là một nhà kinh tế và nhà nghiên cứu tại Viện Nghiên cứu Kinh tế và Kế hoạch ở Lào, ông đã có nhiều công trình nghiên cứu về giáo dục và phát triển ở Lào.

Dr. Sisouvanh Keovilay: Là một nhà nghiên cứu giáo dục tại Đại học Quốc gia Lào, bà đã tham gia vào các dự án nghiên cứu và đề xuất giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục ở Lào.

Mặc dù những dẫn giải trên là chưa thể đầy đủ, nhưng các tác giả này đều đã có đóng góp đáng kể vào việc nghiên cứu và cải thiện chất lượng giáo dục ở Lào. Đây là những cơ sở khoa học quan trọng để nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn – Lào.

Đối với các công trình nghiên cứu trong lĩnh vực TDTT, các công trình nghiên cứu về thể thao ở Lào có thể không phong phú như ở các quốc gia có nền giáo dục và nghiên cứu phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, có một số nỗ lực và công trình nghiên cứu đã được thực hiện để nghiên cứu về thể thao ở Lào, đặc biệt là từ các tổ chức quốc tế và các cơ quan nghiên cứu địa phương. Dưới đây là một số công trình nghiên cứu tiêu biểu:

Vấn đề thực trạng thể chất cho sinh viên Lào hiện nay đã và đang là vấn đề được xã hội và Bộ Giáo Dục và Thể Thao quan tâm. Nhưng ít có nhà khoa học có kiến thức về thể dục thể thao, trong những năm gần đây chỉ có 2 nghiên cứu sinh đã nghiên cứu như sau:

Bounly Patsaphanh (2013) nghiên cứu) Đánh giá thực trạng phát triển thể chất của sinh viên Trường Đại học Quốc Gia Lào, trong nghiên cứu đã đánh giá được thực trạng thể chất của sinh viên và đề xuất được 8 Test đánh giá thể chất cho sinh viên Trường Đại Học Quốc Gia Lào.

Khamla KeoMeuangsam (2015) nghiên cứu lựa chọn bài tập phát triển thể lực chung cho sinh viên năm thứ nhất khoa sư phạm Trường Đại học Quốc gia Lào. Trong nghiên cứu này tác giả chỉ ra vấn đề thể lực chung của sinh viên và đã đề xuất 6 test đánh giá về thể lực chung của sinh viên.

Phân tích kết quả nghiên cứu các công trình có liên quan đến thực trạng thể chất của sinh viên Trường Đại học Quốc gia Lào, hầu hết công trình nghiên cứu tập trung vào các hướng như: Đánh giá thực trạng thể chất và thể lực chung của sinh viên... nhưng chỉ dừng ở việc đề xuất mà chưa đi sâu tìm hiểu về tình trạng thể chất của sinh viên Trường Đại học Quốc gia Lào nói riêng và Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào nói chung. Đồng thời chưa tìm hiểu rõ nguyên nhân dẫn đến thực trạng thể lực của sinh viên Trường Đại học Quốc gia Lào.

“Laos Sport for Life: Progress and Challenges” - Nghiên cứu này có thể tập trung vào việc đánh giá tình hình thể thao ở Lào, bao gồm các chính sách, chương trình và các thách thức mà quốc gia này đang phải đối mặt trong việc phát triển thể thao.

“Sport Participation and Physical Activity in Laos” - Một nghiên cứu như vậy có thể tập trung vào việc đo lường mức độ tham gia vào các hoạt động thể dục và thể thao của người dân Lào, cũng như tác động của thể thao đối với sức khỏe và phát triển cộng đồng.

“Youth Sport Development in Laos: Opportunities and Challenges” - Nghiên cứu này có thể tập trung vào việc nghiên cứu về phát triển thể thao cho

thanh thiếu niên ở Lào, bao gồm các cơ hội và thách thức mà họ đối mặt khi tham gia vào hoạt động thể thao.

“Impact of Sport on Social Cohesion and Community Development in Laos” về khảo sát tác động của thể thao đối với sự hòa nhập xã hội và phát triển cộng đồng ở Lào, bao gồm cả việc xem xét vai trò của thể thao trong việc tạo ra cơ hội kinh tế và xã hội cho các cộng đồng địa phương.

Mặc dù Lào có một số địa điểm và cơ sở thể thao, tuy nhiên, nghiên cứu về thể thao chưa phát triển mạnh mẽ. Dưới đây là một số hướng nghiên cứu về thể thao đã được thực hiện ở Lào:

Đánh giá hiệu quả của chính sách và chương trình thể thao: Nghiên cứu có thể tập trung vào việc đánh giá hiệu quả của các chính sách và chương trình thể thao của Lào, bao gồm cả chính sách về giáo dục thể chất trong trường học và các chương trình thể thao cộng đồng.

Tác động của thể thao đối với sức khỏe và phát triển cộng đồng: Nghiên cứu có thể tập trung vào việc đo lường tác động của thể thao đối với sức khỏe và phát triển cộng đồng ở Lào, bao gồm cả việc xem xét tác động của thể thao đối với các vấn đề như bệnh lý không lây nhiễm và sức khỏe tinh thần.

Nhận thức và thái độ của cộng đồng đối với thể thao: Nghiên cứu có thể khảo sát về nhận thức và thái độ của cộng đồng đối với thể thao ở Lào, bao gồm cả việc xem xét sự hiểu biết về lợi ích của thể thao và sự quan tâm của cộng đồng địa phương đối với việc tham gia vào các hoạt động thể thao.

Phát triển thể thao cho thanh thiếu niên: Nghiên cứu có thể tập trung vào việc nghiên cứu về phát triển thể thao cho thanh thiếu niên ở Lào, bao gồm cả việc đánh giá hiệu quả của các chương trình thể thao trẻ em và thanh thiếu niên.

Thể thao và du lịch: Với tiềm năng du lịch của Lào, nghiên cứu có thể tập trung vào việc nghiên cứu về mối liên hệ giữa thể thao và du lịch, bao gồm cả việc đánh giá tác động của du lịch thể thao đối với kinh tế địa phương và phát triển cộng đồng.

Tóm lại: Những nghiên cứu này có thể được thực hiện bởi các tổ chức quốc tế như UNESCO, UNICEF hoặc các tổ chức phi chính phủ khác, cũng như các tổ chức nghiên cứu và giáo dục địa phương ở Lào. Những đề tài nghiên cứu này đã cung cấp cái nhìn sâu sắc về thể thao ở Lào và giúp tăng cường hiểu biết về vai trò của thể thao trong phát triển của quốc gia. Đối chiếu các biện pháp, giải pháp, cũng như đối tượng và phạm vi nghiên cứu của các tác giả nêu trên cho thấy: Trong chuyên ngành quản lý giáo dục, chưa có công trình nghiên cứu khoa học nào nghiên cứu giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào.

1.6.2. Ở nước ngoài

Ở Việt Nam.

Tổng hợp và phân tích một số đề tài có liên quan cho thấy:

Về công trình nghiên cứu của tác giả Hồ Đắc Sơn (2004) là “*Nâng cao hiệu quả hướng nghiệp của chương trình GDTC cho sinh viên khoa giáo dục tiểu học*”. Từ kết quả thu được, tác giả đã rút ra 06 kết luận và đưa ra 05 kiến nghị. Tác giả đã đi sâu nghiên cứu quá trình đổi mới chương trình trên cơ sở sử dụng thời lượng của hai loại chương trình GDTC trong đào tạo giáo viên tiểu học để giải quyết các mục tiêu, nhiệm vụ để phù hợp với thực tiễn hoạt động đào tạo tại nhà trường sư phạm [42]. Căn cứ các nhiệm vụ đặt ra của chúng tôi cho thấy, kết quả nghiên cứu của tác giả Hồ Đắc Sơn là những cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để lựa chọn và ứng dụng các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT Viêng Chăn - Lào.

Về công trình nghiên cứu của tác giả Vũ Đức Văn (2008) về “*Nghiên cứu một số giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học cơ sở của thành phố Hải Dương*”. Kết quả nghiên cứu của tác giả bước đầu đã lựa chọn và đem vào ứng dụng 02 nhóm giải pháp sư phạm trong thực tiễn công tác GDTC ở các trường trung học cơ sở Hải Phòng. Kết quả ứng dụng nhóm giải pháp lựa chọn và sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh đã tác động hiệu

quả đến thái độ học tập và trình độ thể lực của đối tượng nghiên cứu [54]. So sánh đối chiếu với vấn đề nghiên cứu của luận án đặt ra cho thấy sự cần thiết phải xây dựng được giải pháp nhằm nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT Viêng Chăn - Lào. Điều này có tác động rất lớn đến việc đảm bảo chất lượng nguồn cán bộ được đào tạo để bổ sung cho các trường trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Về công trình nghiên cứu của tác giả Trần Kim Cương (2009) về “*Nghiên cứu những giải pháp phát triển các loại hình câu lạc bộ TDTT cơ sở trong điều kiện phát triển kinh tế xã hội ở tỉnh Ninh Bình*”. Kết quả nghiên cứu của tác giả đã xác định được 24 giải pháp và phân thành 02 nhóm chính: các giải pháp có tính chiến lược (10 giải pháp) và các giải pháp có tính tình huống tình thế (14 giải pháp) để xây dựng và phát triển các loại hình câu lạc bộ TDTT cơ sở. Việc lồng ghép 24 giải pháp trong 04 chương trình và đề án là cơ sở tham khảo hữu ích trong lựa chọn và áp dụng các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT Viêng Chăn - Lào.

Về công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Thời (2011) về “*Nghiên cứu tổ chức dạy học tự chọn theo chủ đề cơ bản môn thể dục trong các trường trung học cơ sở*”. Trên cơ sở tiếp cận cơ sở lý luận và thực tiễn, tác giả đã đánh giá được thực trạng các vấn đề liên quan đến tổ chức dạy học tự chọn theo chủ đề cơ bản trong các trường trung học cơ sở; Tổ chức dạy học tự chọn theo chủ đề cơ bản dành cho học sinh học lực trung bình và dưới trung bình ở môn thể dục trong các trường trung học cơ sở [46]. Từ kết quả nghiên cứu của tác giả, chúng tôi cho rằng việc ứng dụng các giải pháp giải pháp nhằm nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT Viêng Chăn - Lào.

Về công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Đức Thành (2013) về “*Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên một số trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh*”. Tác giả bước đầu đã lựa chọn được: Nội dung tập luyện, các hình thức tập luyện, hình thức tổ chức tập luyện. Sau khi áp dụng trong thực tiễn, tác giả đã bước đầu chứng minh được

sự phù hợp và tính hiệu quả [44]. Từ kết quả nghiên cứu của tác giả cho thấy, 23 chỉ tiêu quan sát về thể chất và tinh thần có thể tham khảo trong lựa chọn giải pháp nhằm nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT Viêng Chăn - Lào.

Công trình nghiên cứu của tác giả Võ Văn Vũ (2015) về “*Đánh giá thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường trung học phổ thông ở Đà Nẵng*”. Kết quả nghiên cứu của tác giả đã rút ra được 03 kết luận và 02 kiến nghị. Đồng thời tác giả đã lựa chọn được 05 giải pháp nâng cao hiệu quả GDTC và hoạt động thể thao trong trường THPT ở Đà Nẵng: (1) Đổi mới nội dung, chương trình môn TD theo hướng tăng giờ tự học; (2) Đổi mới hoạt động dạy học nội khóa TD tự chọn theo chủ đề đáp ứng; (3) Xây dựng mô hình câu lạc bộ TDTT trường học theo hướng xã hội hóa; (4) Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất TDTT trong nhà trường; (5) Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò, giá trị của TDTT trường học trong đời sống [56]. Kết quả bước đầu cho thấy các giải pháp khi được áp dụng đã đạt được hiệu quả (giải pháp về thiết kế nội dung GDTC và xây dựng mô hình câu lạc bộ). Tuy nhiên, cần vận dụng các giải pháp đó một cách có chọn lọc và xem xét theo điều kiện cụ thể nhằm nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT Viêng Chăn – Lào.

Ngoài ra còn nhiều công trình nghiên cứu khác của các tác giả như: Đặng Quốc Nam (2006), “*Nghiên cứu các giải pháp xã hội hóa nhằm khai thác tiềm năng để phát triển TDTT quần chúng ở thành phố Đà Nẵng*”; Ngô Văn Thước (2005) về “*Nghiên cứu ảnh hưởng của một số nguyên tố vi lượng hoạt chất sinh học và tổ hợp bài tập công suất tối đa đối với sức bền cầu thủ bóng đá Thể Công*”; Lê Hồng Sơn (2006) về “*Nghiên cứu ứng dụng hệ thống các bài tập nhằm phát triển thể lực chuyên môn cho nam vận động viên cầu lông trẻ lứa tuổi 16-18*”; Đỗ Đình Quang về “*Nghiên cứu một số giải pháp phát triển thể chất nhằm nâng cao kết quả học tập thực hành kỹ thuật các môn thể thao trong chương trình đào tạo sinh viên TDTT trường Đại học Hải Phòng*”; Nguyễn

Ngọc Kim Anh về “*Nghiên cứu phát triển TDTT quần chúng xã, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Bắc*”; Lê Trường Sơn Chân Hải (2012) về “*Đổi mới chương trình GDTC cho sinh viên các trường đại học sư phạm vùng trung bắc theo hướng bồi dưỡng nghiệp vụ tổ chức hoạt động TDTT trường học*” [1, 19, 31, 35, 43, 47].

Tác giả Trần Huy Quang (2019) nghiên cứu luận án đã lựa chọn được 6 giải pháp nâng cao công tác GDTC tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, bao gồm: Thực hiện công tác tuyên truyền giáo dục về vai trò và ý nghĩa của Giáo dục Thể chất trong nhà trường; Kinh phí hoạt động TDTT và kinh phí đầu tư trang bị, bổ sung, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, kỹ thuật, sân bãi dụng cụ phục vụ cho việc giảng dạy và học tập TDTT; Thực hiện bồi dưỡng nâng cao kiến thức các môn Thể thao cho giảng; Tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên; Tổ chức các giải thi đấu Thể thao cho sinh viên. Đặc biệt là có giải pháp về “Cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy môn GDTC”.

Tác giả Nguyễn Việt Hoà (2019) đã lựa chọn được 8 biện pháp có giá trị tích cực hóa hoạt động học tập của sinh viên và nâng cao hiệu quả hoạt động học tập môn học GDTC. Một trong các biện pháp được tác giả đưa vào ứng dụng có “Tăng cường số môn tự chọn của chương trình GDTC nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên” và “Nâng cao hiệu quả phương pháp tổ chức giảng dạy theo hướng phát huy tính chủ động, tích cực và khả năng tự học cho sinh viên”. Kết quả triển khai các biện pháp trong thực tiễn hoạt động đào tạo tại Trung tâm GDTC và thể thao, Đại học Quốc gia Hà Nội đã cho thấy trình độ thể lực của sinh viên có sự tăng trưởng, hoạt động học tập của sinh viên đã được tích cực hóa. Quá trình lĩnh hội tri thức và rèn luyện kỹ năng đối với môn học đã có sự chuyên biến sâu sắc cả về chất lượng và hiệu quả.

Tuy nhiên, tác giả Trần Huy Quang, Nguyễn Việt Hoà, Nguyễn Thái Hưng chỉ nêu giải pháp chứ chưa đi sâu vào cải tiến nội dung, phương pháp giảng dạy. Đặc biệt là tích cực hoá việc rèn luyện thông qua việc xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa cho sinh viên.

Tác giả Dương Thanh Tùng (2019) đã tổ chức câu lạc bộ TDDT các trường Đại học thuộc Bộ Xây dựng được xây dựng là loại hình câu lạc bộ TDDT mang tính xã hội hóa, hoạt động theo hình thức câu lạc bộ từng môn thể thao. Sau khi ứng dụng, kết quả học tập môn GDTC và tác động tích cực tới thái độ học tập môn GDTC của sinh viên. Tuy nhiên, đề tài chỉ tập trung vào lựa chọn môn hình tổ chức tập luyện ngoại khoá cho sinh viên.

Tác giả Phạm Cao Cường (2019) luận án đã xây dựng được 01 chương trình môn GDTC. Các chương trình xây dựng theo xu hướng tiếp cận năng lực, đồng thời dựa trên cơ sở thực tiễn để xác định cấu trúc, nội dung chương trình phù hợp với trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp. Tuy nhiên, chương trình của tác giả xây dựng cũng là chương trình chính khoá, mà không phải xây dựng chương trình ngoại khoá cho sinh viên.

Nhận xét: Tùy từng cấp độ nghiên cứu khác nhau, đây là những công trình khoa học có giá trị về cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và định hướng cho việc lựa chọn và áp dụng các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cho học sinh THPT thông thủ đô Viêng Chăn - Lào. Nâng cao chất lượng GDTC dưới các góc độ khác nhau đã được các tác giả nước ngoài và các quốc gia có nền thể thao phát triển đặc biệt chú trọng và quan tâm nghiên cứu. Từ đó đã tạo nên những cơ sở lý luận và thực tiễn hết sức quý báu để triển khai cho các đối tượng, điều kiện hoàn cảnh khác nhau. Ở Lào, vấn đề nâng cao chất lượng GDTC đã bước đầu được thực hiện. Tuy nhiên, các kết quả ít đề cập đến giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào. Song các công trình nghiên cứu đã hoàn thành đã tạo nên nền tảng bước đầu dưới góc độ về giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào.

Tóm tắt chương:

Trên cơ sở kết quả phân tích đánh giá, đề tài bước đầu đã xác định được những cơ sở lý luận và khoa học liên quan đến nâng cao chất lượng GDTC

cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào. Đề tài đã xác định được cơ sở chính trị, pháp lý và khoa học lý luận về nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào. Trong đó khung khái niệm các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý chất lượng giáo dục thể chất là những căn cứ khoa học để luận án tiến hành đánh giá thực trạng và xác định giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào.

Luận án đã xác định được một số quan điểm trong đánh giá chất lượng giáo dục và chất lượng GDTC. Giữa quan điểm đánh giá chất lượng giáo dục và chất lượng GDTC có sự tương đồng, song quan điểm đánh giá GDTC có nhiều yếu tố đặc thù như cần: Dựa trên kết quả học tập thể chất; Toàn diện; Dựa trên sức khỏe và thể chất; và sự hứng thú và động lực. Đây là những cơ sở quan trọng để xác định các nhân tố biểu hiện của chất lượng GDTC và các yếu tố tác động đến quản lý chất lượng GDTC. Những cơ sở này được luận án sử dụng để xác định các nhân tố biểu hiện của chất lượng GDTC. Đồng thời cũng là căn cứ để định hướng đánh giá thực trạng các yếu tố tác động đến quản lý chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào.

Luận án cũng đã xác định được những khoảng trống của các công trình nghiên cứu trong việc nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào. Đồng thời cũng cho thấy vấn đề mà chúng tôi lựa chọn nghiên cứu là thực sự cần thiết, đặc biệt là các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào.

Chương 2. PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

2.1.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu

Đây là phương pháp được sử dụng rộng rãi trong các công trình nghiên cứu. Sử dụng phương pháp này giúp đề tài hệ thống hoá các kiến thức có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, hình thành cơ sở lý luận về nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào. Trên cơ sở đó đề xuất giả thuyết khoa học, xác định mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu. Đồng thời việc sử dụng phương pháp nghiên cứu này cho phép thu thập thêm các số liệu để kiểm chứng và so sánh với những số liệu đã thu thập được trong quá trình nghiên cứu. Các tài liệu tham khảo chủ yếu được thu thập từ Thư viện Trường Đại học TDTT Bắc Ninh và các tư liệu nước ngoài. Luận án đã sử dụng các sách và tài liệu tham khảo thuộc các lĩnh vực:

Các tài liệu gồm có: Các chỉ thị, văn bản, quyết định của đảng và nhà nước Lào về TDTT trong giai đoạn mới, định hướng công tác TDTT nói chung và thể thao trường học nói riêng...

Các sách gồm có: Sách lý luận, tâm lý, sinh lý học, các tài liệu chuyên môn về GDTC và thể thao trường học...

Các đề tài nghiên cứu về nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh, giải pháp, các tài liệu nghiên cứu khoa học TDTT...

2.1.2. Phương pháp phỏng vấn, tọa đàm

Đề tài sử dụng 2 hình thức phỏng vấn: Trực tiếp và gián tiếp

Phỏng vấn trực tiếp: Sử dụng trong quá trình phỏng vấn trực tiếp các cán bộ quản lý, chuyên gia, giáo viên làm công tác GDTC về tổ chức thực hiện, nội dung, thời gian, phương pháp kiểm tra – đánh giá, nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào.

Phòng vấn gián tiếp: Sử dụng phiếu hỏi đối với cán bộ quản lý, chuyên gia, giáo viên của các trường để tìm hiểu thực trạng chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào. Thông qua hình thức phỏng vấn trực tiếp và gián tiếp nhằm:

Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào

Lựa chọn tiêu chí, nội dung đánh giá chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào.

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào.

Nội dung phỏng vấn được trình bày ở phần phụ lục.

Để thực hiện được phương pháp này, đề tài sẽ tiến hành thiết kế phiếu phỏng vấn, mỗi câu hỏi được thiết kế câu trả lời theo thang đo khoảng cách Likert. Cách tính và ý nghĩa của từng giá trị trung bình đối với thang đo khoảng cách được tính như sau:

$$\text{Giá trị khoảng cách} = (\text{Giá trị lớn nhất} - \text{Giá trị nhỏ nhất})/n$$

Đối với thang đo 5 mức độ: 1.00 - 1.80 điểm: Rất không đồng ý; 1.81 - 2.60 điểm: Không đồng ý; 2.61 - 3.40 điểm: Bình thường; 3.41 - 4.20 điểm: Đồng ý; 4.21 - 5.00 điểm: Rất đồng ý.

Đối với thang đo 3 mức độ: 1.00 - 1.67 điểm: Ít quan trọng; 1.68 - 2.34 điểm: Quan trọng; 2.35 - 3.00 điểm: Rất quan trọng.

2.1.3. Phương pháp kiểm tra sự phạm

Phương pháp được sử dụng để kiểm tra trên khách thể nghiên cứu thông qua các nội dung đánh giá trong tiêu chuẩn rèn luyện thân thể (các test sự phạm được Bộ Giáo dục - Đào tạo Việt Nam ban hành theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 như: bật xa tại chỗ (cm); chạy 30m XPC (s); chạy con thoi 4 × 10m (s); chạy tùy sức 5 phút (m). Kết quả của phương pháp này là cơ sở cho việc xác định hiệu quả của các giải pháp nâng

cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT Viêng Chăn - Lào thông qua tiêu chuẩn rèn luyện thân thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(1) Bật xa tại chỗ (cm).

Mục đích: Đánh giá sức mạnh chi dưới.

Yêu cầu dụng cụ: Thảm cao su giảm chấn, kích thước 1×3m (nếu không có thảm có thể thực hiện trên nền đất, cát mềm). Đặt một thước đo dài làm bằng thanh hợp kim hoặc bằng gỗ kích thước 3×0,3m trên mặt phẳng nằm ngang và ghim chặt xuống thảm (nền đất, cát mềm), tránh xô dịch trong quá trình kiểm tra.

Yêu cầu kỹ thuật động tác: Người được kiểm tra đứng hai chân mở rộng tự nhiên, ngón chân đặt sát mép vạch giới hạn; khi bật nhảy và khi tiếp đất, hai chân tiến hành cùng lúc. Thực hiện hai lần nhảy.

Cách tính thành tích: Kết quả đo được tính bằng độ dài từ vạch xuất phát đến vệt cuối cùng của gót bàn chân (vạch dấu chân trên thảm). Lấy kết quả lần cao nhất.

(2) Chạy 30m xuất phát cao (s)

Mục đích: Đánh giá sức mạnh tốc độ.

Yêu cầu sân bãi, dụng cụ: Đồng hồ bấm giây; đường chạy thẳng có chiều dài ít nhất 40m, chiều rộng ít nhất 2m. Kẻ vạch xuất phát và vạch đích, đặt cọc tiêu bằng nhựa hoặc bằng cờ hiệu ở hai đầu đường chạy. Sau đích có khoảng trống ít nhất 10m để giảm tốc độ sau khi về đích.

Yêu cầu kỹ thuật động tác: Người được kiểm tra thực hiện tư thế xuất phát cao. Thực hiện một lần.

Cách tính thành tích: bằng giây và số lẻ từng 1/100 giây.

(3) Chạy con thoi 4 x 10m (s).

Mục đích: Đánh giá năng lực phối hợp vận động.

Yêu cầu sân bãi, dụng cụ: Đường chạy có kích thước 10 × 1,2m bằng phẳng, không trơn, bốn góc có vật chuẩn để quay đầu, hai đầu đường chạy có

khoảng trống ít nhất là 2m. Dụng cụ gồm đồng hồ bấm giây, thước đo dài, bốn vật chuẩn đánh dấu bốn góc đường chạy.

Yêu cầu kỹ thuật động tác: Người được kiểm tra thực hiện tư thế xuất phát cao. Khi chạy đến vạch 10m, chỉ cần một chân chạm vạch, nhanh chóng quay 180 độ chạy trở về vạch xuất phát và sau khi chân lại chạm vạch xuất phát thì lại quay trở lại. Thực hiện lặp lại cho đến hết quãng đường, tổng số bốn lần 10m với ba lần quay. Quay theo chiều trái hay phải là do thói quen của từng người. Thực hiện một lần.

Cách tính thành tích: bằng giây và số lẻ từng 1/100 giây.

(4) Chạy tùy sức 5 phút (m).

Mục đích: Đánh giá sức bền chung.

Yêu cầu sân bãi, dụng cụ: Đường chạy dài ít nhất 52m, rộng ít nhất 2m, hai đầu kẻ hai đường giới hạn, phía ngoài hai đầu giới hạn có khoảng trống ít nhất 1m để chạy quay vòng. Giữa hai đầu đường chạy (tim đường) đặt vật chuẩn để quay vòng. Trên đoạn 50m đánh dấu từng đoạn 5m để xác định phần lẻ quãng đường ($\pm 5m$) sau khi hết thời gian chạy. Thiết bị đo gồm có đồng hồ bấm giây, số đeo và tích - kê ghi số ứng với mỗi số đeo.

Yêu cầu kỹ thuật động tác: Người được kiểm tra thực hiện tư thế xuất phát cao (tay cầm một tích – kê tương ứng với số đeo ở ngực). Khi chạy hết đoạn đường 50m, vòng (bên trái) qua vật chuẩn và chạy lặp lại trong thời gian 5 phút. Khi hết giờ, người được kiểm tra lập tức thả tích - kê của mình xuống ngay nơi chân tiếp đất. Thực hiện một lần.

Cách tính thành tích: đơn vị đo quãng đường chạy được là mét.

2.1.4. Phương pháp phân tích SWOT

SWOT: Strengths (thế mạnh), Weaknesses (Điểm yếu), Opportunities (Cơ hội) và Threats (Thách thức) – là mô hình (hay ma trận) được ứng dụng trong luận án để phân tích 4 yếu tố kỹ thuật chiến lược nhằm giúp xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong để có cái nhìn toàn diện về vị trí hiện tại và tiềm năng của các trường THPT, từ đó có thể giúp xác định mục

tiêu chiến lược, hướng đi và giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào. Các ma trận sử dụng gồm:

Ma trận các yếu tố nội bộ (IFE: Internal Factor Evaluation Matrix) được xem là rất quan trọng trong mỗi mục tiêu đề ra. Phân tích ma trận giúp xem xét khả năng phản ứng và nhìn nhận những điểm mạnh, yếu để nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào. Từ đó giúp tận dụng tối đa điểm mạnh để khai thác và chuẩn bị nội lực, khắc phục những điểm yếu và tìm ra giải pháp tác động đến quản lý chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào.

Ma trận các yếu tố bên ngoài (EFE: External Factor Evaluation Matrix) nhằm tổng hợp và tóm tắt những cơ hội và nguy cơ chủ yếu của môi trường bên ngoài ảnh hưởng tới nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào. Qua đó giúp đánh giá được mức độ phản ứng với những cơ hội, nguy cơ và đưa ra những nhận định về các yếu tố tác động bên ngoài là thuận lợi hay khó khăn.

Ma trận các yếu tố bên trong, bên ngoài (IE: Internal - External Matrix) đặt các SBU (Strategic Business Unit) vào 1 bảng có 9 ô. SBU là khái niệm căn bản của quản trị chiến lược. Ma trận IE này được kết hợp từ điểm ma trận IFE trên trục X và ma trận EFE trên trục Y. Cách thức đánh giá: Nếu tổng số điểm từ 1.0 – 1.99 là yếu; Từ 2.0 – 2.99 là trung bình; Từ 3.0 – 4.0 là mạnh.

Với ma trận IE: giao điểm của hai đường ở trục X và Y gặp nhau ở một trong chín ô và tương ứng với nó là khuyến cáo về thực hiện theo một chiến lược. Cụ thể: Các ô I, II và III gợi ý chiến lược phát triển và xây dựng; Các ô IV, V và VI đề xuất chiến lược giữ và duy trì; Các ô VII, VIII và IX được đặc trưng với chiến lược thu hoạch hoặc thoát ra.

2.1.5. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Mục đích của việc sử dụng phương pháp thực nghiệm sư phạm nhằm để kiểm chứng bước đầu hiệu quả của các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào. Sau khi ứng dụng các giải pháp,

đề tài sử dụng các số liệu về kết quả học tập, kết quả rèn luyện thân thể và ý kiến đánh giá của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý làm minh chứng đánh giá hiệu quả của các giải pháp mà đề tài đề xuất và bước đầu ứng dụng.

Đối tượng thực nghiệm gồm 105 học sinh THPT lớp 10, 11 và 12. Các học sinh được ứng dụng các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào mà luận án đã xây dựng.

Thời gian thực nghiệm: được tiến hành trong thời gian 01 năm học (2022-2023).

Địa điểm thực nghiệm: trường THPT Viêng Chăn - Lào.

Kết thúc quá trình thực nghiệm, luận án tiến hành so sánh kết quả đạt được trên đối tượng thực nghiệm với kết quả các năm học trước đó được lưu trữ của nhà trường. Từ đó đánh giá hiệu quả của các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh trường THPT Viêng Chăn – Lào.

2.1.6. Phương pháp toán thống kê

Phương pháp được sử dụng trong việc phân tích và xử lý các số liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu của đề tài. Các tham số đặc trưng mà quá trình nghiên cứu quan tâm là: \bar{x} , t , δ , χ^2 , C_v . Các công thức bao gồm: [7], [52]

Xác định cỡ mẫu theo ước lượng tổng thể:

$$n = \frac{N}{1 + N \times e^2}$$

n : kích thước mẫu cần xác định.

N : quy mô tổng thể. Trong luận án có giá trị là 4493 tương ứng với tổng số học sinh của 8 trường THPT được lựa chọn và tỷ lệ nam nữ là tương đương.

e : sai số cho phép. Thường ba tỷ lệ sai số hay sử dụng là: ± 01 (1%), ± 0.05 (5%), ± 0.1 (10%), trong đó mức phổ biến nhất là ± 0.05 .

Giá trị trung bình: $\bar{x} = \frac{\sum_{i=1}^n x_i}{n}$

$$\text{Phương sai: } \delta_x^2 = \frac{\sum_{i=1}^n (x_i - \bar{x})^2}{n-1}$$

$$\text{Độ lệch chuẩn: } \delta_x = \sqrt{\delta_x^2}$$

$$\text{Hệ số biến sai: } C_V = \frac{\delta_x}{\bar{x}} \times 100\%$$

$$\text{Kiểm định t - student: } t = \frac{\bar{x}_1 - \bar{x}_2}{\sqrt{\frac{\delta_1^2}{n_1} + \frac{\delta_2^2}{n_2}}}$$

$$\text{Tính hệ số tương quan: } r = \frac{\sum (x_i - \bar{x})(y_i - \bar{y})}{\sqrt{\sum (x_i - \bar{x})^2 \sum (y_i - \bar{y})^2}}$$

$$\text{Nhịp độ tăng trưởng (W\%): } W = \frac{v_2 - v_1}{0,5(v_1 + v_2)} \cdot 100$$

V₁: Thành tích trước thực nghiệm.

V₂: Thành tích sau thực nghiệm.

Kiểm định khi bình phương (χ^2):

$$\chi^2 = \sum \frac{(Q_i - L_i)^2}{L_i}$$

Trong đó: Q_i: Tần số quan sát; L_i: Tần số lý thuyết.

Việc phân tích và xử lý các số liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu của đề tài sẽ được xử lý bằng phần mềm SPSS 16.0, R, Microsoft Excel xây dựng trên máy vi tính.

Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha: được thực hiện bằng phần mềm SPSS. Trong đó độ tin cậy của thang đo được đánh giá bằng phương pháp nhất quán nội tại qua hệ số Cronbach's Alpha. Sử dụng phương pháp hệ số tin cậy này trước khi phân tích nhân tố để loại các biến không phù hợp.

Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha chỉ cho biết các đo lường có liên kết với nhau hay không; nhưng không cho biết biến quan sát nào cần bỏ đi và biến quan

sát nào cần giữ lại. Khi đó, việc tính toán hệ số tương quan giữa biến-tổng (Cronbach's Alpha if Item Deleted) sẽ giúp loại ra những biến quan sát nào không đóng góp nhiều cho sự mô tả của khái niệm cần đo. Các tiêu chí được sử dụng khi thực hiện đánh giá độ tin cậy thang đo:

Biến quan sát bị loại bỏ khi: Giá trị “Cronbach's Alpha if Item Deleted” lớn hơn “Cronbach's Alpha”; Hoặc các biến quan sát có hệ số tương quan biến-tổng (Corrected Item-Total Correlation) nhỏ hơn 0,4.

Tiêu chuẩn chọn thang đo khi có độ tin cậy Alpha lớn hơn 0,6 (Alpha càng lớn thì độ tin cậy nhất quán nội tại càng cao). Các mức giá trị của Alpha: lớn hơn 0,8 là thang đo lường tốt; từ 0,7 đến 0,8 là sử dụng được; từ 0,6 trở lên là có thể sử dụng được.

Trong đề tài sử dụng phương pháp này để phân tích độ tin cậy phỏng vấn liên quan đến lấy ý kiến đánh giá về các vấn đề có liên quan đến đề tài.

Tính toán thang đo Likert (3 bậc và 5 bậc), điểm trung bình, độ lệch chuẩn, tỷ lệ %, kiểm định Khi bình phương... Đề tài xử lý bằng phần mềm mã nguồn mở R của tác giả Ross Ihaka và Robert Gentleman trường đại học Auckland, New Zealand, sau đó được phát triển bởi nhóm R Development Core Team. Các gói lệnh sử dụng gồm: pastecs, devtools, likert, ls(“package:likert”), ggplot2...

2.2. Tổ chức nghiên cứu

2.2.1. Đối tượng nghiên cứu

Chủ thể đối tượng nghiên cứu: Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào.

2.2.2. Phạm vi nghiên cứu

- Khách thể nghiên cứu:

Các chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ quản lý liên quan đến công tác giáo dục thể chất.

Đội ngũ giáo viên GDTC các trường THPT ở thủ đô Viêng Chăn - Lào.

Học sinh một số trường THPT ở thủ đô Viêng Chăn - Lào.

- Quy mô nghiên cứu:

Điều tra thực trạng: 8 trường THPT ở thủ đô Viêng Chăn – Lào.

Số lượng phỏng vấn: 76 chuyên gia, giáo viên (chia làm 2 nhóm: Nhóm 1 là 31; nhóm 2: 45) và 367 học sinh THPT.

Phạm vi thực nghiệm: 105 học sinh (gồm nhóm lớp 10, 11 và 12) trường THPT Viêng Chăn – Lào.

2.2.3. Địa điểm nghiên cứu

Trường Đại học TDDT Bắc Ninh.

Một số trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào.

2.3. Thời gian nghiên cứu

Đề tài được tiến hành nghiên cứu từ tháng 1/2018 đến tháng 6/2024.

Giai đoạn 1: từ tháng 1/2018 đến tháng 4/2018, xác định các vấn đề nghiên cứu, xây dựng đề cương, kế hoạch và bảo vệ đề cương nghiên cứu.

Giai đoạn 2: từ tháng 5/2018 đến tháng 9/2023, thu thập số liệu, xác định các phương pháp, nghiên cứu thực trạng nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào. Thông qua kết quả phân tích tài liệu tham khảo, kết quả phỏng vấn để định hướng xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào. Ứng dụng và đánh giá hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào.

Giai đoạn 3: từ tháng 10/2023 đến tháng 6/2024, xử lý số liệu, viết dự thảo, viết luận án chính thức để chuẩn bị bảo vệ luận án.

Chương 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Đánh giá thực trạng chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào

3.1.1. Thực trạng các yếu tố biểu hiện của chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào

3.1.1.1. Xác định các nhân tố biểu hiện của chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn

Về chất lượng giáo dục thể chất, năm 2005 UNESCO đưa ra khung cơ cấu để hiểu, giám sát cải thiện chất lượng giáo dục. Khung cơ cấu bao gồm 5 thành tố: Đặc điểm của người học; Hoàn cảnh xã hội; Những đầu vào cần phải có; Quá trình dạy và học; Kết quả. Quan niệm về chất lượng giáo dục là sự vận dụng quan niệm chất lượng vào lĩnh vực giáo dục. Ở Việt Nam cơ bản có hai quan niệm về chất lượng giáo dục:

Quan niệm thứ nhất, chất lượng giáo dục là sự phù hợp với mục tiêu giáo dục. “Chất lượng giáo dục là kết quả tổng hợp phản ánh mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình giáo dục – đào tạo ở từng người học, từng lớp, từng trường, địa phương và cả nước có được sự phát triển bền vững”. [1], [2], [4] Theo quan niệm này, khi đánh giá chất lượng giáo dục tập trung vào đánh giá kết quả giáo dục, hiệu quả giáo dục theo từng cấp độ: cá nhân người học, cơ sở giáo dục, địa phương, ngành học và toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân.

Quan niệm thứ hai, chất lượng giáo dục là toàn bộ thuộc tính, đặc điểm bản chất của tất cả những bộ phận thuộc nền giáo dục nhất định, làm cho nền giáo dục đó có khả năng đáp ứng các mục tiêu phát triển đất nước bền vững, thỏa mãn nhu cầu và lợi ích của nhân dân và sự phát triển của người học. Khi một nền giáo dục có khả năng như vậy thì nó là nền giáo dục có chất lượng mong muốn đối với một quốc gia [3]. Theo quan điểm này, khi đánh giá chất lượng giáo dục phải đánh giá chất lượng của các thành tố tạo nên hệ thống giáo dục.

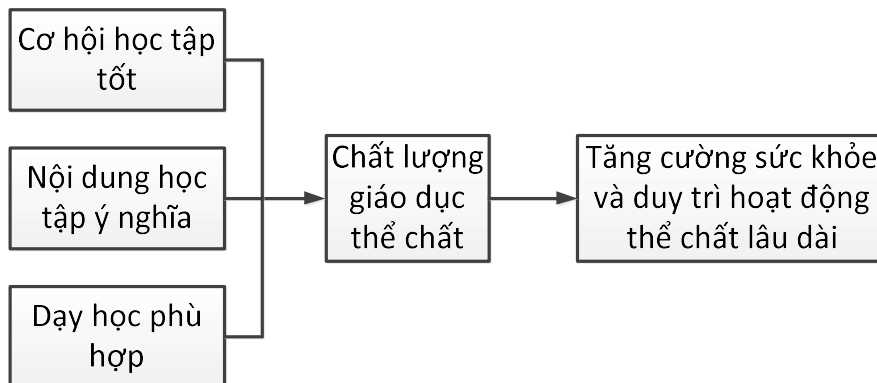
Hai quan niệm khác nhau về chất lượng giáo dục sẽ dẫn đến hai hệ thống tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục khác nhau. Nghiên cứu chất lượng GDTC tiếp cận theo quan niệm thứ hai. Đồng thời tập trung chủ yếu vào các đặc điểm của giáo dục thể chất có chất lượng. Nghiên cứu cho rằng: Chất lượng GDTC cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn – Lào bao gồm các đặc điểm chất lượng GDTC giúp tăng cường sức khỏe và duy trì hoạt động thể chất lâu dài.

Chất lượng GDTC là vấn đề số một của công tác GDTC và thể thao trường học. Hiện nay có nhiều quan niệm khác nhau về chất lượng GDTC, trong đó có một số quan niệm ít nhiều ảnh hưởng không tích cực đến công tác quản lý công tác GDTC và thể thao trường học. Vì vậy, việc làm sáng tỏ quan niệm về chất lượng giáo dục cùng các tiêu chí đánh giá là việc làm hết sức cần thiết, đồng thời làm cơ sở để đánh giá thực trạng chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào. Trên cơ sở đó mới đưa ra được các giải pháp hữu hiệu nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào.

Cho đến nay, nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng các chương trình biểu hiện đặc điểm của GDTC có chất lượng sẽ dẫn đến mức độ hoạt động thể chất tăng lên (Dale, Corbin, & Dale, 2000; McKenzie và cộng sự, 2004; Pate và cộng sự, 2005; Sallis và cộng sự, 1997), cải thiện khả năng tự nhận thức (Goni & Zulaika, 2000), tăng cường năng lực bản thân (Dishman và cộng sự, 2004), cải thiện kỹ năng vận động (Emmanouel, Zervas, & Vagenas, 1992), tăng sự thích thú (Dishman và cộng sự, 2005), tăng động lực (Prusak, Treasure, Darst, & Pangrazi, 2004), giảm hành vi ít vận động sau khi tốt nghiệp trung học (Dale & Corbin, 2000), và tăng cường hoạt động thể chất trong thời gian dài ở phụ nữ (Trudeau, Laurencelle, Trembley, Rajic, & Shephard, 1998). Tổng hợp các công trình nghiên cứu liên quan, bước đầu đưa ra đặc điểm và biểu hiện của chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào thông qua hình 1 [5], [6], [7]. Đồng thời xác định các biểu hiện cụ thể của chất lượng giáo dục

thể chất đối với học sinh là: (1) Nhu cầu, động cơ, lý do không tích cực tham gia hoạt động thể thao của học sinh; (2) Kết quả học tập và thể lực của học sinh.

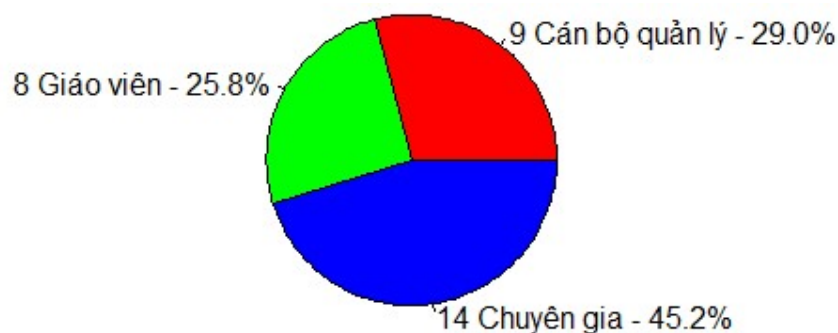
Từ đặc điểm các biểu hiện của chất lượng GDTC, bước đầu xác định các nhân tố liên quan đến chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào (xem bảng hình 3.1).



Hình 3.1. Đặc điểm các yếu tố biểu hiện đến chất lượng giáo dục thể chất

Cơ sở thực tiễn về xác định các nhân tố biểu hiện đến chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào.

Từ các nhân tố biểu hiện đến chất lượng GDTC cho học sinh THPT đã xác định, tiến hành phỏng vấn 31 người (9 cán bộ quản lý – 29.0%; 8 giáo viên thể dục – 25.8%; 14 chuyên gia – 45.2%) theo thang đo Likert với 5 mức độ (xem biểu đồ 3.1).



Biểu đồ 3.1. Thành phần đối tượng phỏng vấn

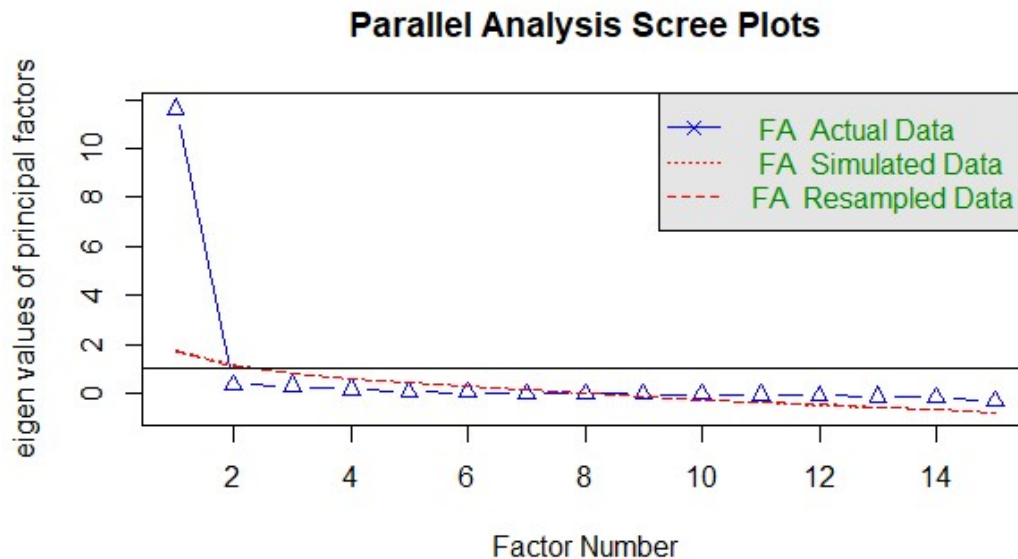
Điểm đánh giá: 1.00 - 1.80 là rất không đồng ý; 1.81 - 2.60 là không đồng ý; 2.61 - 3.40 là phân vân; 3.41 - 4.20 là đồng ý; 4.21 - 5.00 là rất đồng ý.

Để đảm bảo số liệu phù hợp cho loại phân tích EFA, nghiên cứu tiến hành kiểm định KMO và Bartlett. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.1.

Bảng 3.1. Kiểm định KMO và Bartlett để phân tích các nhân tố biểu hiện của chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn – Lào (n = 31)

Yếu tố	Nhân tố	Ký hiệu	MSA (Độ tin cậy)
Cơ hội học tập tốt	1. Đảm bảo tổng thời gian giảng dạy môn GDTC trong tuần	CH1	0.92
	2. Giáo viên GDTC có trình độ	CH2	0.84
	3. Chương trình môn học GDTC phù hợp	CH3	0.91
	4. Cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ	CH4	0.93
Nội dung học tập ý nghĩa	1. Kỹ năng vận động được thiết kế đa dạng để nâng cao sự phát triển về thể chất, tinh thần và xã hội/cảm xúc	ND1	0.87
	2. Nội dung học tập và đánh giá giúp học sinh hiểu, cải thiện và duy trì sức khỏe	ND2	0.80
	3. Nâng cao nhận thức về kỹ năng vận động và thể lực	ND3	0.85
	4. Tạo cơ hội để cải thiện các kỹ năng xã hội và mối quan hệ bạn bè	ND4	0.69
	5. Thường xuyên khuyến khích các hoạt động tập luyện phù hợp và trong suốt cuộc đời	ND5	0.56
Dạy học phù hợp	1. Học sinh tích cực tham gia các hoạt động thể thao	DH1	0.80
	2. Tạo cơ hội thực hành tối đa cho các hoạt động trong lớp	DH2	0.80
	3. Các bài học được thiết kế tốt tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của học sinh	DH3	0.76
	4. Hoạt động ngoại khóa hỗ trợ tốt việc học và thực hành	DH4	0.83
	5. Không có hoạt động thể chất mang tính trừng phạt	DH5	0.62
	6. Thường xuyên đánh giá để theo dõi và củng cố việc học tập của học sinh	DH6	0.79
KMO	Overall MSA (Độ tin cậy tổng thể)		0.82
Bartlett	Kiểm định Khi bình phương (chisq)		919.5405
	P (p.value)		2.812104e-130
	Bậc tự do (df)		105

Từ kết quả thu được ở bảng 3.1, để thực hiện được phân tích EFA thì giá trị $KMO \geq 0.5$ (Kaiser, 1974). Kết quả thu được cho thấy giá trị $KMO = 0.82 \geq 0.5$ cho thấy sử dụng được trong phân tích EFA cho bộ dữ liệu về các nhân tố biểu hiện của chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào. Khi kiểm định Bartlett có giá trị thu được 919.5405 với bậc tự do là 105 ở ngưỡng P (p-value) = $4.782179e-200 < 0.05$ nên nghiên cứu kết luận rằng tương quan giữa các nhân tố là đủ lớn để sử dụng phân tích EFA. Thực hiện phân tích song song để xác định số lượng yếu tố khi phân tích EFA cho các nhân tố cấu thành. Kết quả phân tích xác định số yếu tố là 1 (biểu đồ 3.2).



Biểu đồ 3.2. Kết quả xác định số lượng yếu tố trong phân tích EFA

Tiếp theo nghiên cứu đã thực hiện phân tích EFA các biến cấu thành nhân tố với phép xoay phổ biến mặc định và hệ số tải (Factor loading) > 0.5 (Nguyễn Khánh Duy, 2009). Lựa chọn các thông số như vậy được xem là có ý nghĩa thực tiễn. Kết quả được trình bày ở bảng 3.2.

Bảng 3.2. Kết quả phân tích EFA về chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viên Chăn – Lào (n = 31)

Yếu tố	Nhân tố	Ký hiệu	Hệ số tải > 0.5
Cơ hội học tập tốt	1. Đảm bảo tổng thời gian giảng dạy môn GDTC trong tuần	CH1	0.96
	2. Giáo viên GDTC có trình độ	CH2	0.84
	3. Chương trình môn học GDTC phù hợp	CH3	0.95
	4. Cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ	CH4	0.90
Nội dung học tập ý nghĩa	1. Kỹ năng vận động được thiết kế đa dạng để nâng cao sự phát triển về thể chất, tinh thần và xã hội/cảm xúc	ND1	0.99
	2. Nội dung học tập và đánh giá giúp học sinh hiểu, cải thiện và duy trì sức khỏe	ND2	0.98
	3. Nâng cao nhận thức về kỹ năng vận động và thể lực	ND3	0.98
	4. Tạo cơ hội để cải thiện các kỹ năng xã hội và mối quan hệ bạn bè	ND4	0.81
	5. Thường xuyên khuyến khích các hoạt động tập luyện phù hợp và trong suốt cuộc đời	ND5	
Dạy học phù hợp	1. Học sinh tích cực tham gia các hoạt động thể thao	DH1	0.98
	2. Tạo cơ hội thực hành tối đa cho các hoạt động trong lớp	DH2	0.91
	3. Các bài học được thiết kế tốt tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của học sinh	DH3	0.94
	4. Hoạt động ngoại khóa hỗ trợ tốt việc học và thực hành	DH4	0.98
	5. Không có hoạt động thể chất mang tính trừng phạt	DH5	
	6. Thường xuyên đánh giá để theo dõi và củng cố việc học tập của học sinh	DH6	0.97
Giá trị riêng của các thành phần chính (SS loadings)			11.63
Tỷ lệ phương sai được giải thích (Proportion var)			0.78

Phân tích kết quả ở bảng 3.2 có 13/15 nhân tố có ý nghĩa thực tiễn với hệ số tải lớn hơn 0.5 (từ 0.81 – 0.99), còn lại 2/15 nhân tố có hệ số tải nhỏ hơn 0.5. Từ kết quả thu được đã lựa chọn 13 nhân tố (4 nhân tố Cơ hội học tập tốt; 4 nhân tố Nội dung học tập ý nghĩa; 5 nhân tố Dạy học phù hợp) dùng để đánh

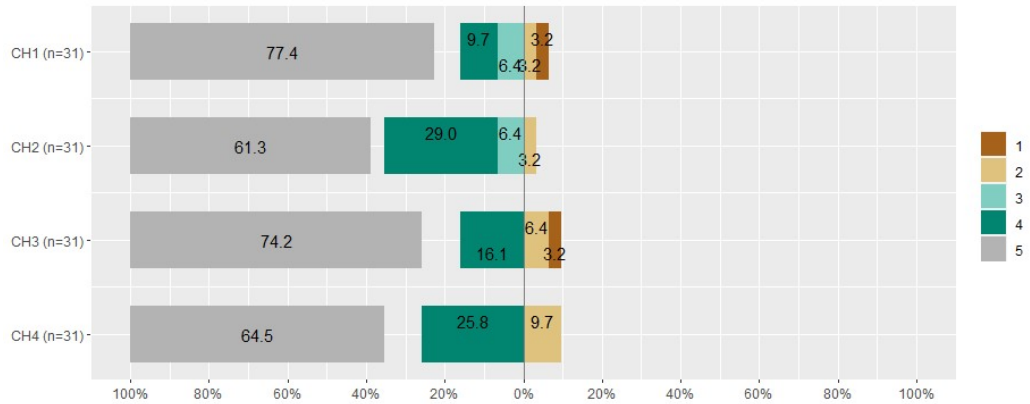
giá thực trạng biểu hiện của chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào.

Tuy nhiên, một thang đo được coi là hợp lí (Reability) khi giá trị kiểm định Cronbach Alpha thu được lớn hơn 0.7. Kết quả kiểm định như trình bày ở bảng 3.3 và tỷ lệ trả lời ở biểu đồ 3.3 – 3.5.

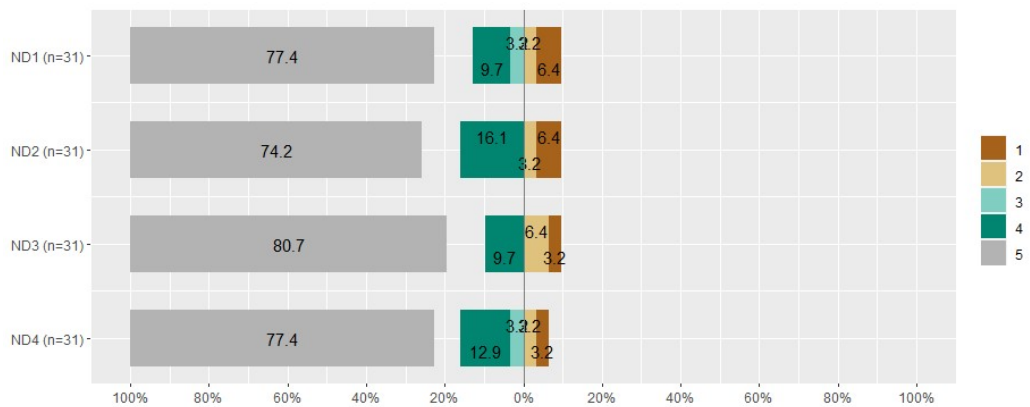
Bảng 3.3. Kết quả kiểm định Cronbach Alpha các nhân tố biểu hiện của chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng

Chăn – Lào (n = 31)

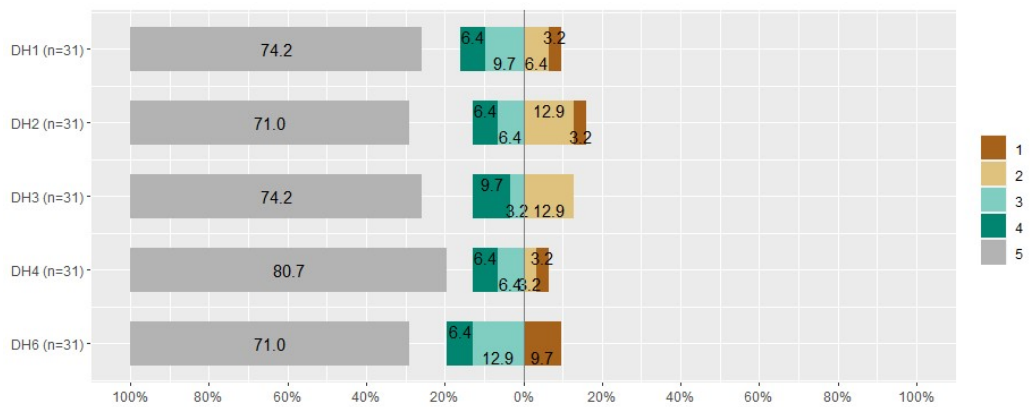
Yếu tố chính	Nhân tố	Ký hiệu	\bar{x}	$\pm\delta$	Cronbach Alpha
Cơ hội học tập tốt	1. Đảm bảo tổng thời gian giảng dạy môn GDTC trong tuần	CH1	4.5	0.99	0.95
	2. Giáo viên GDTC có trình độ	CH2	4.5	0.77	
	3. Chương trình môn học GDTC phù hợp	CH3	4.5	1.03	
	4. Cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ	CH4	4.5	0.93	
Nội dung học tập ý nghĩa	1. Kỹ năng vận động được thiết kế đa dạng để nâng cao sự phát triển về thể chất, tinh thần và xã hội/cảm xúc	ND1	4.5	1.15	0.97
	2. Nội dung học tập và đánh giá giúp học sinh hiểu, cải thiện và duy trì sức khỏe	ND2	4.5	1.12	
	3. Nâng cao nhận thức về kỹ năng vận động và thể lực	ND3	4.6	1.03	
	4. Tạo cơ hội để cải thiện các kỹ năng xã hội và mối quan hệ bạn bè	ND4	4.6	0.96	
Dạy học phù hợp	1. Học sinh tích cực tham gia các hoạt động thể thao	DH1	4.4	1.12	0.98
	2. Tạo cơ hội thực hành tối đa cho các hoạt động trong lớp	DH2	4.3	1.24	
	3. Các bài học được thiết kế tốt tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của học sinh	DH3	4.5	1.06	
	4. Hoạt động ngoại khóa hỗ trợ tốt việc học và thực hành	DH4	4.6	0.99	
	5. Thường xuyên đánh giá để theo dõi và củng cố việc học tập của học sinh	DH6	4.3	1.30	



Biểu đồ 3.3. Tỷ lệ trả lời theo thang đo Likert yếu tố Cơ hội học tập tốt



Biểu đồ 3.4. Tỷ lệ trả lời theo thang đo Likert yếu tố Nội dung học tập ý nghĩa



Biểu đồ 3.5. Tỷ lệ trả lời theo thang đo Likert yếu tố Dạy học phù hợp

Từ kết quả thu được ở bảng 3.3 cho thấy, giá trị Cronbach Alpha của 3 yếu tố từ 0.95 – 0.98 và lớn hơn 0.7. Các giá trị trung bình chung của 13 nhân tố từ 4.3 – 4.5 thuộc mức rất đồng ý. Do vậy, 13 nhân tố cấu thành 3 yếu tố

biểu hiện của chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào là hợp lí.

Tóm lại: Thông qua kết quả phân tích tổng hợp tài liệu và phỏng vấn, đề tài đã xác định được 5 nhóm yếu tố biểu hiện của chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn. Cụ thể:

(1) Cơ hội học tập tốt môn giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn.

(2) Nội dung học tập ý nghĩa môn giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn.

(3) Dạy học phù hợp môn giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn.

(4) Nhu cầu, động cơ, lý do không tích cực tham gia hoạt động thể thao của học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn.

(5) Kết quả học tập và thể lực của học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn.

Kết quả đánh giá thực trạng 5 nhóm yếu tố biểu hiện của chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn được trình bày ở mục 3.1.1.2.

3.1.1.2. Thực trạng các yếu tố biểu hiện của chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn

(1) Thực trạng cơ hội học tập môn giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn.

Từ kết quả xác định nêu trên, luận án đã tiến hành đánh giá thực trạng thông qua phỏng vấn 45 cán bộ quản lý, giáo viên hiện đang làm công tác GDTC và thể thao trường học của học sinh THPT ở thủ đô Viêng Chăn - Lào. Bao gồm 8 trường THPT: Viêng Chăn, Chanthabuly, Thông Pong, Chănsavang, Nasaythong, Ý Lay, Na Fay, Somsavad. Thang Likert được sử dụng trong phỏng vấn, đánh giá theo 5 mức độ (Rất tốt, tốt, trung bình, yếu, kém). Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.4 và biểu đồ 3.6.

Bảng 3.4. Thực trạng cơ hội học tập môn giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn (n = 45)

TT	Nhân tố	Ký hiệu	\bar{x}	$\pm\delta$
1	Đảm bảo tổng thời gian giảng dạy môn GDTC trong tuần	CH1	4.36	0.65
2	Giáo viên GDTC có trình độ	CH2	3.44	1.06
3	Chương trình môn học GDTC phù hợp	CH3	3.47	1.04
4	Cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ	CH4	2.58	0.69



Biểu đồ 3.6. Tỷ lệ trả lời theo thang đo Likert về cơ hội học tập môn giáo dục thể chất

Từ kết quả thu được ở bảng 3.4 và biểu đồ 3.6 cho thấy, thực trạng các yếu tố biểu hiện cơ hội học tập tốt môn GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào có tỷ lệ đánh giá khác nhau theo thang đo Likert và ở các mức độ khác nhau. Cụ thể các yếu tố:

Đảm bảo tổng thời gian giảng dạy môn GDTC trong tuần có tỷ lệ ở mức rất tốt chiếm 44.4% và tốt chiếm 46.7%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 4.36 điểm, như vậy việc đảm bảo tổng thời gian giảng dạy môn GDTC của giáo viên các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào thuộc mức rất tốt.

Đánh giá đội ngũ giáo viên GDTC theo trình độ có tỷ lệ ở mức rất tốt chiếm 20.0% (Đảm bảo tổng thời gian giảng dạy môn GDTC trong tuần), tốt chiếm 26.7% (Giáo viên GDTC có trình độ; Chương trình môn học GDTC phù hợp) và đạt yêu cầu chiếm 31.1% (Cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ). Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 3.44 điểm, như vậy đánh giá đội ngũ giáo viên GDTC theo trình độ ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào thuộc mức trung bình.

Đánh giá về chương trình môn học GDTC có phù hợp với tỷ lệ ở mức rất tốt chiếm 15.6%, tốt chiếm 40.0% và đạt yêu cầu chiếm 20.0%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 3.47 điểm, như vậy đánh giá về mức độ phù hợp của chương trình môn học GDTC ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào thuộc mức trung bình.

Đánh giá về mức độ trang bị đầy đủ cơ sở vật chất có phù hợp với tỷ lệ ở mức tốt chiếm 11.1% và đạt yêu cầu chiếm 35.6%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 2.58 điểm, như vậy đánh giá về mức độ trang bị đầy đủ cơ sở vật chất ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào chưa đạt mức trung bình.

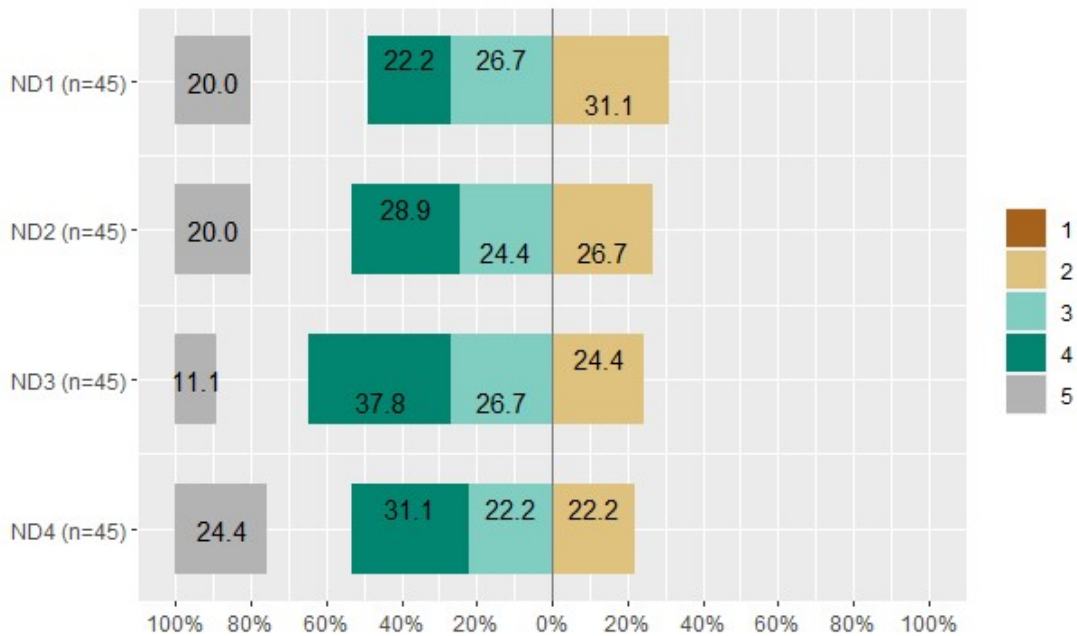
Tóm lại: Đánh giá các yếu tố liên quan đến cơ hội học tập tốt môn GDTC chỉ có 1/4 yếu tố ở mức rất tốt (Đảm bảo tổng thời gian giảng dạy môn GDTC trong tuần), 2/4 yếu tố ở mức trung bình (Giáo viên GDTC có trình độ; Chương trình môn học GDTC phù hợp) và 1/4 yếu tố ở mức chưa đạt yêu cầu (Cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ). Qua đó cho thấy cần phải có các đánh giá về tác động quản lý chất lượng GDTC ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào.

(2) Thực trạng nội dung học tập môn giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn.

Đánh giá thực trạng yếu tố biểu hiện nội dung học tập có ý nghĩa với môn giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn – Lào có kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.5 và biểu đồ 3.7.

Bảng 3.5. Thực trạng nội dung học tập môn giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn (n = 45)

TT	Nhân tố	Ký hiệu	\bar{x}	$\pm\delta$
1	Kỹ năng vận động được thiết kế đa dạng để nâng cao sự phát triển về thể chất, tinh thần và xã hội/cảm xúc	ND1	3.31	1.12
2	Nội dung học tập và đánh giá giúp học sinh hiểu, cải thiện và duy trì sức khỏe	ND2	3.42	1.10
3	Nâng cao nhận thức về kỹ năng vận động và thể lực	ND3	3.36	0.98
4	Tạo cơ hội để cải thiện các kỹ năng xã hội và mối quan hệ bạn bè	ND4	3.58	1.10



Biểu đồ 3.7. Tỷ lệ trả lời theo thang đo Likert về nội dung học tập môn giáo dục thể chất

Từ kết quả thu được ở bảng 3.5 và biểu đồ 3.7 cho thấy, thực trạng các yếu tố biểu hiện nội dung học tập có ý nghĩa môn GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào có tỷ lệ đánh giá khác nhau theo thang đo Likert và ở các mức độ khác nhau. Cụ thể các yếu tố:

Kỹ năng vận động được thiết kế đa dạng để nâng cao sự phát triển về thể chất, tinh thần và xã hội/cảm xúc có tỷ lệ ở mức rất tốt chiếm 20.0% và tốt

chiếm 22.2% và đạt yêu cầu chiếm 26.7%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 3.31 điểm, như vậy các kỹ năng vận động được thiết kế đa dạng để nâng cao sự phát triển về thể chất, tinh thần và xã hội/cảm xúc ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào thuộc mức trung bình.

Về nội dung học tập và đánh giá giúp học sinh hiểu, cải thiện và duy trì sức khỏe có tỷ lệ ở mức rất tốt chiếm 20.0%, tốt chiếm 28.9% và đạt yêu cầu chiếm 24.4%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 3.42 điểm, như vậy nội dung học tập và đánh giá giúp học sinh hiểu, cải thiện và duy trì sức khỏe ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào thuộc mức tốt.

Việc nâng cao nhận thức về kỹ năng vận động và thể lực với tỷ lệ ở mức rất tốt chiếm 11.1%, tốt chiếm 37.8% và đạt yêu cầu chiếm 26.7%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 3.36 điểm, như vậy đánh giá về nâng cao nhận thức về kỹ năng vận động và thể lực ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào thuộc mức trung bình.

Đánh giá về việc tạo cơ hội để cải thiện các kỹ năng xã hội và mối quan hệ bạn bè với tỷ lệ ở mức rất tốt chiếm 24.4%, mức tốt 31.1% và đạt yêu cầu chiếm 22.2%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 3.58 điểm, như vậy đánh giá về tạo cơ hội để cải thiện các kỹ năng xã hội và mối quan hệ bạn bè cho học sinh ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào ở mức tốt.

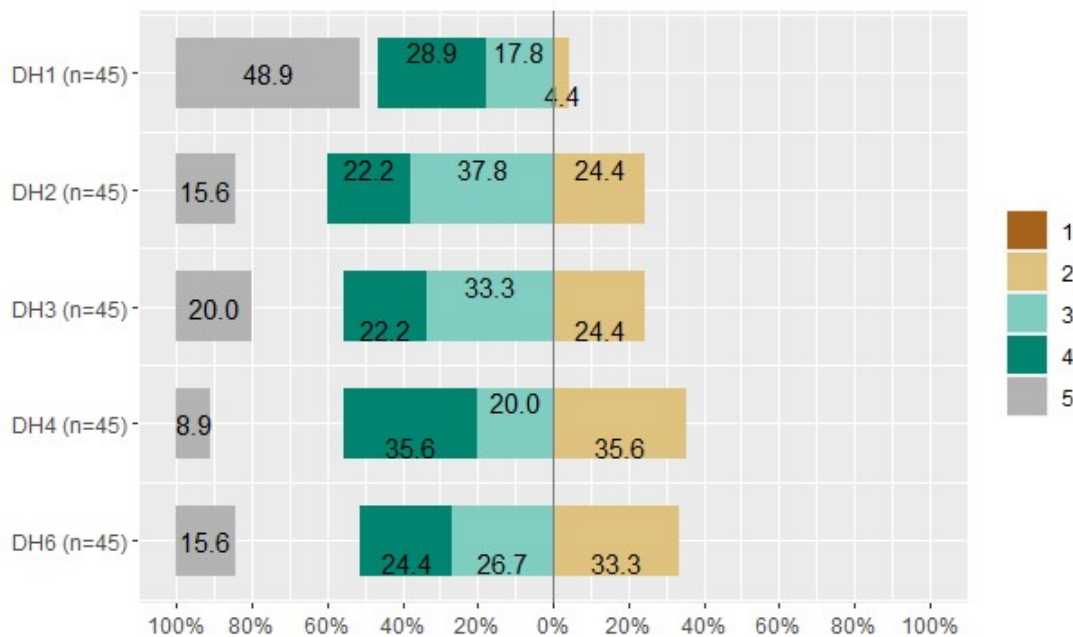
Tóm lại: Đánh giá các yếu tố biểu hiện nội dung học tập có ý nghĩa của môn GDTC chỉ có 2/4 yếu tố ở mức tốt, 2/4 yếu tố ở mức trung bình. Qua đó cho thấy cần phải có đánh giá các nhân tố tác động đến quản lý chất lượng GDTC ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào.

(3) Thực trạng dạy học môn giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn.

Đánh giá thực trạng yếu tố biểu hiện công tác dạy học đảm bảo sự phù hợp của môn giáo dục thể chất cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào có kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.6 và biểu đồ 3.8.

Bảng 3.6. Thực trạng dạy học môn giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn (n = 45)

TT	Nhân tố	Ký hiệu	\bar{x}	$\pm\delta$
1	HS tích cực tham gia các hoạt động thể thao	DH1	4.22	0.90
2	Tạo cơ hội thực hành tối đa cho các hoạt động trong lớp	DH2	3.29	1.01
3	Các bài học được thiết kế tốt tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của học sinh	DH3	3.38	1.07
4	Hoạt động ngoại khóa hỗ trợ tốt việc học và thực hành	DH4	3.18	1.03
5	Thường xuyên đánh giá để theo dõi và củng cố việc học tập của học sinh	DH6	3.22	1.08



Biểu đồ 3.8. Tỷ lệ trả lời theo thang đo Likert về dạy học môn giáo dục thể chất

Từ kết quả thu được ở bảng 3.6 và biểu đồ 3.8 cho thấy, thực trạng các yếu tố liên quan đến biểu hiện dạy học đảm bảo phù hợp của môn GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào có tỷ lệ đánh giá khác nhau theo thang đo Likert và ở các mức độ khác nhau. Cụ thể các yếu tố:

Đánh giá về tính tích cực của học sinh khi tham gia các hoạt động thể thao có tỷ lệ ở mức rất tốt chiếm 48.9% và tốt chiếm 28.9% và đạt yêu cầu

chiếm 17.8%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 4.22 điểm, như vậy đánh giá về tính tích cực của học sinh khi tham gia các hoạt động thể thao ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào thuộc mức rất tốt.

Đánh giá về việc tạo cơ hội thực hành tối đa cho các hoạt động trong lớp của giáo viên GDTC có tỷ lệ ở mức rất tốt chiếm 15.6%, tốt chiếm 22.2% và bình thường chiếm 37.8%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 3.29 điểm, như vậy đánh giá về việc tạo cơ hội thực hành tối đa cho các hoạt động trong lớp của giáo viên GDTC ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào thuộc mức bình thường.

Đánh giá về các bài học được giáo viên thiết kế tốt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của học sinh có tỷ lệ trả lời ở mức rất tốt chiếm 20.0%, tốt chiếm 22.2% và đạt yêu cầu chiếm 33.3%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 3.38 điểm, như vậy đánh giá về các bài học được giáo viên thiết kế tốt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của học sinh ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào thuộc mức trung bình.

Đánh giá về hoạt động ngoại khóa hỗ trợ tốt việc học và thực hành với tỷ lệ ở mức rất tốt chiếm 8.9%, mức tốt 35.6% và đạt yêu cầu chiếm 20.0%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 3.18 điểm, như vậy đánh giá về hoạt động ngoại khóa hỗ trợ tốt việc học và thực hành ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào ở mức trung bình.

Đánh giá về việc thường xuyên đánh giá để theo dõi và củng cố việc học tập của HS với tỷ lệ ở mức rất tốt chiếm 15.6%, mức tốt 24.4% và đạt yêu cầu chiếm 26.7%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 3.22 điểm, như vậy phản hồi về việc thường xuyên đánh giá để theo dõi và củng cố việc học tập của học sinh ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào ở mức trung bình.

Tóm lại: Đánh giá các yếu tố biểu hiện dạy học đảm bảo phù hợp của môn GDTC chỉ có 1/5 yếu tố ở mức rất tốt, 4/5 yếu tố ở mức trung bình. Qua đó cho thấy cần phải có đánh giá các nhân tố tác động đến quản lý chất lượng GDTC ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào.

Tổng hợp kết quả đánh giá thực trạng thông qua kết quả xếp loại các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào được trình bày ở bảng 3.7.

Bảng 3.7. Tổng hợp kết quả đánh giá các yếu tố biểu hiện của chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông Viêng Chăn (n = 45)

TT	Mức đánh giá	Số yếu tố	Tỷ lệ %	Nhóm	Tỷ lệ %
1	Rất tốt	2	15	6	46
2	Tốt	4	31		
3	Trung bình	6	46	7	54
4	Yếu	1	8		
	Tổng số	13	100	13	100

Tóm lại:

Tổng hợp và phân tích các nguồn tài liệu, nghiên cứu đã lựa chọn cách tiếp cận quan niệm và cho rằng: Chất lượng GDTC cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn – Lào bao gồm các biểu hiện đặc điểm chất lượng GDTC giúp tăng cường sức khỏe và duy trì hoạt động thể chất lâu dài. Bao gồm 3 yếu tố: Cơ hội học tập tốt; Nội dung học tập ý nghĩa; Dạy học phù hợp.

Sử dụng phân tích nhân tố khám phá EFA, nghiên cứu đã xác định được 13 nhân tố dùng để đánh giá biểu hiện của chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào. Bao gồm:

Cơ hội học tập tốt với 4 nhân tố: 1. Đảm bảo tổng thời gian giảng dạy môn GDTC trong tuần; 2. Giáo viên GDTC có trình độ; 3. Chương trình môn học GDTC phù hợp; 4. Cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ.

Nội dung học tập ý nghĩa với 4 nhân tố: 1. Kỹ năng vận động được thiết kế đa dạng để nâng cao sự phát triển về thể chất, tinh thần và xã hội/cảm xúc; 2. Nội dung học tập và đánh giá giúp học sinh hiểu, cải thiện và duy trì sức khỏe; 3. Nâng cao nhận thức về kỹ năng vận động và thể lực; 4. Tạo cơ hội để cải thiện các kỹ năng xã hội và mối quan hệ bạn bè

Dạy học phù hợp với 5 nhân tố: 1. Học sinh tích cực tham gia các hoạt động thể thao; 2. Tạo cơ hội thực hành tối đa cho các hoạt động trong lớp; 3.

Các bài học được thiết kế tốt tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của học sinh; 4. Hoạt động ngoại khóa hỗ trợ tốt việc học và thực hành; 5. Thường xuyên đánh giá để theo dõi và củng cố việc học tập của học sinh.

Đánh giá chung về thực trạng các yếu tố biểu hiện của chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào cho thấy: chỉ có 2/13 yếu tố ở mức rất tốt, 4/13 yếu tố ở mức tốt, 6/13 yếu tố ở mức trung bình và 1/13 ở mức yếu. Tổng hợp chung ở mức rất tốt và tốt chiếm tỷ lệ 46%, còn mức trung bình và kém chiếm tỷ lệ 54%, điều đó khẳng định việc cần phải có đánh giá về thực trạng các yếu tố tác động đến quản lý chất lượng GDTC ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn. Từ đó làm cơ sở để xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh các trường THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào.

(4) Thực trạng nhu cầu, động cơ, lý do không tích cực tham gia hoạt động thể thao của học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn.

Thể dục thể thao giúp duy trì sự phát triển tối ưu của cộng đồng. Trách nhiệm thúc đẩy học sinh tham gia tập luyện thể thao là yêu cầu hết sức cấp thiết, góp phần tích cực trong phát triển phong trào Olympic với các mục tiêu khác nhau (văn hóa, tôn giáo, thể thao). Do vậy, việc gia tăng học sinh tham gia tập luyện thể thao là nhiệm vụ hàng đầu của mỗi tổ chức và không thể có tiến bộ nếu không có sự kiểm tra sự hiện diện của học sinh tham gia tập luyện thể thao và tăng cường khuyến khích học sinh tham gia thể thao rộng rãi hơn.

Để đáp ứng nhu cầu của các học sinh trong tập luyện thể thao, ngay từ đầu nên hiểu mong muốn của học sinh tham gia tập luyện thể thao ở môn thể thao nào? Động cơ tham gia? Và những lý do không muốn tham gia hoặc cản trở việc tập luyện thể thao. Đặc biệt là động cơ tham gia tập luyện thể thao. Mỗi người có những cách hiểu khác nhau về định nghĩa động cơ, trong đó ý nghĩa của động cơ do Abraham Harold Maslow đề xuất thường được chấp nhận rộng rãi. Ông chỉ ra rằng động cơ là một trong những lý do để mọi người tham gia vào các hoạt động khác nhau (Chen, 2014).

Nghiên cứu mong muốn, động cơ, lý do khi tham gia tập luyện thể thao của học sinh THPT ở thủ đô Viêng Chăn - Lào. Chúng tôi đã tổng hợp số lượng học sinh của 8 trường THPT: Viêng Chăn, Chanthabuly, Thông Pong, Chănsavang, Nasaythong, Ý Lay, Na Fay, Somsavad.

Tổng thể xác định quy mô mẫu với $N = 4493$ học sinh. Xác định cỡ mẫu theo ước lượng tổng thể trong trường hợp biết quy mô tổng thể với sai số cho phép ở ngưỡng 5% ($e = \pm 0.05$) theo công thức $n = N/(1+N \times e^2)$. Tuy nhiên, do điều kiện thực tế, luận án đã tiến hành khảo sát 440 học sinh. Kết quả thu về có 73 học sinh trả lời không tham gia tập luyện thể thao và 367 học sinh có tham gia tập luyện thể thao, trong đó có: 122 học sinh khối 10 (61 nam, 61 nữ), 122 học sinh khối 11 (66 nam, 56 nữ), 123 học sinh khối 10 (61 nam, 62 nữ).

Nghiên cứu đã sử dụng các bảng câu hỏi để xác định mức độ tham gia hoạt động thể thao của học sinh THPT ở thủ đô Viêng Chăn – Lào. Nó cũng sẽ đối chiếu thông tin về các loại hoạt động mà học sinh muốn tham gia trong tương lai. Kết quả khảo sát được chia thành 3 nội chính.

Nội dung đầu tiên cung cấp thông tin về những gì học sinh dự định để chơi và những gì học sinh muốn trường cung cấp.

Nội dung thứ hai xem xét động cơ tham gia tập luyện thể thao, bao hàm cả lý do tại sao học sinh chọn chơi một môn thể thao và tại sao họ chọn không chơi một môn thể thao nào (lựa chọn đa phương án).

Nội dung thứ ba xem xét lý do không tích cực tham gia tập luyện thể thao của học sinh THPT ở thủ đô Viêng Chăn – Lào.

Về mong muốn các môn thể thao được đưa vào tập luyện của học sinh THPT ở thủ đô Viêng Chăn – Lào. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.8.

Bảng 3.8. Mong muốn các môn thể thao được đưa vào tập luyện của học sinh trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn – Lào (n = 367)

T T	Môn thể thao	Tổng kết quả (%)	Tỷ lệ %				
			Giới tính		Khối lớp		
			Nam	Nữ	10	11	12
1	Bóng đá	9.81	9.04	10.61	9.84	9.84	9.76
2	Bóng bàn	10.08	9.57	10.61	12.30	9.02	8.94
3	Cờ vua	9.54	5.85	13.41	8.20	11.48	8.94
4	Cầu lông	10.90	11.17	10.61	12.30	11.48	8.94
5	Bóng chuyền	9.26	9.04	9.50	9.84	9.02	8.94
6	Bơi lội	11.17	9.57	12.85	10.66	11.48	11.38
7	Thể hình	9.26	7.45	11.17	9.02	6.56	12.20
8	Điền kinh	8.17	6.38	10.06	8.20	8.20	8.13
9	Bóng rổ	11.17	17.55	4.47	8.20	12.30	13.01
10	Khiêu vũ	8.99	11.70	6.15	7.38	9.84	9.76
11	Môn thể thao khác	2.18	2.13	2.23	1.64	2.46	2.44

Từ kết quả ở bảng 3.8 thấy: Môn thể thao được nhiều học sinh các trường THPT ở thủ đô Viêng Chăn - Lào yêu cầu nhiều nhất là bơi lội và bóng rổ (11.7%), tiếp theo là các môn bóng đá, cờ vua, bóng chuyền và thể hình (9.26 – 9.81%). Lựa chọn theo giới tính, thì các em nam mong muốn môn bóng rổ (17.55%), môn khiêu vũ (11.70%), môn cầu lông (11.17%); còn các em nữ mong muốn môn cờ vua (13.41%), bơi lội (12.85%) và sau đó là các môn bóng đá, bóng bàn, cầu lông, thể hình, điền kinh (10.06 – 11.17%). Khi xem xét theo khối lớp, thì môn thể thao mong muốn có sự gia tăng cao nhất là bóng rổ, khối 10 (8.20%), đến khối 11 (12.30%) và đến lớp 12 là 13.01%. Sau đó là các môn bơi lội (11.38%) và thể hình (12.20%). Một số môn còn lại có tỷ lệ tương đồng giữa các khối lớp, tức là mong muốn đưa các môn thể thao này không khác nhau nhiều theo cấp lớp.

Tiếp theo là phần xem xét lý do tại sao HS muốn chơi thể thao cũng như những lý do họ liệt kê để không chơi thể thao. Đối với tất cả các số liệu trong phần này, tỷ lệ phần trăm sẽ có tổng lớn hơn 100%, vì HS có thể chọn nhiều phương án trả lời cho tất cả các câu hỏi. Kết quả như trình bày ở bảng 3.9.

Bảng 3.9. Động cơ tham gia tập luyện thể thao của học sinh trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn – Lào (n = 367)

T T	Động cơ	Tổng kết quả (%)	Tỷ lệ %				
			Giới tính		Khối lớp		
			Nam	Nữ	10	11	12
1	Vui vẻ	81.47	81.91	81.01	79.51	81.15	83.74
2	Nâng cao thể lực	79.02	75.53	82.68	77.05	77.87	82.11
3	Học hỏi và nâng cao kỹ năng	66.76	67.55	65.92	64.75	67.21	68.29
4	Chơi cùng và kết bạn mới	64.31	67.02	61.45	63.93	63.93	65.04
5	Cạnh tranh (kiểm tra bản thân với người khác)	59.13	64.36	53.36	59.02	59.84	58.54
6	Chiến thắng trò chơi và chức vô địch	52.86	56.38	49.16	51.64	53.28	53.66
7	Sức khỏe cảm xúc và sức khỏe tinh thần	49.32	40.96	58.10	47.54	49.18	51.22
8	Cải thiện các nội dung đánh giá năng lực để xét tuyển đại học	42.23	40.96	43.58	40.98	43.44	42.28
9	Chuẩn bị cho bậc đại học	39.24	33.51	45.25	43.44	37.70	36.59
10	Tránh xa các tệ nạn xã hội	35.97	36.17	35.75	37.70	35.25	34.96
11	Làm cho gia đình tôi tự hào	34.60	37.23	31.84	32.79	32.79	38.21
12	Thuộc về một nhóm trong trường	34.33	28.19	40.78	36.89	31.97	34.15
13	Có một huấn luyện viên quan tâm đến tôi	28.88	30.85	26.82	29.51	27.87	29.27
14	Tiếp cận các cơ sở thể thao chất lượng	22.34	20.21	24.58	23.77	24.59	18.70

Kết quả ở bảng 3.9 cho thấy: Xem xét các lý do học sinh chơi thể thao được liệt kê theo giới tính và khối lớp. Nhìn chung, những câu trả lời hàng đầu cho động cơ học sinh tham gia thể thao là cảm thấy vui vẻ (81.47%), nâng cao thể lực (79.02%), học hỏi và nâng cao kỹ năng (66.76%), chơi cùng và kết bạn mới (64.31%) và cạnh tranh (kiểm tra bản thân với người khác) (59.13%). Đối với giới tính, có sự khác biệt trong một vài yếu tố thúc đẩy chính. Với nam giới, tỷ lệ chiến thắng trong các trò chơi (56.38% đối với nam, 49.16% đối với

nữ) và cạnh tranh (64.36% đối với nam, 53.36% đối với nữ) cho thấy tỷ lệ cao hơn ở học sinh nam, trong khi học sinh nữ có nhiều sức khỏe cảm xúc và sức khỏe tinh thần (58.01% đối với nữ, 40.96% đối với nam), thuộc về một nhóm trong trường (40.78% đối với nữ, 29.19% đối với nam) và chuẩn bị cho bậc đại học (45.25% đối với nữ, 33.51% đối với nam).

Tiếp theo là thống kê các lý do khác nhau mà HS không tham gia tập luyện thể thao theo giới tính và khối lớp. Kết quả như trình bày ở bảng 3.10.

Bảng 3.10. Những khó khăn trở ngại khi tham gia tập luyện thể thao của học sinh trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn – Lào (n = 367)

T T	Lý do	Tổng kết quả (%)	Tỷ lệ %				
			Giới tính		Khối lớp		
			Nam	Nữ	10	11	12
1	Quá nhiều bài tập về nhà	42.23	40.96	43.58	44.26	40.98	41.46
2	Tôi không thích thể thao	32.43	32.98	31.84	29.51	33.61	34.15
3	Không có môn thể thao yêu thích	26.16	24.47	27.93	26.23	26.23	26.02
4	Tôi không thử vì không nghĩ mình đủ giỏi	25.34	25.53	25.14	25.41	25.41	25.20
5	Lịch làm việc	22.07	21.81	22.35	22.13	22.13	21.95
6	Trách nhiệm gia đình	20.16	23.94	16.20	19.67	18.85	21.95
7	Tôi không cảm thấy được chào đón	13.35	9.57	17.32	13.11	13.11	13.82
8	Bạn bè của tôi không chơi	13.35	12.77	13.97	9.02	13.93	17.07
9	Không đủ kinh phí	12.53	12.23	12.85	18.03	12.30	7.32
10	Trở ngại giao thông	11.44	9.57	13.41	12.30	12.30	9.76
11	Sợ bị thương hoặc bệnh tật	11.72	13.30	10.06	13.11	11.48	10.57
12	Tôi không thích các huấn luyện viên	7.08	7.45	6.70	7.38	7.38	6.50
13	Chấn thương trước đây	7.08	6.91	7.26	6.56	7.38	7.32
14	Tôi mặc cảm vì hình thể/giới tính của mình	4.09	6.38	1.68	2.46	5.74	4.07
15	Tôi không giúp gì được cho đội tuyển	3.27	3.19	3.35	2.46	4.10	3.25
16	Tôi không đủ tự tin	3.00	2.13	3.91	1.64	4.10	3.25
17	Không phù hợp với tình trạng khuyết tật/bệnh lý của tôi	1.91	1.60	2.23	1.64	1.64	2.44

Từ kết quả thu được ở bảng 3.10 cho thấy: Những lý do phổ biến nhất mà học sinh không tích cực tham gia tập luyện thể thao: Quá nhiều bài tập về nhà (42.23%), không thích thể thao (32.43%), không có môn thể thao yêu thích (26.16%) và không thử sức vì học sinh nghĩ rằng mình không đủ giỏi để thực hiện (25.34%).

Tóm lại: Các môn thể thao mà học sinh các trường THPT ở thủ đô Viêng Chăn - Lào mong muốn được đưa vào tập luyện nhiều nhất là: bơi lội và bóng rổ, tiếp theo là các môn bóng đá, cờ vua, bóng chày và thể hình. Trong đó, các học sinh nam mong muốn môn bóng rổ, khiêu vũ, môn cầu lông; còn các học sinh nữ mong muốn môn cờ vua, bơi lội, sau đó là các môn bóng đá, bóng bàn, cầu lông, thể hình, điền kinh. Môn thể thao có sự gia tăng cao nhất là bóng rổ, sau đó là các môn bơi lội và thể hình.

Động cơ mà học sinh liệt kê khi tham gia tập luyện thể thao chủ yếu gồm: vui vẻ, nâng cao thể lực, học tập và nâng cao kỹ năng, chơi và kết bạn mới, và cạnh tranh (kiểm tra bản thân với người khác).

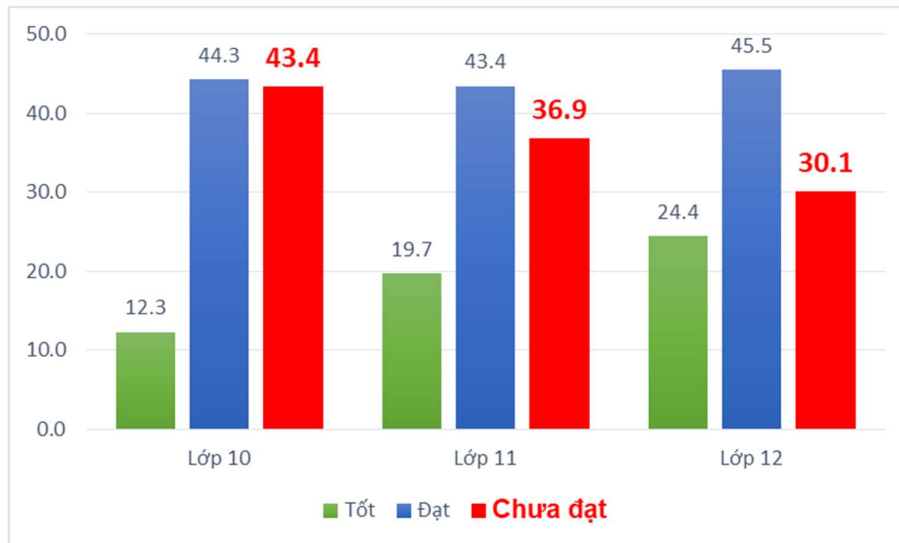
Lý do phổ biến nhất mà học sinh không tích cực tham gia tập luyện thể thao gồm: Nhiều bài tập về nhà, không thích thể thao, không có môn thể thao yêu thích và không thử sức vì học sinh nghĩ rằng không đủ giỏi để thực hiện.

(5) Thực trạng kết quả học tập và thể lực của học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn.

Thực trạng thể lực: Luận án đã sử dụng 4 test của Việt Nam là: bật xa tại chỗ (cm); chạy 30m XPC (s); chạy con thoi 4 × 10m (s); chạy tùy sức 5 phút (m). Trước đây, các trường THPT của Lào chưa sử dụng phổ biến các test để đánh giá thể lực, nếu có các nghiên cứu về đánh giá thể lực thường sử dụng các test đánh giá của Việt Nam, Thái Lan... hoặc các nước có thể chất tương đồng với Lào. Số lượng khảo sát là: 367 học sinh có tham gia tập luyện thể thao, trong đó có: 122 học sinh khối 10 (61 nam, 61 nữ), 122 học sinh khối 11 (66 nam, 56 nữ), 123 học sinh khối 10 (61 nam, 62 nữ). Kết quả như trình bày ở bảng 3.11 và biểu đồ 3.9.

Bảng 3.11. Kết quả xếp loại thể lực của học sinh trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn – Lào (n = 367)

TT	Xếp loại	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12	
		n	%	n	%	n	%
1	Tốt	15	12.3	24	19.7	30	24.4
2	Đạt	54	44.3	53	43.4	56	45.5
3	Chưa đạt	53	43.4	45	36.9	37	30.1
	Tổng	122		122		123	
	χ^2	7.874 với df = 4, p-value = 0.096 > 0.05					



Biểu đồ 3.9. Tỷ lệ xếp loại thể lực của học sinh trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn – Lào

Kết quả bảng 3.11 và kiểm định Khi bình phương cho thấy: Đa số tỷ lệ học sinh có xếp loại thể lực ở mức đạt chiếm tỷ lệ từ 43.4 – 45.5%, tỷ lệ xếp loại ở mức tốt còn thấp chiếm từ 12.3 – 24.4% và còn nhiều học sinh xếp loại ở mức chưa đạt chiếm tỷ lệ từ 30.1 – 43.4%.

Từ kết quả của biểu đồ 3.9 cho thấy xu hướng phân loại thể lực giữa các nhóm học sinh lớp 10 – 12 có xu hướng tăng lên ở mức tốt, giảm dần ở mức chưa đạt. Kết quả này là phù hợp với sự tăng trưởng và tác động của các yếu tố liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng nói chung. Tuy nhiên, kết quả này

lại cho thấy chưa có sự khác biệt rõ rệt, thể hiện ở kết quả kiểm định Khi bình phương (χ^2) giữa các lớp 10 – 12 với giá trị thu được là 7.874 với $P = 0.096$ và lớn hơn 0.05. Hay nói cách khác là Khi bình phương tính lớn hơn Khi bình phương bảng nên kết quả xếp loại thể lực giữa học sinh các khối lớp không có sự khác biệt. Do vậy, cần thiết phải có những giải pháp nhằm thúc đẩy chất lượng GDTC nhằm góp phần nâng cao thể lực cho học sinh THPT ở thủ đô Viêng Chăn – Lào.

Thực trạng kết quả học tập.

Để đánh giá thực trạng kết quả học tập môn học thể dục, đề tài tiến hành tổng hợp điểm của 105 học sinh thuộc 3 năm học. Kết quả trình bày tại bảng 3.12.

Bảng 3.12. So sánh kết quả học tập môn thể dục trong 3 năm học của học sinh trường trung học phổ thông Viêng Chăn

Xếp loại	2019-2020		2020-2021		2021-2022	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Xuất sắc	57	8.77	54	8.84	62	10.99
Giỏi	85	13.08	78	12.77	89	15.78
Khá	116	17.85	108	17.68	112	19.86
Trung bình	359	55.23	345	56.46	287	50.89
Yếu	33	5.08	26	4.26	14	2.48
Tổng	650		611		564	
χ^2	12.301, df = 8, P = 0.138 > 0.05					

Kết quả bảng 3.12 cho thấy: Tỷ lệ xếp loại kết quả học tập môn thể dục của học sinh 3 năm học thì số học sinh đạt điểm trung bình chiếm tỷ lệ lớn từ 50.89 – 56.46%, số lượng học sinh xếp loại yếu có giảm dần trong 3 năm học song vẫn chiếm tỷ lệ cao từ 2.48 – 5.08%. Tỷ lệ học sinh giỏi và xuất sắc chưa đạt như kỳ vọng. Kết quả kiểm định Khi bình phương giữa 3 năm học là 12.301 với $P = 0.138 > 0.05$. Như vậy, kết quả học tập môn thể dục của học sinh trường THPT Viêng Chăn giữa học sinh của ba năm học không có sự khác biệt. Kết quả nghiên cứu này một lần nữa khẳng định sự cần thiết phải có các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh trường THPT Viêng Chăn.

3.1.2. Thực trạng các yếu tố tác động đến quản lý chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào

Từ khung khái niệm về các yếu tố tác động đến quản lý chất lượng GDTC đã xác định trong phần tổng quan bao gồm:

- (1) Cơ chế, chính sách của nhà nước.
- (2) Môi trường.
- (3) Mục tiêu và chương trình đào tạo.
- (4) Đội ngũ giáo viên.
- (5) Quy mô đào tạo.
- (6) Cơ sở vật chất – trang thiết bị.
- (7) Tài liệu giảng dạy.
- (8) Phương pháp giảng dạy.
- (9) Đội ngũ học sinh.

Với mục đích lựa chọn các yếu tố tác động đến quản lý chất lượng GDTC cho đối tượng nghiên cứu phù hợp điều kiện thực tiễn, trong quá trình nghiên cứu, thông qua hình thức phỏng vấn để lựa chọn các yếu tố có tác động mạnh đến việc nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào. Tổ chức phỏng vấn và đánh giá như sau:

Đối tượng phỏng vấn: 31 nhà quản lý, chuyên gia, giáo viên tham gia lựa chọn các yếu tố có tác động mạnh đến việc nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn – Lào qua hai lần phỏng vấn.

Nội dung phỏng vấn lựa chọn gồm 9 yếu tố.

Thang đo: Lựa chọn với 2 mức độ lựa chọn là “Đồng ý” và “Không đồng ý” cho mỗi yếu tố tác động đến quản lý chất lượng GDTC.

Số lần và thời điểm phỏng vấn: 2 lần phỏng vấn và cách nhau 1 tháng.

Đánh giá: Luận án lựa chọn các yếu tố qua 2 lần phỏng vấn đạt trên 80% số người phỏng vấn. Đồng thời kết quả kiểm định Wilcoxon 2 lần phỏng vấn phải đảm bảo tính nhất quán, ít biến đổi ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$.

Kết quả xác định các yếu tố tác động đến quản lý chất lượng GDTC ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn thu được như trình bày ở bảng 3.13.

Bảng 3.13. Kết quả lựa chọn các yếu tố tác động đến quản lý chất lượng giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn (n = 31)

T T	Yếu tố tác động	Đồng ý				Không đồng ý			
		Lần 1		Lần 2		Lần 1		Lần 2	
		n	%	n	%	n	%	n	%
1	Cơ chế, chính sách của nhà nước	30	96.8	29	93.5	1	3.2	2	6.5
2	Môi trường	20	64.5	21	67.7	11	35.5	10	32.3
3	Mục tiêu và chương trình đào tạo	28	90.3	29	93.5	3	9.7	2	6.5
4	Đội ngũ giáo viên	29	93.5	30	96.8	2	6.5	1	3.2
5	Quy mô đào tạo	22	71.0	23	74.2	9	29.0	8	25.8
6	Cơ sở vật chất – trang thiết bị	28	90.3	28	90.3	3	9.7	3	9.7
7	Tài liệu giảng dạy	23	74.2	21	67.7	8	25.8	10	32.3
8	Phương pháp giảng dạy	26	83.9	27	87.1	5	16.1	4	12.9
9	Đội ngũ học sinh	27	87.1	28	90.3	4	12.9	3	9.7
	Wilcoxon	V = 14.5 với p-value = 0.6702 > 0.05							

Qua bảng 3.12 cho thấy, có 6/9 yếu tố qua 2 lần phỏng vấn được các nhà quản lý, chuyên gia, giáo viên đồng ý lựa chọn với tỷ lệ từ 83.9% – 96.8% và lớn hơn 80%. Còn lại 3/9 yếu tố qua 2 lần phỏng vấn có mức không đồng ý về sự phù hợp thấp hơn (từ 64.5% đến 74.2% và nhỏ hơn 80.0% mức quy định) và được đánh giá chưa có sự phù hợp với thực tiễn, điều kiện hoàn cảnh của công tác quản lý chất lượng GDTC ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào. Cụ thể:

Yếu tố Cơ chế, chính sách của nhà nước với mức đồng ý lần 1 và lần 2 từ 96.8 - 93.5%.

Yếu tố Môi trường với mức đồng ý lần 1 và lần 2 từ 64.5 - 67.7%

Yếu tố Mục tiêu và chương trình đào tạo với mức đồng ý lần 1 và lần 2 từ 90.3 - 93.5%

Yếu tố Đội ngũ giáo viên với mức đồng ý lần 1 và lần 2 từ 93.5 - 96.8%

Yếu tố Quy mô đào tạo với mức đồng ý lần 1 và lần 2 từ 71.0 - 74.2%

Yếu tố Cơ sở vật chất – trang thiết bị với mức đồng ý lần 1 và lần 2 từ 90.3 - 90.3%

Yếu tố Tài liệu giảng dạy với mức đồng ý lần 1 và lần 2 từ 74.2 - 67.7%

Yếu tố Phương pháp giảng dạy với mức đồng ý lần 1 và lần 2 từ 83.9 - 87.1%

Yếu tố Đội ngũ học sinh với mức đồng ý lần 1 và lần 2 từ 87.1 - 90.3%

Đánh giá sự khác biệt giữa hai lần phỏng vấn thông qua kiểm định Wilcoxon với kết quả thu được: $V = 14.5$ với $p\text{-value} = 0.6702$ nghĩa là $P > 0.05$. Mức ý nghĩa quan sát của kiểm định giữa 2 lần phỏng vấn đã khẳng định không có sự khác biệt giữa phỏng vấn lần một và lần hai. Như vậy, giữa hai lần phỏng vấn có kết quả lựa chọn các yếu tố của các cán bộ quản lý, chuyên gia, giáo viên có tính trùng hợp và tương đồng để tác động đến quản lý chất lượng GDTC ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào.

Tóm lại: Thông qua tỷ lệ lựa chọn và đánh giá sự khác biệt giữa 2 lần phỏng vấn, luận án đã lựa chọn được 6 yếu tố tác động đến quản lý chất lượng GDTC ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào:

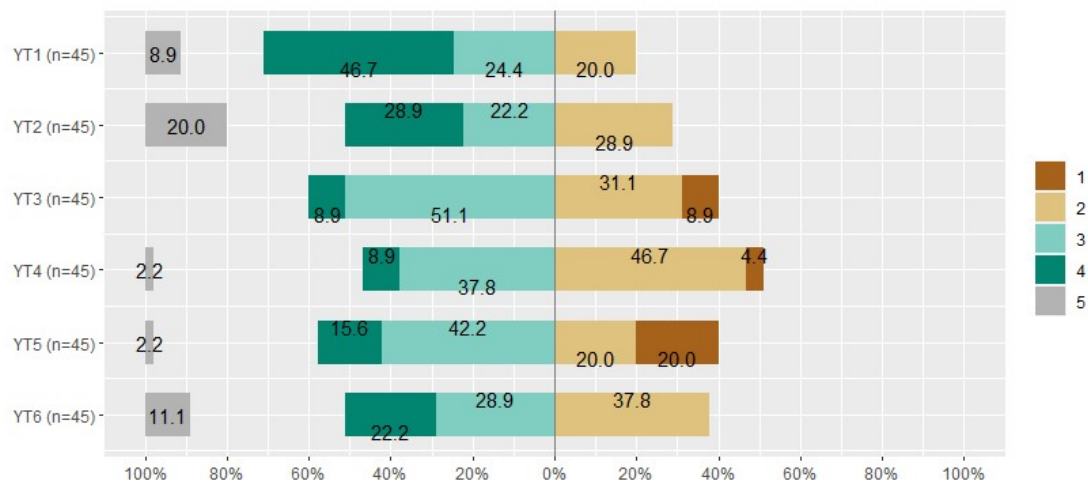
- (1) Cơ chế, chính sách của nhà nước.
- (2) Mục tiêu và chương trình đào tạo.
- (3) Đội ngũ giáo viên.
- (4) Cơ sở vật chất – trang thiết bị.
- (5) Phương pháp giảng dạy.
- (6) Đội ngũ học sinh.

Từ kết quả xác định nêu trên, luận án đã tiến hành đánh giá thực trạng quản lý chất lượng GDTC thông qua phỏng vấn 45 cán bộ quản lý, giáo viên hiện đang làm công tác GDTC và thể thao trường học cho học sinh THPT ở thủ đô Viêng Chăn - Lào. Bao gồm 8 trường THPT: Viêng Chăn, Chanthabuly, Thông Pong, Chănsavang, Nasaythong, Ý Lay, Na Fay, Somsavad. Thang

Likert được sử dụng trong phỏng vấn, đánh giá theo 5 mức độ (Rất tốt, tốt, trung bình, yếu, kém). Kết quả trình bày ở bảng 3.134 - 3.15 và biểu đồ 3.10.

Bảng 3.14. Thực trạng yếu tố liên quan đến quản lý chất lượng giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông thủ đô Viênng Chăn (n = 45)

TT	Yếu tố tác động	Ký hiệu	\bar{x}	$\pm\delta$
1	Cơ chế, chính sách của nhà nước	YT1	3.36	0.93
2	Mục tiêu và chương trình đào tạo	YT2	3.33	1.13
3	Đội ngũ giáo viên	YT3	2.58	0.75
4	Cơ sở vật chất – trang thiết bị	YT4	2.51	0.82
5	Phương pháp giảng dạy	YT5	2.56	1.06
6	Đội ngũ học sinh	YT6	3.00	1.04



Biểu đồ 3.10. Tỷ lệ trả lời các yếu tố liên quan đến quản lý chất lượng giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông thủ đô Viênng Chăn

Bảng 3.15. Tổng hợp kết quả đánh giá thực trạng các yếu tố liên quan đến quản lý chất lượng giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông thủ đô Viênng Chăn

TT	Mức đánh giá	Số yếu tố	Tỷ lệ %
1	Trung bình	3	50
2	Yếu	3	50
	Tổng số	6	100

Từ kết quả thu được ở bảng 3.14 và biểu đồ 3.10 cho thấy, thực trạng các yếu tố liên quan đến quản lý chất lượng GDTC ở các trường THPT thủ đô

Viêng Chăn - Lào có tỷ lệ đánh giá khác nhau theo thang đo Likert và ở các mức độ khác nhau. Cụ thể các yếu tố:

Đánh giá về cơ chế, chính sách của nhà nước có tỷ lệ ở mức rất tốt chiếm 8.9% và tốt chiếm 46.7% và đạt yêu cầu chiếm 24.4%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 3.36 điểm, như vậy đánh giá về cơ chế, chính sách của nhà nước đối với công tác GDTC ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào thuộc mức bình thường.

Đánh giá về mục tiêu và chương trình đào tạo có tỷ lệ ở mức rất tốt là 20.0%, tốt chiếm 28.9% và bình thường 22.2%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 3.33 điểm, như vậy đánh giá về mục tiêu và chương trình đào tạo GDTC ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn thuộc mức bình thường.

Đánh giá về đội ngũ giáo viên có tỷ lệ trả lời ở mức rất tốt chiếm tỷ lệ 2.2%, tốt chiếm 8.9% và đạt yêu cầu chiếm 51.1%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 2.58 điểm, như vậy đánh giá về đội ngũ giáo viên làm công tác GDTC ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào thuộc mức yếu.

Đánh giá về đảm bảo cơ sở vật chất – trang thiết bị với tỷ lệ ở mức rất tốt chiếm 2.2%, mức tốt và đạt yêu cầu chiếm 31.8%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 2.51 điểm, như vậy đánh giá về đảm bảo cơ sở vật chất – trang thiết bị cho công tác GDTC ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào ở mức yếu.

Đánh giá về phương pháp giảng dạy môn GDTC của giáo viên với tỷ lệ ở mức rất tốt chiếm 2.2%, mức tốt 15.6% và đạt yêu cầu chiếm 42.2%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 2.56 điểm, như vậy đánh giá về phương pháp giảng dạy môn GDTC cho học sinh ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào ở mức yếu.

Đánh giá về đội ngũ học sinh có tỷ lệ ở mức rất tốt chiếm 11.1%, tốt chiếm 22.2% và bình thường chiếm 28.9%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 3.00 điểm, như vậy đánh giá về đội ngũ học sinh ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào thuộc mức bình thường.

Tóm lại: Đánh giá các yếu tố về quản lý chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào (bảng 3.15) chỉ có 3/6 yếu tố chiếm tỷ lệ 50% và thuộc mức trung bình, 3/6 yếu tố chiếm tỷ lệ 50% và thuộc mức yếu. Qua đó cho thấy cần phải có các giải pháp để tác động, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào.

3.2. Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào

3.2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc lựa chọn các giải pháp

Như đã phân tích, quản lý chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào. Song trước hết nó phải được tạo ra từ thực lực của mỗi tổ chức. Sáu yếu tố mà luận án sử dụng để đánh giá thực trạng quản lý chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào không chỉ được tính bằng các tiêu chí về cơ chế, chính sách của nhà nước, mục tiêu và chương trình đào tạo, đội ngũ giáo viên, CSVC – trang thiết bị, phương pháp giảng dạy, đội ngũ học sinh... một cách riêng biệt mà cần đánh giá tổng hợp. Trên cơ sở các so sánh đó, muốn nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào, đòi hỏi hoạt động quản trị phải có hiệu lực, hiệu quả và nguồn lực đầy đủ để có tác động đến các yếu tố ảnh hưởng. Thực tế cho thấy, không một trường THPT nào có khả năng thỏa mãn đầy đủ tất cả những yêu cầu đặt ra của mỗi yếu tố tác động. Vấn đề cơ bản là, hệ thống quản lý hành chính nhà nước cũng như bản thân mỗi trường THPT phải định vị được vị trí hiện tại và phát huy tốt điểm mạnh, hạn chế điểm yếu, tận dụng thời cơ để vượt qua thách thức nhằm nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào. Đồng thời trên cơ sở đó đề xuất và xây dựng các giải pháp phù hợp. Để giải quyết vấn đề này, luận án đã sử dụng phân tích SWOT để phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức trong nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào. Kết quả như trình bày ở bảng 3.16.

Bảng 3.16. Phân tích SWOT về các yếu tố nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn – Lào

TT	Nội dung
	1. Cơ chế, chính sách của nhà nước
Điểm mạnh	1. Chính phủ Lào đã phát triển các kế hoạch và chính sách cụ thể để thúc đẩy việc thúc đẩy hoạt động thể chất trong các trường học và xã hội.
	2. Lào đã hợp tác với các tổ chức quốc tế và các quốc gia khác để chia sẻ kinh nghiệm và tài trợ trong việc cải thiện chất lượng GDTC.
Điểm yếu	3. Thiếu chiến lược chi tiết và kế hoạch cụ thể: Có thể thiếu chiến lược chi tiết và kế hoạch cụ thể từ phía chính phủ Lào về việc nâng cao chất lượng GDTC ở các trường trung học. Điều này có thể dẫn đến sự thiếu rõ ràng về mục tiêu, định hướng và biện pháp cụ thể để cải thiện tình hình.
	4. Thiếu nguồn lực tài chính và hỗ trợ: Nhà nước Lào có thể gặp khó khăn trong đáp ứng đủ nguồn lực tài chính và hỗ trợ cho việc nâng cao chất lượng GDTC, do các nguồn lực có hạn và ưu tiên được đặt vào các lĩnh vực khác.
	5. Thiếu chính sách phát triển chuyên môn cho giáo viên: Có thể thiếu các chương trình đào tạo và phát triển chuyên môn cho giáo viên về GDTC, làm giảm khả năng của họ trong việc áp dụng các phương pháp giảng dạy hiệu quả và sáng tạo.
	6. Thiếu tiêu chuẩn và kiểm định chất lượng: Có thể thiếu tiêu chuẩn cụ thể và quy trình kiểm định chất lượng cho GDTC ở các trường trung học, làm giảm tính nhất quán và hiệu quả của các hoạt động giáo dục.
	7. Thiếu sự hợp nhất và liên kết giữa các bộ ngành: Sự thiếu hợp nhất và liên kết giữa các bộ ngành và tổ chức có thể làm giảm hiệu quả của các biện pháp nâng cao chất lượng GDTC, triển khai các chương trình đào tạo và hỗ trợ.
	8. Thiếu sự tham gia của cộng đồng: Sự thiếu sự tham gia và hỗ trợ từ phía cộng đồng có thể làm giảm sự hiệu quả của các biện pháp nâng cao chất lượng GDTC, khi không có sự hỗ trợ và ủng hộ từ các bên liên quan.
	9. Nhà nước đang tăng cường đầu tư tài chính vào GDTC
	10. Chính sách hỗ trợ phát triển GDTC ngày càng có hiệu lực, hiệu quả
Cơ hội	11. Chính phủ có thể hợp tác với các tổ chức quốc tế và các đối tác để nhận được hỗ trợ tài chính, kỹ thuật và chuyên môn nhằm cải thiện GDTC cho học sinh.
	12. Thách thức về thiết lập hệ thống đánh giá và theo dõi chất lượng GDTC.
Thách thức	13. Thách thức về ý thức và nhận thức, vì việc thay đổi nhận thức và hành vi có thể phức tạp và đòi hỏi thời gian và nỗ lực lâu dài.

TT	Nội dung
	14. Thách thức về địa lý và văn hóa: Địa hình đa dạng và dân cư phân tán, việc tiếp cận và triển khai các chương trình GDTC có thể gặp nhiều khó khăn.
	2. Mục tiêu và chương trình đào tạo
Điểm mạnh	15. Chính sách giáo dục của Lào đặt sự chú trọng vào việc cung cấp một chương trình giáo dục toàn diện cho học sinh, bao gồm cả GDTC.
	16. Chương trình thường được thiết kế để phản ánh các giá trị và yếu tố văn hóa của đất nước.
	17. Chương trình đào tạo thường khuyến khích sự tham gia tích cực từ phía học sinh.
Điểm yếu	18. Nội dung GDTC thiếu tích hợp với các môn học khác, điều này có thể làm giảm sự liên kết và ứng dụng của kiến thức và kỹ năng vận động.
	19. Hạn chế tài nguyên phục vụ giảng dạy, điều này có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện các hoạt động thể chất một cách hiệu quả và an toàn.
	20. Sách giáo khoa hạn chế: Có thể thiếu sự đa dạng và phong phú trong giáo trình giáo dục thể chất, làm giảm sự hấp dẫn và tính thú vị của các bài học. Cần có sự cập nhật và phát triển liên tục của giáo trình để đáp ứng nhu cầu và mong muốn của học sinh.
	21. Thiếu đánh giá và theo dõi: Việc đánh giá và theo dõi tiến triển của học sinh trong lĩnh vực GDTC thường không được thực hiện một cách đầy đủ và có hệ thống, điều này làm mất đi cơ hội để cải thiện chất lượng GDTC.
Cơ hội	22. Đầu tư vào đào tạo giáo viên: Cơ hội này bao gồm việc cải thiện chất lượng đào tạo giáo viên về GDTC, đồng thời cung cấp các chương trình đào tạo và phát triển nghề nghiệp liên quan.
	23. Kết hợp công nghệ: Sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong GDTC có thể tạo ra cơ hội mới cho việc phát triển các phương pháp giảng dạy và học tập sáng tạo và hấp dẫn hơn đối với học sinh.
	24. Hợp tác quốc tế: Cơ hội này bao gồm việc hợp tác với các tổ chức quốc tế và các quốc gia khác để chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức và tài nguyên, từ đó học hỏi và áp dụng các phương pháp và tiêu chuẩn tốt nhất trong GDTC.
Thách thức	25. Thiếu chuẩn mực và tiêu chí đo lường rõ ràng: Việc định rõ các mục tiêu và tiêu chí đo lường cho GDTC có thể gặp khó khăn do thiếu sự thống nhất trong chuẩn mực và tiêu chí đo lường, đặc biệt là trong ngữ cảnh của Lào.
	26. Phản ứng của cộng đồng và phụ huynh: Các mục tiêu trong GDTC có thể không được đánh giá cao bằng những mục tiêu khác như học thuật,

TT	Nội dung
	<p>dẫn đến sự phản đối hoặc thiếu sự hỗ trợ từ phía cộng đồng và phụ huynh.</p> <p>27. Thiếu đồng thuận và hợp nhất giữa các bên liên quan: Sự thiếu đồng thuận và hợp nhất giữa các bên liên quan, bao gồm cả giáo viên, trường học, chính phủ và cộng đồng, có thể gây khó khăn trong việc đề ra và thực hiện các mục tiêu trong GDTC.</p>
	3. Đội ngũ giáo viên
Điểm mạnh	28. Kiến thức chuyên môn: Lào đã đào tạo và phát triển đội ngũ giáo viên chuyên nghiệp trong lĩnh vực GDTC, giúp cải thiện chất lượng dạy và học.
	29. Kinh nghiệm thực tế: Nhiều giảng viên đã có kinh nghiệm làm việc trực tiếp với học sinh trong môi trường giáo dục, từ đó họ hiểu rõ về các nhu cầu và khả năng của học sinh cũng như cách tương tác và truyền đạt kiến thức một cách hiệu quả.
	30. Tính sáng tạo và linh hoạt: Đội ngũ giảng viên thường có tính sáng tạo và linh hoạt trong việc thiết kế và thực hiện các hoạt động GDTC. Họ có khả năng tạo ra những bài học thú vị và hấp dẫn để khuyến khích sự tham gia và tích cực của học sinh.
	31. Cam kết với nghề nghiệp: Nhiều giảng viên có cam kết cao với nghề nghiệp giảng dạy và giáo dục, và họ sẵn lòng đầu tư thời gian và nỗ lực để nâng cao trình độ chuyên môn và phát triển bản thân.
Điểm yếu	32. Thiếu đào tạo chuyên sâu: Một số giảng viên có thể thiếu đào tạo chuyên sâu về GDTC, đặc biệt là về các phương pháp giảng dạy hiện đại, quản lý lớp học và đánh giá học sinh.
	33. Thiếu kiến thức cập nhật: Do sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ trong lĩnh vực GDTC, một số giảng viên có thể thiếu kiến thức cập nhật về các phương pháp và kỹ thuật mới nhất.
	34. Thiếu kỹ năng giao tiếp và quản lý lớp học: Đối với một số giảng viên, kỹ năng giao tiếp hiệu quả và khả năng quản lý lớp học có thể không được phát triển đầy đủ, làm giảm sự hiệu quả của quá trình giảng dạy và hướng dẫn.
	35. Hạn chế về tiếng Anh và các ngôn ngữ khác: Một số giảng viên có thể gặp khó khăn trong việc sử dụng tiếng Anh hoặc các ngôn ngữ khác trong giảng dạy và hướng dẫn, đặc biệt khi cần tiếp cận các tài liệu và nguồn thông tin quốc tế.
	36. Thiếu kinh nghiệm thực tiễn: Đối với các giảng viên mới, thiếu kinh nghiệm thực tiễn có thể làm giảm khả năng của họ trong việc áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế giảng dạy và hướng dẫn.

TT	Nội dung
	37. Thiếu năng lực quản lý và tự quản lý: Một số giảng viên có thể thiếu năng lực trong việc quản lý thời gian, tài nguyên và tự quản lý, làm giảm hiệu suất và hiệu quả của công việc giảng dạy.
Cơ hội	38. Chương trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: Tổ chức các chương trình đào tạo và huấn luyện chuyên sâu về GDTC, bao gồm cả các khóa học ngắn hạn và chương trình đào tạo đại học hoặc sau đại học, giúp giảng viên cập nhật kiến thức và kỹ năng mới nhất
	39. Hợp tác với các tổ chức quốc tế ngày càng phát triển: Hợp tác với các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ để tổ chức các chương trình đào tạo, hội thảo và workshop, từ đó giúp giảng viên tiếp cận các phương pháp giảng dạy và nghiên cứu mới nhất
	40. Có sự hỗ trợ tích cực từ các trường đại học và viện nghiên cứu: Cung cấp hỗ trợ cho giảng viên để tham gia vào các khóa học sau đại học, nghiên cứu khoa học và thực hiện dự án nghiên cứu, từ đó giúp họ nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn
	41. Môi trường học tập và chia sẻ kinh nghiệm ngày càng đa dạng, phong phú: Tổ chức các buổi hội thảo, nhóm thảo luận và các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm giữa các giảng viên, giúp họ học hỏi và trao đổi kinh nghiệm với nhau
	42. Các nguồn tài liệu và công cụ hỗ trợ ngày càng phát triển: Phát triển và cung cấp các nguồn tài liệu, sách giáo trình và công cụ hỗ trợ giảng dạy, giúp giảng viên tiếp cận và áp dụng kiến thức một cách dễ dàng và hiệu quả
	43. Nhiều chương trình hỗ trợ tài chính và học bổng: Cung cấp hỗ trợ tài chính và cơ hội học bổng cho giảng viên để tham gia vào các chương trình đào tạo và nghiên cứu, giúp họ vượt qua các rào cản về tài chính và tiếp cận cơ hội học tập
Thách thức	44. Thiếu đầu tư và nguồn lực: Giáo viên có thể gặp khó khăn trong việc tiếp cận các tài nguyên và trang thiết bị cần thiết để thực hiện các hoạt động GDTC, do sự thiếu hụt nguồn lực từ phía nhà trường và chính phủ.
	45. Thiếu đào tạo và phát triển chuyên môn: Một số giáo viên có thể thiếu đào tạo và phát triển chuyên môn đầy đủ trong lĩnh vực GDTC, làm giảm khả năng của họ trong việc áp dụng các phương pháp giảng dạy hiệu quả và sáng tạo.
	46. Thiếu sự hỗ trợ và động viên: Thiếu sự hỗ trợ và động viên từ phía nhà trường và cộng đồng có thể làm giảm động lực và hiệu quả của các giảng viên trong việc nâng cao trình độ và năng lực.

TT	Nội dung
	47. Thiếu kỹ năng giao tiếp và quản lý lớp học: Đối với một số giáo viên, kỹ năng giao tiếp hiệu quả và khả năng quản lý lớp học có thể không được phát triển đầy đủ, làm giảm sự hiệu quả của quá trình giảng dạy và hướng dẫn.
	4. Cơ sở vật chất – trang thiết bị
Điểm mạnh	48. Chính phủ Lào đã đầu tư vào việc xây dựng và cải thiện cơ sở vật chất cho GDTC, bao gồm các cơ sở TDTT và sân chơi cho học sinh.
	49. Cơ sở vật chất cơ bản: Một số trường học ở Lào có cơ sở vật chất cơ bản để thực hiện các hoạt động GDTC, bao gồm sân vận động, sân chơi và phòng tập thể dục.
	50. Trang thiết bị cơ bản: Một số trường học có trang bị các thiết bị cơ bản như dụng cụ thể dục và thiết bị đo lường cần thiết cho việc thực hiện các hoạt động GDTC.
	51. Hợp tác với các trường đại học và viện nghiên cứu: Sự hợp tác với các trường đại học và viện nghiên cứu có thể giúp cung cấp trang thiết bị và thiết bị hiện đại hơn, cũng như hỗ trợ trong việc áp dụng công nghệ mới vào GDTC.
Điểm yếu	52. Thiếu hụt trang thiết bị: Nhiều trường học ở Lào thiếu hụt trang thiết bị thể thao cần thiết cho việc thực hiện các hoạt động GDTC. Điều này có thể bao gồm sự thiếu hụt các dụng cụ thể dục, bóng, võng, hoặc các thiết bị đo lường như thước đo chiều cao và cân nặng.
	53. Hạn chế về cơ sở hạ tầng: Một số trường học ở Lào có cơ sở hạ tầng không đủ để thực hiện các hoạt động thể thao, bao gồm sân vận động kém chất lượng, sân chơi hẹp hoặc không đảm bảo an toàn, và thiếu phòng tập thể dục.
	54. Thiếu hỗ trợ tài chính: Sự thiếu hỗ trợ tài chính từ phía chính phủ hoặc các tổ chức khác có thể gây ra sự thiếu hụt trang thiết bị và cơ sở hạ tầng thể thao, khiến cho việc thực hiện các hoạt động GDTC trở nên khó khăn.
	55. Không đủ không gian và thiết kế không phù hợp: Thiếu không gian và thiết kế không phù hợp có thể gây ra sự cản trở cho việc thực hiện các hoạt động thể thao. Ví dụ, không có đủ không gian để chạy hoặc thực hiện các hoạt động nhóm, hoặc thiết kế không an toàn và không thuận tiện cho việc tập thể dục.
	56. Khó khăn trong việc bảo dưỡng và quản lý: Thiếu kế hoạch bảo dưỡng định kỳ và kế hoạch quản lý có thể dẫn đến việc trang thiết bị và cơ sở hạ tầng thể thao trở nên xuống cấp và không đảm bảo an toàn sử dụng.

TT	Nội dung
Cơ hội	57. Hỗ trợ từ chính phủ và tổ chức quốc tế: Chính phủ Lào có thể cung cấp nguồn tài trợ và hỗ trợ để cải thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị thể thao tại các trường trung học. Các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ cũng có thể đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp tài trợ và hỗ trợ.
	58. Hợp tác với các đối tác và doanh nghiệp: Các trường trung học có thể hợp tác với các đối tác và doanh nghiệp trong cộng đồng để tìm kiếm nguồn tài trợ và trang thiết bị thể thao. Các doanh nghiệp có thể đóng góp hoặc tài trợ cho việc cải thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị tại các trường học.
	59. Xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn: Các trường trung học có thể xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn cho cơ sở vật chất và trang thiết bị thể thao, bao gồm việc thiết kế và xây dựng cơ sở hạ tầng mới, mua sắm trang thiết bị mới, và cải thiện cơ sở hiện có.
	60. Tạo ra các chiến lược quản lý hiệu quả: Tạo ra các chiến lược quản lý hiệu quả cho việc bảo dưỡng và sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị thể thao. Điều này bao gồm việc phân bổ nguồn lực một cách thông minh, xây dựng kế hoạch bảo dưỡng định kỳ, và đào tạo nhân viên về cách quản lý cơ sở và trang thiết bị.
	61. Kết nối với cộng đồng: Tạo ra các chiến lược để kết nối với cộng đồng và tạo ra sự hỗ trợ từ phía cộng đồng. Các hoạt động gây quỹ, sự đóng góp từ phía cộng đồng và các hoạt động tình nguyện có thể giúp tăng cường nguồn lực cho việc nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị.
Thách thức	62. Thiếu nguồn lực tài chính: Một trong những thách thức lớn nhất là thiếu hụt nguồn lực tài chính để thực hiện việc nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị mới. Sự hạn chế về nguồn lực có thể làm chậm tiến độ hoặc ngăn chặn việc cải thiện điều kiện học tập và vận động cho học sinh.
	63. Vấn đề hạ tầng và không gian: Một số trường học ở Lào có hạ tầng không đủ hoặc không đảm bảo an toàn để cải thiện hoặc mở rộng cơ sở vật chất thể thao. Sự hạn chế về không gian cũng có thể là một thách thức, khiến cho việc xây dựng hoặc mở rộng cơ sở vật chất trở nên khó khăn.
	64. Quản lý và bảo dưỡng: Một khi cơ sở vật chất và trang thiết bị đã được nâng cấp, việc quản lý và bảo dưỡng là một thách thức khác. Thiếu kế hoạch bảo dưỡng định kỳ có thể dẫn đến việc trang thiết bị xuống cấp nhanh chóng và làm mất đi giá trị của việc nâng cấp.

TT	Nội dung
	<p>65. Đào tạo và hỗ trợ: Các giáo viên và nhân viên cần được đào tạo và hỗ trợ về việc sử dụng và quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị mới. Thiếu sự chuẩn bị và hỗ trợ có thể làm giảm hiệu quả của việc nâng cấp.</p> <p>66. Chính sách và quy định: Một số thách thức có thể liên quan đến chính sách và quy định, bao gồm thủ tục thực hiện, phê duyệt và thẩm định dự án, cũng như việc tuân thủ các quy định về an toàn và môi trường.</p> <p>67. Thách thức văn hóa và xã hội: Thách thức về văn hóa và xã hội có thể bao gồm sự không nhận thức về giá trị của việc nâng cao cơ sở vật chất và trang thiết bị thể thao, cũng như sự ưu tiên cho các vấn đề khác trong xã hội.</p>
	5. Phương pháp giảng dạy
Điểm mạnh	<p>68. Sự linh hoạt trong lựa chọn phương pháp giảng dạy: Giáo viên có khả năng linh hoạt trong việc lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của từng nhóm học sinh. Sự linh hoạt này giúp tối ưu hóa việc học tập và thúc đẩy sự phát triển thể chất của học sinh.</p> <p>69. Sự sáng tạo và đổi mới: Giáo viên thường sử dụng sự sáng tạo và đổi mới trong việc thiết kế các hoạt động giảng dạy thể chất. Việc kết hợp các trò chơi, bài tập thể dục, thể dục dụng cụ và các hoạt động nhóm có thể tạo ra một môi trường học tập đa dạng và thú vị.</p> <p>70. Sự tương tác và hỗ trợ cá nhân: Giáo viên thường tạo điều kiện cho sự tương tác và hỗ trợ cá nhân giữa họ và học sinh trong quá trình giảng dạy. Sự tương tác này giúp giáo viên hiểu rõ nhu cầu và khả năng của từng học sinh, từ đó tạo điều kiện cho sự phát triển cá nhân tốt nhất.</p> <p>71. Sự đào tạo và kiến thức chuyên môn: Giáo viên thường được đào tạo và có kiến thức chuyên môn vững về GDTC, giúp họ áp dụng các phương pháp giảng dạy hiệu quả và khoa học. Sự am hiểu về cơ học cơ thể, quy trình tập luyện và phát triển thể chất giúp giáo viên thiết kế các hoạt động giảng dạy mang lại hiệu quả cao.</p> <p>72. Sự đồng thuận và hợp tác với học sinh: Giáo viên thường tạo điều kiện cho sự đồng thuận và hợp tác với học sinh trong quá trình giảng dạy, khuyến khích họ tham gia tích cực vào các hoạt động thể chất. Sự đồng thuận này giúp tạo ra một môi trường học tập tích cực và động viên cho sự phát triển thể chất của học sinh.</p>
Điểm yếu	<p>73. Thiếu đào tạo chuyên môn: Một số giáo viên có thể thiếu đào tạo chuyên môn về GDTC, do đó họ có thể gặp khó khăn trong việc áp dụng các phương pháp giảng dạy hiệu quả và khoa học.</p>

TT	Nội dung
	74. Giáo viên chưa được cập nhật kiến thức: Các phương pháp giảng dạy trong lĩnh vực GDTC có thể phát triển và thay đổi liên tục. Do đó, giáo viên cần phải liên tục cập nhật kiến thức và kỹ năng mới để áp dụng vào việc giảng dạy, nhưng một số giáo viên có thể thiếu sự cập nhật này.
	75. Thiếu sự sáng tạo và đổi mới: Một số giáo viên có thể rơi vào mẫu mực giảng dạy truyền thống và không đổi mới, dẫn đến việc sử dụng các phương pháp giảng dạy truyền thống và không thu hút sự quan tâm của học sinh.
	76. Thiếu tài nguyên và trang thiết bị: Thiếu hụt tài nguyên và trang thiết bị thể chất có thể làm giảm khả năng của giáo viên trong việc thực hiện các hoạt động giảng dạy thể chất. Việc thiếu hụt này có thể hạn chế khả năng tạo ra các hoạt động thú vị và hiệu quả.
	77. Thiếu thời gian và áp lực công việc: Áp lực từ công việc và yêu cầu giảng dạy khác cũng có thể làm giảm thời gian và năng lượng của giáo viên để tập trung vào việc phát triển các phương pháp giảng dạy thể chất sáng tạo và hiệu quả.
	78. Thiếu sự hỗ trợ và động viên: Thiếu sự hỗ trợ và động viên từ các cấp quản lý và đồng nghiệp cũng có thể làm giảm động lực và khả năng của giáo viên trong việc nâng cao chất lượng GDTC.
Cơ hội	79. Khóa đào tạo và hội thảo: Các khóa đào tạo và hội thảo chuyên ngành về GDTC thường được tổ chức định kỳ. Giáo viên có thể tham gia các khóa đào tạo này để cập nhật kiến thức mới, học hỏi từ những người có kinh nghiệm, và áp dụng những phương pháp giảng dạy mới.
	80. Hợp tác với tổ chức giáo dục và thể chất: Giáo viên có thể hợp tác với các tổ chức giáo dục và thể chất, cả trong và ngoài nước, để tham gia vào các chương trình đào tạo, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm, và nhận được sự hỗ trợ từ các chuyên gia trong lĩnh vực này.
	81. Tài liệu và nguồn thông tin: Các tài liệu học tập, sách báo, bài báo và tài nguyên trực tuyến có thể là nguồn thông tin quan trọng để giáo viên tự học và tự nghiên cứu các phương pháp giảng dạy mới trong GDTC.
	82. Học hỏi từ đồng nghiệp: Việc chia sẻ kinh nghiệm và học hỏi từ đồng nghiệp cũng là một cơ hội quan trọng để giáo viên nâng cao kiến thức và kỹ năng của mình. Thường xuyên tổ chức các buổi họp nhóm hoặc thảo luận để chia sẻ ý kiến và kinh nghiệm có thể giúp giáo viên học hỏi lẫn nhau.

TT	Nội dung
	<p>83. Phát triển chuyên môn liên tục: Việc thúc đẩy phát triển chuyên môn liên tục là quan trọng đối với giáo viên. Các cơ hội được cung cấp thông qua các chương trình phát triển chuyên môn của trường hoặc các tổ chức giáo dục có thể giúp giáo viên tiếp tục học hỏi và phát triển trong sự nghiệp giảng dạy của họ.</p> <p>84. Phản hồi từ học sinh và phụ huynh: Phản hồi từ học sinh và phụ huynh cũng có thể là một nguồn thông tin quý giá để giáo viên cải thiện phương pháp giảng dạy của mình. Việc lắng nghe ý kiến và phản hồi từ các bên liên quan có thể giúp giáo viên điều chỉnh và cải thiện phương pháp giảng dạy của mình theo hướng tích cực.</p>
Thách thức	<p>85. Thiếu nguồn lực tài chính: Đào tạo có thể đòi hỏi các nguồn lực tài chính đáng kể để tổ chức các khóa học, hội thảo, và chương trình đào tạo. Tuy nhiên, thiếu hụt nguồn lực tài chính có thể là một thách thức lớn đối với việc triển khai các hoạt động đào tạo hiệu quả.</p> <p>86. Thiếu nguồn lực nhân sự: Việc có đủ giáo viên có đủ kiến thức và kỹ năng để đào tạo về GDTC cũng là một thách thức. Trong một số trường hợp, việc tìm kiếm và giữ chân các chuyên gia trong lĩnh vực này có thể gặp khó khăn.</p> <p>87. Thách thức về hạ tầng: Đặc biệt ở những khu vực xa xôi và vùng nông thôn, việc đào tạo có thể gặp thách thức do hạ tầng kém phát triển và khó khăn trong việc tiếp cận các cơ sở đào tạo.</p> <p>88. Cảm nhận về giá trị của GDTC: Mặc dù GDTC đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển toàn diện của học sinh, nhưng nó có thể không nhận được sự ưu tiên cao trong một số hệ thống giáo dục. Điều này có thể dẫn đến sự thiếu quan tâm và hỗ trợ cho việc đào tạo trong lĩnh vực này.</p> <p>89. Vấn đề ngôn ngữ và văn hóa: Trong một số trường hợp, ngôn ngữ và văn hóa có thể làm khó khăn cho việc truyền đạt thông tin và kiến thức trong quá trình đào tạo. Cần phải có các biện pháp để vượt qua rào cản ngôn ngữ và văn hóa này.</p> <p>90. Thách thức về động viên và quản lý: Việc duy trì sự động viên và quản lý hiệu quả trong quá trình đào tạo cũng là một thách thức. Đặc biệt là khi giáo viên cảm thấy mệt mỏi hoặc không nhận được sự hỗ trợ đầy đủ từ các cấp quản lý.</p>
Điểm mạnh	<p>6. Đội ngũ học sinh</p> <p>91. Chăm chỉ và chịu khó: Học sinh Lào thường có phẩm chất chăm chỉ và chịu khó trong việc thực hiện các hoạt động thể chất. Họ thường có thái độ tích cực và cam kết đối với việc rèn luyện thể chất.</p>

TT	Nội dung
	<p>92. Tôn trọng và vâng lời: Học sinh Lào thường có văn hóa tôn trọng và tuân thủ quy định, thể hiện trong việc tôn trọng giáo viên và tuân theo quy tắc của trường học.</p> <p>93. Tích cực và hợp tác: Họ thường có tinh thần tích cực và sẵn lòng hợp tác trong các hoạt động thể chất, thể hiện sự đồng thuận và sự chịu khó.</p> <p>94. Tính linh hoạt và sáng tạo: Một số học sinh có khả năng linh hoạt và sáng tạo trong việc thực hiện các hoạt động thể chất, thể hiện qua việc tạo ra các phong cách tập luyện riêng và thú vị.</p>
Điểm yếu	<p>95. Thiếu kiến thức và nhận thức về lợi ích của GDTC: Một số học sinh có thể thiếu hiểu biết về tầm quan trọng của việc duy trì sức khỏe và rèn luyện thể chất đối với sự phát triển toàn diện. Thiếu kiến thức này có thể dẫn đến sự thiếu hứng thú và cam kết trong việc tham gia vào các hoạt động thể chất.</p> <p>96. Thiếu động lực và quan tâm: Một số học sinh có thể thiếu động lực hoặc quan tâm đối với việc tham gia vào các hoạt động thể chất, đặc biệt là khi họ đối mặt với các áp lực học tập và xã hội khác.</p> <p>97. Thiếu thời gian và ưu tiên: Áp lực từ công việc học tập và các hoạt động khác có thể làm cho việc dành thời gian cho GDTC trở nên khó khăn. Học sinh có thể không đặt sự ưu tiên cao cho việc rèn luyện thể chất trong lịch trình hàng ngày của họ.</p> <p>98. Thiếu kỹ năng và sự tự tin: Một số học sinh có thể thiếu kỹ năng cần thiết hoặc không tự tin khi tham gia vào các hoạt động thể chất, đặc biệt là khi họ cảm thấy không thoải mái về khả năng thể chất của mình.</p> <p>99. Thiếu sự hỗ trợ và cơ hội: Thiếu sự hỗ trợ từ gia đình, giáo viên và nhà trường cũng có thể làm giảm khả năng của học sinh trong việc tham gia vào các hoạt động thể chất. Đồng thời, thiếu cơ hội để tham gia vào các hoạt động thể chất cũng là một rào cản đối với việc nâng cao chất lượng GDTC.</p>
Cơ hội	<p>100. Chương trình giáo dục đa dạng: Tạo ra các chương trình GDTC đa dạng và phong phú để phù hợp với sở thích và nhu cầu của từng học sinh. Cung cấp các lựa chọn hoạt động thể chất từ thể dục học tập, thể dục ngoài trời, yoga, đến các môn thể thao như bóng đá, cầu lông, bóng rổ, vv.</p> <p>101. Tăng cường đào tạo cho giáo viên: Cung cấp các khóa đào tạo và hội thảo cho giáo viên về các phương pháp giảng dạy thể chất mới và hiệu quả, cũng như về cách tạo ra một môi trường học tập thú vị và an toàn cho học sinh.</p>

TT	Nội dung
	102. Hợp tác với cộng đồng và tổ chức phi chính phủ: Tận dụng sự hỗ trợ từ các tổ chức phi chính phủ, các CLB thể thao địa phương và cộng đồng để cung cấp các khóa học, hoạt động và trang thiết bị thể chất cho học sinh.
	103. Tạo điều kiện hỗ trợ cho học sinh: Xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị thể chất tốt, bao gồm sân thể thao, phòng tập gym, thiết bị thể dục và thể thao chất lượng cao để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh tham gia các hoạt động thể chất.
	104. Tạo các chương trình thể thao và sân chơi cạnh tranh: Tổ chức các giải đấu thể thao và sân chơi cạnh tranh giữa các trường để khuyến khích học sinh tham gia vào các hoạt động thể chất và phát triển kỹ năng thể thao.
	105. Tạo môi trường học tập tích cực và động viên: Xây dựng một môi trường học tập tích cực và động viên để khuyến khích học sinh tham gia vào các hoạt động thể chất và phát triển sự tự tin và tinh thần đồng đội.
Thách thức	106. Áp lực học tập: Áp lực từ các môn học và kỳ thi có thể làm giảm thời gian và sự tập trung của học sinh cho các hoạt động thể chất. Học sinh có thể cảm thấy áp lực phải dành nhiều thời gian cho việc học hành và do đó không tìm thấy đủ thời gian cho việc tập luyện.
	107. Thiếu động lực: Một số học sinh có thể thiếu động lực để tham gia vào các hoạt động thể chất, đặc biệt là nếu họ không thấy được giá trị hoặc lợi ích cụ thể từ việc rèn luyện thể chất.
	108. Thời tiết và môi trường: Thời tiết khắc nghiệt và điều kiện môi trường không thuận lợi có thể làm giảm sự động viên của học sinh để tham gia vào các hoạt động thể chất, đặc biệt là nếu không có cơ sở vật chất và trang thiết bị thể chất phù hợp.
	109. Thiếu kiến thức và kỹ năng: Một số học sinh có thể thiếu kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các hoạt động thể chất một cách hiệu quả và an toàn. Điều này có thể dẫn đến sự thiếu tự tin và sự ngần ngại khi tham gia vào các hoạt động.
	110. Áp lực xã hội và tự hình dung: Áp lực từ bạn bè, gia đình và xã hội có thể làm cho một số học sinh cảm thấy tự ti về ngoại hình và khả năng thể chất của mình, dẫn đến sự ngại ngùng và không muốn tham gia vào các hoạt động thể chất.
	111. Thiếu cơ hội và hỗ trợ: Một số học sinh có thể thiếu cơ hội và hỗ trợ từ gia đình, giáo viên và nhà trường để tham gia vào các hoạt động thể chất. Điều này có thể làm giảm khả năng của họ trong việc thực hiện và duy trì một lối sống hoạt động và lành mạnh.

Từ kết quả của bảng 3.15, luận án đã phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố bên trong (IFE: điểm mạnh, điểm yếu) và bên ngoài (EFE: cơ hội, thách thức) thông qua ma trận IE. Kết quả cụ thể được trình bày trong phụ lục 3. Phụ lục 3 là kết quả sử dụng phân tích SWOT thu được, luận án đã xác định tầm quan trọng, trọng số của các nhân tố theo 6 yếu tố tác động đến nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào.

Từ những kết quả đánh giá thông qua công cụ phân tích chiến lược hữu ích này, giúp luận án nói riêng và các nhà quản lý đánh giá môi trường nội bộ và môi trường bên ngoài của các trường THPT Viêng Chăn - Lào, từ đó xác định chiến lược và các giải pháp phù hợp.

Các vấn đề này được đem phỏng vấn 31 cán bộ quản lý, chuyên gia, giáo viên để lấy ý kiến đánh giá. Kết quả được trình bày ở bảng 3.17 và biểu đồ 3.11.

Bảng 3.17 Kết quả đánh giá điểm mạnh, điểm yếu trong nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn – Lào

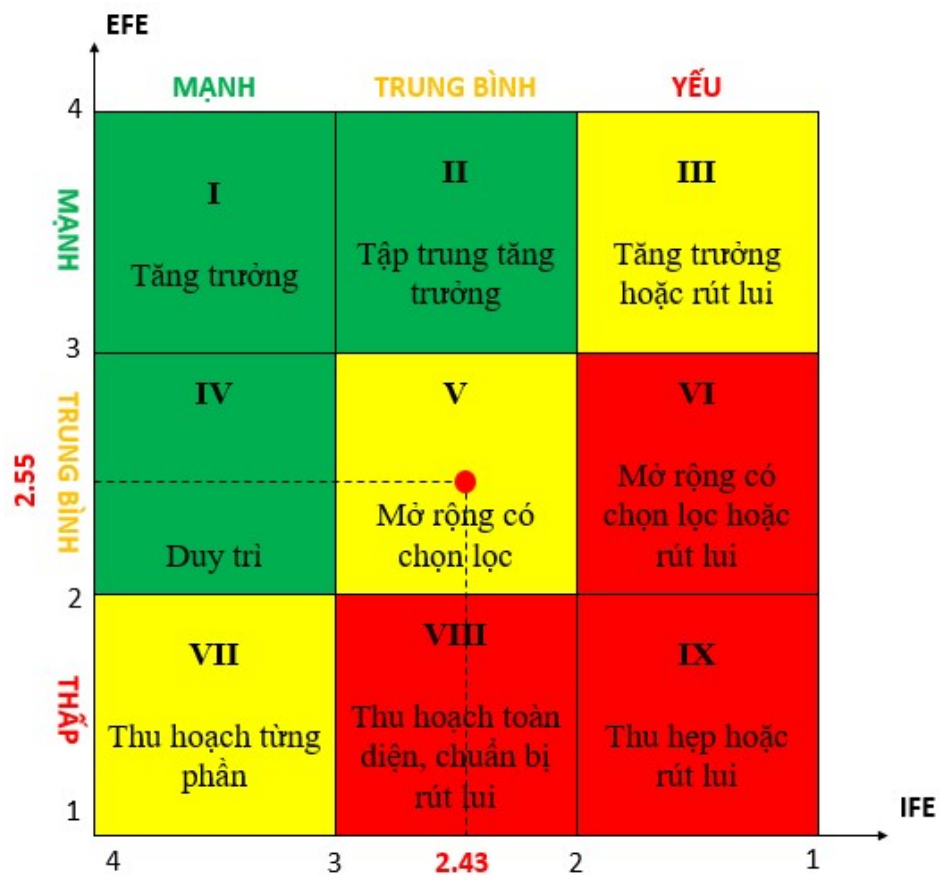
TT	Yếu tố tác động	IFE		EFE	
		Điểm mạnh	Điểm yếu	Cơ hội	Thách thức
1	Cơ chế, chính sách của nhà nước	0.35	0.52	0.525	0.275
2	Mục tiêu và chương trình đào tạo	0.135	0.185	0.15	0.2
3	Đội ngũ giáo viên	0.215	0.3	0.23	0.3
4	Cơ sở vật chất – trang thiết bị	0.17	0.2	0.18	0.31
5	Phương pháp giảng dạy	0.09	0.13	0.125	0.14
6	Đội ngũ học sinh	0.07	0.065	0.0575	0.0575
	Tổng	1.03	1.4	1.27	1.28
		2.43		2.55	

Kết quả thu được ở bảng 3.17 cho thấy:

Yếu tố nội bộ có ảnh hưởng đến nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào chỉ đạt mức trung bình, với 2.43 điểm; trong đó điểm yếu (1.4 điểm) lớn hơn điểm mạnh (1.03 điểm).

Yếu tố bên ngoài có tác động đến nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào cũng đạt mức trung bình, với 2.55 điểm; trong đó cơ hội (1.27 điểm) tương đồng với thách thức (1.28 điểm).

Để làm rõ mối quan hệ giữa giữa các yếu tố bên trong và bên ngoài từ điểm ma trận IFE = 2.43 điểm trên trục X và yếu tố bên ngoài từ ma trận EFE = 2.55 điểm trên trục Y thông qua ma trận IE. Đây là cơ sở để lựa chọn và xây dựng được các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào. Kết quả như trình bày trên biểu đồ 3.11.



Biểu đồ 3.11. Mối quan hệ giữa yếu tố bên trong và bên ngoài trong nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn – Lào

Từ kết quả ở biểu đồ 3.11 cho thấy: Tổng điểm IFE của trong nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào là 2.43 nằm trong cột trung bình (2.0 đến 2.99). Tổng điểm EFE có trọng số là 2.55 nằm ở

hàng trung bình (2.0 đến 2.99). Trên biểu đồ có thể quan sát thấy vấn đề phân tích nằm trong ô thứ V nơi trọng số của EFE và IFE được so sánh với ô trong ma trận IE. Vậy tất cả các số đều ở mức trung bình (không quá thấp cũng không quá cao). Từ đó có thể thấy việc nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào cần phải đi đúng hướng và phát triển để giữ vị trí hiện tại (Giữ và duy trì/Mở rộng có chọn lọc).

Trên cơ sở tuân thủ các căn cứ lý luận và thực tiễn, chúng tôi tiến hành lựa chọn giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào. Đồng thời khi lựa chọn giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT tại thủ đô Viêng Chăn, Lào, cần tuân thủ các nguyên tắc sau để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả:

(1) Nguyên tắc phù hợp với thực tiễn địa phương.

Thích nghi với điều kiện địa lý và khí hậu: Giải pháp được chọn cần phù hợp với điều kiện tự nhiên của Viêng Chăn, nơi khí hậu nhiệt đới gió mùa có thể ảnh hưởng đến hoạt động thể thao ngoài trời. Cần lựa chọn các hoạt động thể thao phù hợp, có thể tổ chức trong nhà khi cần.

Phù hợp với nguồn lực cơ sở: Các giải pháp phải dựa trên điều kiện cơ sở vật chất hiện có của các trường, tình hình kinh tế và xã hội tại địa phương, đảm bảo khả thi và không đòi hỏi nguồn đầu tư quá lớn ngay từ ban đầu.

(2) Nguyên tắc phù hợp với độ tuổi và phát triển thể chất của học sinh.

Phát triển theo lứa tuổi: Các hoạt động thể chất phải được thiết kế dựa trên khả năng phát triển thể chất, tâm lý và năng lực vận động của học sinh trung học phổ thông. Cần phân loại hoạt động theo từng nhóm tuổi để đảm bảo hiệu quả tối ưu.

Đảm bảo an toàn sức khỏe: Mọi giải pháp phải ưu tiên tính an toàn cho học sinh. Các bài tập phải phù hợp với khả năng và tình trạng sức khỏe của từng học sinh, tránh những hoạt động quá sức gây nguy hiểm.

(3) Nguyên tắc tính toàn diện và phát triển bền vững.

Phát triển toàn diện: Giải pháp cần hướng tới việc phát triển cả thể chất lẫn tinh thần cho học sinh, không chỉ đơn thuần là nâng cao thể lực mà còn giúp phát triển kỹ năng xã hội, khả năng tư duy và ý thức cộng đồng.

Phát triển lâu dài: Các giải pháp cần có tính bền vững, có thể duy trì và phát triển qua nhiều năm học. Điều này bao gồm cả việc đào tạo giáo viên, nâng cấp cơ sở vật chất, và xây dựng văn hóa thể thao trong cộng đồng học sinh.

(4) Nguyên tắc khuyến khích sự tham gia tích cực của học sinh.

Tạo hứng thú và động lực cho học sinh: Các hoạt động GDTC phải đủ phong phú và sáng tạo để thu hút học sinh tham gia tích cực, vượt qua tình trạng coi thể dục là môn phụ. Cần tạo ra môi trường học tập thoải mái, khuyến khích học sinh phát huy tối đa năng lực cá nhân.

Tạo điều kiện cho học sinh tự lựa chọn: Khuyến khích học sinh tham gia lựa chọn môn thể thao mình yêu thích, điều này giúp tăng tính chủ động và nhiệt tình trong việc tham gia các hoạt động thể chất.

(5) Nguyên tắc tính khả thi và hiệu quả kinh tế.

Tính khả thi cao: Các giải pháp cần được thiết kế sao cho có thể áp dụng dễ dàng trong thực tế, phù hợp với điều kiện tài chính và nguồn lực nhân sự hiện có. Điều này bao gồm cả việc xây dựng các chương trình tập huấn cho giáo viên thể chất và huy động các nguồn lực xã hội để hỗ trợ.

Hiệu quả kinh tế: Cần tối ưu hóa chi phí thực hiện, đặc biệt đối với các giải pháp về cơ sở vật chất và trang thiết bị. Các trường có thể tận dụng các tài nguyên sẵn có hoặc hợp tác với cộng đồng để giảm chi phí.

(6) Nguyên tắc hợp tác và tham gia của cộng đồng: Các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC phải có sự đồng hành của phụ huynh, cộng đồng và các tổ chức xã hội. Sự phối hợp này giúp tăng cường nhận thức và hỗ trợ cho việc phát triển thể chất của học sinh cả trong và ngoài nhà trường.

Kết nối với các hoạt động thể thao cộng đồng: Khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động thể thao cộng đồng như câu lạc bộ thể thao, giải đấu địa phương để duy trì thói quen vận động và gắn kết cộng đồng.

(7) Nguyên tắc đánh giá và cải tiến liên tục.

Đánh giá hiệu quả thường xuyên: Cần thiết lập các cơ chế đánh giá định kỳ về hiệu quả của các giải pháp GDTC đã áp dụng, bao gồm đánh giá sức khỏe học sinh, khả năng tham gia và mức độ hứng thú. Điều này giúp điều chỉnh, cải tiến giải pháp một cách linh hoạt.

Cập nhật và cải tiến: Giải pháp phải linh hoạt và được điều chỉnh dựa trên phản hồi từ học sinh, giáo viên và phụ huynh. Việc cập nhật thường xuyên giúp giải pháp không chỉ duy trì tính hiệu quả mà còn phản ánh đúng nhu cầu và sự thay đổi trong thực tiễn.

Từ cơ sở thực tiễn và tuân thủ các nguyên tắc lựa chọn, luận án bước đầu đã xác định được 6 giải pháp sau:

- (1) Tuyên truyền và nâng cao nhận thức về nâng cao chất lượng GDTC.
- (2) Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để nâng cao chất lượng GDTC.
- (3) Đổi mới phương pháp quản lý của Ban giám hiệu trường THPT trong nâng cao chất lượng GDTC.
- (4) Nâng cao năng lực của cán bộ quản lý và giáo viên GDTC.
- (5) Phát triển chương trình GDTC toàn diện và hoạt động thể thao ngoại khóa đa dạng.
- (6) Tăng cường đầu tư và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và trang thiết bị TĐTT.

Nội dung và khảo nghiệm các giải pháp được trình bày cụ thể trong mục 3.2.2 và 3.2.3.

3.2.2. Xây dựng nội dung các giải pháp

3.2.2.1. Giải pháp 1: Tuyên truyền và nâng cao nhận thức về nâng cao chất lượng GDTC.

- Mục đích:

Nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo, giáo viên và học sinh là để giúp họ hiểu rõ hơn về bản thân và nhà trường mình đang điều hành, cũng như về môi trường xung quanh. Bằng cách này, họ có thể đưa ra các quyết định thông

minh hơn, tạo ra những chiến lược hiệu quả và tạo điều kiện tốt hơn cho sự phát triển của tổ chức và các thành viên trong tổ chức. Nâng cao nhận thức cũng giúp họ hiểu rõ hơn về tác động của hành vi và quyết định của mình đến môi trường làm việc và cộng đồng xã hội, từ đó thúc đẩy việc thực hiện trách nhiệm xã hội và bảo vệ lợi ích cộng đồng.

- Nội dung:

(1) Hiểu biết về ý thức và giá trị của GDTC: Cán bộ lãnh đạo cần nhận ra tầm quan trọng của việc tạo điều kiện cho học sinh hoạt động thể chất và sự ảnh hưởng tích cực của nó đối với sức khỏe và phát triển toàn diện của học sinh.

(2) Nắm vững các nguyên tắc và tiêu chuẩn GDTC: Cán bộ lãnh đạo cần hiểu rõ các nguyên tắc cơ bản và tiêu chuẩn chất lượng trong GDTC, bao gồm cả chương trình học, phương pháp dạy học, và cơ sở vật chất.

(3) Phát triển chương trình GDTC: Họ cần tham gia vào quá trình phát triển chương trình GDTC, đảm bảo rằng nó phản ánh nhu cầu và quy định của cộng đồng, phù hợp với độ tuổi và trình độ phát triển của học sinh.

(4) Tạo điều kiện hỗ trợ và thúc đẩy: Cán bộ lãnh đạo cần đảm bảo rằng có đủ cơ sở vật chất và tài nguyên nhân lực để hỗ trợ việc GDTC. Họ cũng cần thúc đẩy sự hợp tác giữa giáo viên, phụ huynh và cộng đồng để thúc đẩy hoạt động thể chất cho học sinh.

(5) Đánh giá và theo dõi: Cán bộ lãnh đạo cần thực hiện quá trình đánh giá và theo dõi để đảm bảo rằng chất lượng GDTC được duy trì và cải thiện theo thời gian.

- Chủ thể thực hiện:

(1) Cơ quan quản lý giáo dục: có trách nhiệm đề xuất và thực hiện các chính sách, hướng dẫn, và chương trình đào tạo cho cán bộ lãnh đạo trong lĩnh vực GDTC.

(2) Trường học và tổ chức giáo dục: là nơi thực hiện trực tiếp các hoạt động GDTC. Các nhà trường có trách nhiệm cung cấp nguồn lực và môi trường

thuận lợi để cán bộ lãnh đạo có thể tham gia vào quá trình nâng cao nhận thức về GDTC.

(3) Các tổ chức và cộng đồng: Các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội và cộng đồng cũng có thể tham gia vào việc cung cấp hỗ trợ và tài trợ cho các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức và chất lượng GDTC.

(4) Giáo viên và cán bộ giáo dục: Giáo viên và cán bộ giáo dục chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc thực hiện chương trình GDTC và có thể chia sẻ thông tin, kiến thức và kinh nghiệm với cán bộ lãnh đạo để nâng cao nhận thức và chất lượng công việc.

(5) Học sinh và phụ huynh: Học sinh và phụ huynh cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo động lực và yêu cầu cao hơn đối với chất lượng GDTC, từ đó tạo áp lực để cán bộ lãnh đạo nâng cao nhận thức và thực hiện biện pháp cần thiết.

3.2.2.2. Giải pháp 2: Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để nâng cao chất lượng GDTC.

- Mục đích:

Mục đích của giải pháp có cơ chế, chính sách phù hợp để nâng cao chất lượng GDTC là tạo ra một hệ thống hỗ trợ và khuyến khích cho các tổ chức giáo dục, các cơ quan quản lý, và cộng đồng để cải thiện và duy trì môi trường học tập thể chất tích cực cho học sinh. Dưới đây là một số mục đích cụ thể của giải pháp này:

Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện chương trình GDTC: Cung cấp nguồn lực và hỗ trợ cần thiết để các trường học và tổ chức giáo dục có thể thực hiện chương trình GDTC một cách hiệu quả, bao gồm cả cơ sở vật chất và nhân lực.

Xây dựng chính sách và hướng dẫn: Phát triển các chính sách và hướng dẫn cụ thể liên quan đến GDTC, như tiêu chuẩn chất lượng, chương trình học, và phương pháp giảng dạy, nhằm tạo ra một khung pháp lý và hướng dẫn cho các bên liên quan.

Tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Cung cấp đào tạo và phát triển cho giáo viên và nhân viên giáo dục về GDTC, giúp họ nắm vững kiến thức, kỹ năng và phương pháp mới nhất trong lĩnh vực này.

Theo dõi và đánh giá: Thiết lập các cơ chế để theo dõi và đánh giá hiệu quả của chương trình GDTC, từ đó đảm bảo rằng chất lượng được duy trì và cải thiện theo thời gian.

Khuyến khích sự hợp tác và tham gia của cộng đồng: Khuyến khích sự hợp tác giữa các bên liên quan, bao gồm giáo viên, học sinh, phụ huynh, các tổ chức xã hội và cộng đồng, để tạo ra một môi trường thể chất tích cực và bền vững.

- Nội dung:

(1) Xây dựng chính sách và hướng dẫn: Phát triển và áp dụng các chính sách và hướng dẫn cụ thể về GDTC, bao gồm việc thiết lập tiêu chuẩn chất lượng, xác định nội dung và mục tiêu chương trình, và hướng dẫn về phương pháp dạy học và đánh giá.

(2) Cung cấp nguồn lực và hỗ trợ: Cung cấp nguồn lực vật chất và tài chính cần thiết để cải thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị cho hoạt động GDTC, bao gồm cả cải thiện các phòng tập và sân chơi.

(3) Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Tổ chức các chương trình đào tạo và phát triển cho giáo viên và nhân viên giáo dục về kỹ năng giảng dạy, quản lý lớp học, và sử dụng công cụ và thiết bị thể chất.

(4) Tạo điều kiện hỗ trợ cho học sinh: Xây dựng các chương trình và hoạt động thể chất phong phú và hấp dẫn để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh tham gia và phát triển sức khỏe cả về thể chất lẫn tinh thần.

(5) Theo dõi và đánh giá: Thiết lập các hệ thống theo dõi và đánh giá để đo lường và đánh giá hiệu quả của chương trình GDTC, từ đó điều chỉnh và cải thiện theo thời gian.

(6) Khuyến khích sự hợp tác: Khuyến khích sự hợp tác giữa các bên liên quan như giáo viên, phụ huynh, học sinh, cộng đồng và các tổ chức xã hội để tạo ra một môi trường thể chất tích cực và bền vững.

- Chủ thể thực hiện:

(1) Cơ quan quản lý giáo dục: Các cơ quan tương đương ở mỗi cấp thường đóng vai trò chủ đạo trong việc phát triển và thực hiện các chính sách và hướng dẫn về GDTC. Họ cũng có thể cung cấp nguồn lực và hỗ trợ kỹ thuật cho các tổ chức giáo dục để thực hiện các chính sách này.

(2) Các cơ quan chính trị và chính phủ địa phương: Các cơ quan chính trị và chính phủ địa phương thường có trách nhiệm thực hiện chính sách và chương trình GDTC tại cấp địa phương. Họ có thể cung cấp nguồn lực tài chính và hỗ trợ cơ sở hạ tầng để cải thiện các cơ sở vật chất cho hoạt động thể chất.

(3) Trường học và tổ chức giáo dục: Các nhà trường và tổ chức giáo dục là nơi trực tiếp thực hiện các chính sách và giải pháp để nâng cao chất lượng GDTC. Họ cung cấp môi trường học tập và các hoạt động thể chất phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh.

(4) Cộng đồng và các tổ chức phi chính phủ: Cộng đồng và các tổ chức phi chính phủ có thể đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ và khuyến khích hoạt động GDTC bằng cách cung cấp tài trợ, nguồn lực, và sự hỗ trợ từ cộng đồng.

(5) Giáo viên và nhân viên giáo dục: Giáo viên và nhân viên giáo dục là những người thực hiện trực tiếp các chính sách và giải pháp tại cơ sở, họ có vai trò quan trọng trong việc thiết kế và thực hiện các hoạt động GDTC cho học sinh.

(6) Phụ huynh và học sinh: Phụ huynh và học sinh cũng là những chủ thể quan trọng trong quá trình nâng cao chất lượng GDTC. Họ có thể tham gia vào quá trình đề xuất và đánh giá chính sách và chương trình, cũng như thúc đẩy môi trường học tập thể chất tích cực tại nhà và trường.

3.2.2.3. Giải pháp 3: Đổi mới phương pháp quản lý của Ban giám hiệu trường THPT trong nâng cao chất lượng GDTC.

- Mục đích:

Mục đích của việc đổi mới phương pháp quản lý của Ban giám hiệu nhà trường trong nâng cao chất lượng GDTC là tạo ra một môi trường học tập thể chất tích cực và bền vững. Từ đó tăng cường sức khỏe và phát triển toàn diện cho học sinh. Dưới đây là một số mục đích cụ thể:

Tăng cường cam kết và tập trung: Đổi mới phương pháp quản lý có thể giúp Ban giám hiệu nhà trường tăng cường cam kết và tập trung vào việc nâng cao chất lượng GDTC. Bằng cách này, họ có thể đặt mục tiêu rõ ràng và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các chương trình và hoạt động thể chất.

Tạo điều kiện hỗ trợ: Ban giám hiệu có thể sử dụng phương pháp quản lý mới để tạo ra một môi trường hỗ trợ cho giáo viên và nhân viên giáo dục thực hiện các hoạt động thể chất. Bằng cách cung cấp nguồn lực, đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật, họ có thể khuyến khích sự sáng tạo và năng động trong GDTC.

Thúc đẩy sự hợp tác và liên kết: Phương pháp quản lý mới có thể tạo điều kiện cho sự hợp tác chặt chẽ giữa các bộ phận và cá nhân trong nhà trường, từ Ban giám hiệu đến giáo viên, nhân viên và phụ huynh. Bằng cách này, mọi người có thể làm việc cùng nhau để đạt được các mục tiêu chung liên quan đến GDTC.

Theo dõi và đánh giá: Phương pháp quản lý mới có thể giúp Ban giám hiệu nhà trường thiết lập các hệ thống theo dõi và đánh giá hiệu quả của các hoạt động GDTC. Bằng cách này, họ có thể xác định những điểm mạnh và điểm yếu, từ đó điều chỉnh và cải thiện chất lượng GDTC.

Tạo môi trường văn hóa học tập tích cực: Bằng cách thúc đẩy sự sáng tạo, tích cực và chia sẻ kiến thức trong nhà trường, phương pháp quản lý mới có thể tạo ra một văn hóa học tập tích cực, trong đó GDTC được coi trọng và ủng hộ.

- Nội dung:

(1) Xác định mục tiêu và chiến lược: Ban giám hiệu cần xác định rõ mục tiêu và chiến lược cụ thể cho việc nâng cao chất lượng GDTC trong nhà trường. Điều này có thể bao gồm thiết lập các chỉ tiêu hiệu suất, kỳ vọng về phát triển học sinh, và các biện pháp cụ thể để đạt được các mục tiêu này.

(2) Tạo môi trường hỗ trợ: Ban giám hiệu cần tạo ra một môi trường hỗ trợ cho giáo viên và nhân viên GDTC. Điều này bao gồm cung cấp nguồn lực vật chất và tài chính, đào tạo và phát triển chuyên môn, cũng như việc thúc đẩy sự hợp tác và giao tiếp trong nhóm làm việc.

(3) Thúc đẩy sự đổi mới và sáng tạo: Ban giám hiệu cần khuyến khích sự đổi mới và sáng tạo trong việc thiết kế và thực hiện các hoạt động GDTC. Họ có thể tạo ra các cơ hội để giáo viên và nhân viên thúc đẩy việc nghiên cứu và áp dụng những phương pháp mới, công nghệ và hoạt động thể chất sáng tạo.

(4) Xây dựng quan hệ đối tác: Ban giám hiệu cần xây dựng và duy trì các quan hệ đối tác với phụ huynh, cộng đồng và các tổ chức có liên quan. Quan hệ này có thể giúp tăng cường sự hỗ trợ và thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong việc nâng cao chất lượng GDTC.

(5) Theo dõi và đánh giá: Ban giám hiệu cần thiết lập các hệ thống theo dõi và đánh giá để đo lường và đánh giá hiệu quả của các hoạt động GDTC. Điều này giúp họ hiểu rõ hơn về những gì đang hoạt động và những điểm cần cải thiện, từ đó điều chỉnh và cải thiện chất lượng GDTC.

(6) Xây dựng môi trường văn hóa học tập tích cực: Ban giám hiệu cần tạo ra một văn hóa học tập tích cực, trong đó GDTC được coi trọng và ủng hộ. Họ có thể thúc đẩy sự tôn trọng, hợp tác và tích cực trong mọi hoạt động thể chất trong nhà trường.

- Chủ thể thực hiện:

(1) Ban giám hiệu và lãnh đạo trường học: Ban giám hiệu và lãnh đạo trường học là những chủ thể chính trong việc đổi mới phương pháp quản lý. Họ có trách nhiệm xây dựng chiến lược và mục tiêu, tạo điều kiện cho sự đổi mới và hỗ trợ giáo viên và nhân viên thực hiện các hoạt động GDTC.

(2) Giáo viên và nhân viên giáo dục: Giáo viên và nhân viên giáo dục là những người trực tiếp thực hiện các chương trình và hoạt động GDTC. Họ cần hỗ trợ và tham gia vào quá trình đổi mới phương pháp quản lý, cũng như thúc đẩy sự đổi mới và sáng tạo trong việc thiết kế và thực hiện các hoạt động thể chất.

(3) Phụ huynh: Phụ huynh đóng vai trò quan trọng trong việc ủng hộ và tham gia vào các hoạt động GDTC của trường học. Họ có thể được mời tham gia vào quyết định và thực hiện các biện pháp quản lý mới, cũng như cung cấp phản hồi và ý kiến đóng góp.

(4) Cộng đồng và tổ chức xã hội: Cộng đồng và các tổ chức xã hội có thể cung cấp hỗ trợ về nguồn lực và tài chính, cũng như hỗ trợ trong việc xây dựng và duy trì các chương trình GDTC. Họ cũng có thể tham gia vào quá trình đánh giá và đề xuất các biện pháp cải thiện.

(5) Các cơ quan quản lý giáo dục: Các cơ quan quản lý giáo dục cấp trên cũng có thể hỗ trợ và khuyến khích việc đổi mới phương pháp quản lý của Ban giám hiệu nhà trường trong lĩnh vực GDTC, bằng cách cung cấp hướng dẫn, nguồn lực và hỗ trợ kỹ thuật.

3.2.2.4. Giải pháp 4: Nâng cao năng lực của cán bộ quản lý và giáo viên GDTC.

- Mục đích: Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ có tác động lớn đến chất lượng giáo dục, sự phát triển của học sinh và tinh thần làm việc của họ. Từ đó nâng cao chất lượng GDTC, tăng cường hiệu suất học tập của học sinh, tạo ra môi trường học tập tích cực, phát triển sự đa dạng và linh hoạt trong chương trình giáo dục, tăng cường sự tự tin và tinh thần làm việc của giáo viên, đáp ứng nhu cầu của học sinh và cộng đồng.

- Nội dung:

(1) Đào tạo và huấn luyện: Tổ chức các khoá đào tạo và huấn luyện định kỳ để cập nhật kiến thức và kỹ năng mới nhất về lĩnh vực GDTC. Các chủ đề

có thể bao gồm phương pháp giảng dạy mới, kỹ thuật thể thao, quản lý lớp học, và kỹ năng giao tiếp.

(2) Tạo cơ hội học tập liên tục: Khuyến khích cán bộ quản lý và giáo viên tham gia vào các chương trình học tập liên tục, bao gồm việc tham gia các khóa học trực tuyến, hội thảo, hội nghị, và các chương trình đào tạo chuyên sâu.

(3) Phát triển tài liệu và tài nguyên: Tạo ra và cung cấp tài liệu và tài nguyên giáo trình phong phú và đa dạng để hỗ trợ cán bộ quản lý và giáo viên trong việc lập kế hoạch và thực hiện các bài học và hoạt động GDTC.

(4) Hỗ trợ giữa các đồng nghiệp: Thiết lập các chương trình hỗ trợ đồng nghiệp để tạo ra một môi trường học tập và chia sẻ kinh nghiệm giữa các cán bộ quản lý và giáo viên.

(5) Phản hồi và đánh giá: Cung cấp phản hồi và đánh giá định kỳ về hiệu suất và phát triển của cán bộ quản lý và giáo viên, từ đó tạo điều kiện để họ cải thiện và phát triển năng lực của mình.

(6) Hợp tác và kết nối với các tổ chức và chuyên gia liên quan: Xây dựng mối quan hệ và hợp tác với các tổ chức và chuyên gia trong lĩnh vực GDTC để chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và tài nguyên.

(7) Thực hành và phát triển kỹ năng thực tế: Tạo ra các cơ hội thực hành và áp dụng kiến thức và kỹ năng được học vào thực tế, bao gồm việc thực hiện các bài học, sự kiện thể thao, và các hoạt động ngoại khóa.

- Chủ thể thực hiện:

(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo cấp tỉnh): Bộ Giáo dục và Đào tạo, cùng với các Sở Giáo dục và Đào tạo cấp tỉnh, chịu trách nhiệm xây dựng chính sách và chiến lược đào tạo cho cán bộ quản lý và giáo viên GDTC. Họ cũng có nhiệm vụ tổ chức và tài trợ các chương trình đào tạo, huấn luyện và phát triển nghề nghiệp cho nhân viên trong lĩnh vực này.

(2) Các trường đại học và trường đào tạo giáo viên: Các trường đại học và trường đào tạo giáo viên đảm bảo rằng các chương trình đào tạo và đào tạo

giáo viên GDTC đáp ứng các yêu cầu và tiêu chuẩn chuyên môn. Họ cũng có thể cung cấp các chương trình đào tạo sau đại học và các chương trình đào tạo chuyên sâu cho giáo viên đã làm việc.

(3) Các tổ chức và liên đoàn, hiệp hội thể thao: Các tổ chức và liên đoàn, hiệp hội trong lĩnh vực thể thao và GDTC có thể tổ chức các sự kiện đào tạo, cung cấp tài liệu hướng dẫn và chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm.

(4) Các trường học và cơ sở giáo dục: Các trường học và cơ sở giáo dục cần đảm bảo rằng họ cung cấp các cơ hội học tập và phát triển nghề nghiệp cho cán bộ quản lý và giáo viên GDTC, bao gồm các khoá đào tạo, chương trình mentor và hỗ trợ đồng nghiệp.

(5) Cộng đồng và doanh nghiệp: Cộng đồng và doanh nghiệp cũng có thể đóng vai trò trong việc hỗ trợ các chương trình đào tạo và phát triển nghề nghiệp cho cán bộ quản lý và giáo viên GDTC thông qua tài trợ, hỗ trợ về trang thiết bị và tài nguyên, và các hợp tác đối tác.

3.2.2.5. Giải pháp 5: Phát triển chương trình GDTC toàn diện và hoạt động thể thao ngoại khóa đa dạng.

- Mục đích: Xây dựng chương trình GDTC linh hoạt, đa dạng và cung cấp kiến thức về sức khỏe, rèn luyện kỹ năng thể chất và phát triển tinh thần thể thao cho học sinh. Đồng thời tạo ra các chương trình thể thao và hoạt động ngoại khóa phong phú để kích thích sự quan tâm và tham gia của học sinh.

- Nội dung:

(1) Xác định mục tiêu và chuẩn mực: Đặt ra mục tiêu cụ thể và đo lường được, phù hợp với độ tuổi và nhu cầu của học sinh. Cân nhắc các chuẩn mực quốc gia hoặc địa phương để đảm bảo tính chất chất lượng của chương trình.

(2) Phân tích nhu cầu, đặc điểm, sở thích của học sinh: Hiểu rõ nhu cầu, sở thích, khả năng và đặc điểm của học sinh để thiết kế chương trình phù hợp. Có thể thực hiện thông qua cuộc khảo sát hoặc phân tích dữ liệu.

(3) Lập kế hoạch giảng dạy đa dạng và linh hoạt: Xác định nội dung học và các môn thể thao ngoại khóa đa dạng, bao gồm các môn thể thao, trò chơi,

hoạt động vận động ngoại khóa và các hoạt động rèn luyện kỹ năng cơ bản. Lập kế hoạch cho các hoạt động thể thao ngoại khóa trong suốt năm học, bao gồm các buổi tập luyện định kỳ, trận đấu, và các chuyến đi thể thao ngoại khóa. Đảm bảo rằng lịch trình phản ánh sự đa dạng và linh hoạt của các hoạt động.

(4) Tích hợp giáo dục về dinh dưỡng và tư duy sức khỏe: Bao gồm giáo dục về dinh dưỡng và tư duy sức khỏe vào chương trình để hỗ trợ sự phát triển toàn diện của học sinh và tạo ra nhận thức về lối sống lành mạnh.

(5) Cung cấp giáo dục về kỹ năng sống và tinh thần lành mạnh: Hỗ trợ học sinh phát triển kỹ năng xã hội, kỹ năng giải quyết vấn đề, và tinh thần lành mạnh thông qua các hoạt động nhóm, trò chơi cộng đồng, và các hoạt động tâm lý giáo dục. Tạo cơ hội tham gia đa dạng: Khuyến khích sự tham gia của học sinh ở mọi cấp độ kỹ năng và sở thích bằng cách tổ chức các hoạt động thể thao có tính chất từ cấp độ cơ bản đến cấp độ nâng cao. Đồng thời, cung cấp sự hỗ trợ và động viên cho những người mới bắt đầu.

(6) Tạo cơ hội hợp tác và xã hội: Khuyến khích sự hợp tác và xã hội thông qua các hoạt động nhóm và trò chơi đội. Xây dựng môi trường thân thiện và đoàn kết để tạo ra trải nghiệm tích cực cho tất cả các học sinh tham gia.

(7) Tạo ra các sự kiện và giải đấu: Tổ chức các sự kiện và giải đấu thể thao ngoại khóa để tạo ra sự hứng thú và động viên cho học sinh tham gia, cũng như tạo ra cơ hội cho họ thử thách và phát triển kỹ năng thể thao của mình.

(8) Đánh giá và cải tiến liên tục: Thực hiện các đánh giá định kỳ và phản hồi từ học sinh, giáo viên và gia đình để cải thiện và điều chỉnh chương trình GDTC theo thời gian. Không ngừng đổi mới và thử nghiệm các hoạt động thể thao mới để giữ cho chương trình luôn mới mẻ và hấp dẫn. Lắng nghe phản hồi từ học sinh và giáo viên để điều chỉnh và cải thiện các hoạt động.

- Chủ thể thực hiện:

(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo cấp tỉnh): Bộ Giáo dục và Đào tạo, cùng với các Sở Giáo dục và Đào tạo cấp tỉnh, chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai các chính sách và chuẩn mực về GDTC và hoạt

động thể thao ngoại khóa. Họ cũng có trách nhiệm tạo ra các nguồn lực và hỗ trợ cho các trường học và cộng đồng để phát triển chương trình.

(2) Trường học và cơ sở giáo dục: Trường học và cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm thực hiện chương trình GDTC và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa. Họ có thể làm điều này bằng cách lập kế hoạch, triển khai và đánh giá chương trình, cung cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị, và tạo điều kiện cho sự tham gia của học sinh và cộng đồng.

(3) Giáo viên và nhân viên giáo dục: Giáo viên và nhân viên GDTC là những người chịu trách nhiệm trực tiếp về việc thực hiện chương trình và hoạt động. Họ phải có kiến thức chuyên môn và kỹ năng giảng dạy, cũng như khả năng tổ chức và thúc đẩy sự tham gia của học sinh.

(3) Cộng đồng địa phương: Cộng đồng địa phương có thể đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ và thúc đẩy các hoạt động thể thao ngoại khóa. Họ có thể cung cấp cơ sở vật chất, tài trợ, và hỗ trợ tình nguyện viên để tổ chức và tham gia vào các hoạt động.

(4) Các tổ chức thể thao và câu lạc bộ: Các tổ chức thể thao và câu lạc bộ cũng có thể đóng vai trò trong việc cung cấp cơ hội thể thao ngoại khóa cho học sinh. Họ có thể tổ chức các sự kiện thể thao, cung cấp huấn luyện và hỗ trợ kỹ thuật, và giúp xây dựng một môi trường thể thao tích cực.

(5) Phụ huynh và gia đình: Phụ huynh và gia đình cũng là một phần quan trọng của quá trình GDTC và hoạt động thể thao ngoại khóa. Họ cung cấp sự hỗ trợ, khuyến khích và tham gia vào các hoạt động, cũng như đảm bảo rằng con em họ có điều kiện và sự hỗ trợ cần thiết để tham gia hoạt động thể thao.

3.2.2.6. Giải pháp 6: Tăng cường đầu tư và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và trang thiết bị TDTT.

- Mục đích: Cung cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại và đủ để hỗ trợ các hoạt động thể thao, bao gồm sân chơi, phòng tập thể dục, trang thiết bị thể thao, và không gian ngoại khóa. Đồng thời khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và trang thiết bị TDTT sẵn có nhằm: Tạo điều kiện cho việc học tập và

thực hành; Thúc đẩy sự phát triển toàn diện của học sinh; Tạo ra một môi trường học tập tích cực và an toàn; và tăng cường hiệu quả của chương trình GDTC.

- Nội dung:

(1) Phân tích nhu cầu và lập kế hoạch đầu tư: Tiến hành một đánh giá kỹ lưỡng về nhu cầu cơ sở vật chất và trang thiết bị thể thao của trường học hoặc tổ chức. Xác định các mục tiêu, ưu tiên và kế hoạch đầu tư dựa trên nhu cầu cụ thể của cộng đồng học sinh và mục tiêu giáo dục.

(2) Tìm kiếm nguồn tài trợ: Tìm kiếm và xác định các nguồn tài trợ có thể hỗ trợ cho việc đầu tư vào cơ sở vật chất và trang thiết bị thể thao. Điều này có thể bao gồm các nguồn tài trợ từ chính phủ, tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp địa phương, cộng đồng và các chương trình tài trợ.

(3) Lập kế hoạch và quản lý ngân sách: Lập kế hoạch ngân sách chi tiết cho việc đầu tư vào cơ sở vật chất và trang thiết bị thể thao, bao gồm cả chi phí mua sắm, bảo trì và sửa chữa. Quản lý ngân sách một cách chặt chẽ để đảm bảo rằng các khoản đầu tư được sử dụng một cách hiệu quả và bền vững.

(4) Mua sắm và cập nhật trang thiết bị: Lựa chọn và mua sắm trang thiết bị thể thao phù hợp với nhu cầu và mục tiêu của trường học hoặc tổ chức. Đảm bảo rằng các trang thiết bị được chọn mua đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn và chất lượng, và cập nhật định kỳ để duy trì hiệu suất tốt nhất.

(5) Bảo trì và sửa chữa định kỳ: Thực hiện các biện pháp bảo trì định kỳ và sửa chữa để đảm bảo rằng cơ sở vật chất và trang thiết bị thể thao luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất. Điều này bao gồm việc kiểm tra và bảo dưỡng các thiết bị, sửa chữa các hỏng hóc và thay thế các bộ phận cũ hỏng.

(6) Đào tạo và hỗ trợ nhân viên: Cung cấp đào tạo và hướng dẫn cho về việc sử dụng và bảo dưỡng cơ sở vật chất và trang thiết bị thể thao một cách an toàn và hiệu quả. Đảm bảo rằng nhân viên được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng để quản lý và sử dụng trang thiết bị một cách chuyên nghiệp.

(7) Tạo điều kiện cho sự sáng tạo và phát triển: Tạo ra một môi trường mở và khuyến khích sự sáng tạo trong việc sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết

bị thể thao. Khuyến khích sự tham gia của học sinh và nhân viên trong việc đề xuất ý tưởng và cải thiện để nâng cao hiệu suất và trải nghiệm thể thao.

- Chủ thể thực hiện:

(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo cấp tỉnh): Bộ Giáo dục và Đào tạo, cùng với các Sở Giáo dục và Đào tạo cấp tỉnh, thường chịu trách nhiệm đưa ra các chính sách, chuẩn mực và hướng dẫn liên quan đến cơ sở vật chất và trang thiết bị thể thao trong các trường học và tổ chức giáo dục. Tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật để cải thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị.

(2) Trường học và cơ sở giáo dục: Trường học và cơ sở giáo dục là những chủ thể trực tiếp quản lý và vận hành cơ sở vật chất và trang thiết bị thể thao. Họ có trách nhiệm lập kế hoạch, đầu tư, mua sắm, bảo trì và quản lý các tài nguyên này để đảm bảo rằng học sinh và nhân viên có điều kiện tốt nhất để tham gia vào các hoạt động thể thao và rèn luyện thể chất.

(3) Các tổ chức thể thao và câu lạc bộ: Các tổ chức thể thao và câu lạc bộ thể thao thường có trách nhiệm quản lý và vận hành các cơ sở vật chất và trang thiết bị thể thao trong các cộng đồng. Họ cung cấp cơ hội cho các hoạt động thể thao và rèn luyện thể chất cho cộng đồng, và chịu trách nhiệm đầu tư và bảo trì cơ sở vật chất và trang thiết bị để đảm bảo rằng các hoạt động này được thực hiện một cách an toàn và hiệu quả.

(4) Cộng đồng và doanh nghiệp địa phương: Cộng đồng và doanh nghiệp địa phương có thể tham gia vào việc đầu tư và hỗ trợ cơ sở vật chất và trang thiết bị thể thao trong cộng đồng. Họ có thể cung cấp tài trợ, quyên góp và các nguồn lực khác để giúp cải thiện và duy trì các cơ sở vật chất và trang thiết bị để phục vụ cho nhu cầu vận động và thể thao của cộng đồng.

3.2.3. Khảo nghiệm các giải pháp

3.2.3.1. Tổ chức khảo nghiệm

- Mục đích khảo nghiệm: Thông qua khảo nghiệm nhằm khẳng định sự cần thiết và tính khả thi của các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào đã đề xuất.

- Đối tượng khảo nghiệm: Nghiên cứu đã tiến hành trưng cầu ý kiến của 31 người (9 cán bộ quản lý – 29.0%; 8 giáo viên thể dục – 25.8%; 14 chuyên gia – 45.2%).

- Nội dung và quy trình khảo nghiệm: Để tiến hành khảo nghiệm sự cần thiết và tính khả thi của các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào. Thực hiện thông qua phiếu phỏng vấn và đánh giá các giải pháp theo thang đo Likert. Sau đó xử lý số liệu thu được và rút ra kết luận về mối quan hệ giữa tính cần thiết và khả thi của các giải pháp đề xuất.

3.2.3.2. Kết quả khảo nghiệm

Kết quả khảo sát tính cấp thiết và tính khả thi của các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào được thể hiện ở bảng 3.18 đến bảng 3.21, biểu đồ 3.12 và biểu đồ 3.14.

Bảng 3.18. Khảo nghiệm tính cần thiết của các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào (n = 31)

TT	Giải pháp	Ký hiệu	\bar{x}	$\pm\delta$	Hạng
1	Tuyên truyền và nâng cao nhận thức về nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT.	CT1	4.68	0.50	4
2	Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT.	CT2	4.84	0.40	2
3	Đổi mới phương pháp quản lý của Ban giám hiệu trường THPT trong nâng cao chất lượng GDTC.	CT3	4.65	0.58	5
4	Nâng cao năng lực của cán bộ quản lý và giáo viên GDTC.	CT4	4.74	0.54	3
5	Phát triển chương trình GDTC toàn diện và hoạt động thể thao ngoại khóa đa dạng.	CT5	4.61	0.59	6
6	Tăng cường đầu tư và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và trang thiết bị TDTT.	CT6	4.94	0.34	1
	\bar{x}		4.74		

Bảng 3.19. Khảo nghiệm tính cần thiết của các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào (n = 31)

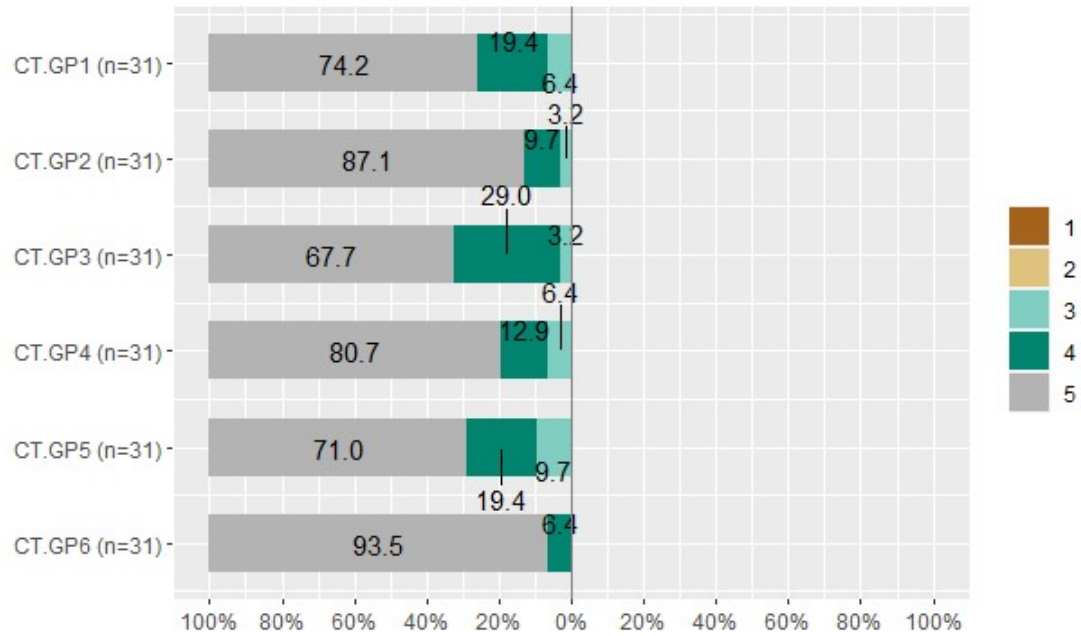
T T	Giải pháp	Ký hiệu	\bar{x}	$\pm\delta$	Hạng
1	Tuyên truyền và nâng cao nhận thức về nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT.	CT1	4.68	0.50	4
2	Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT.	CT2	4.84	0.40	2
3	Đổi mới phương pháp quản lý của Ban giám hiệu trường THPT trong nâng cao chất lượng GDTC.	CT3	4.65	0.58	5
4	Nâng cao năng lực của cán bộ quản lý và giáo viên GDTC.	CT4	4.74	0.54	3
5	Phát triển chương trình GDTC toàn diện và hoạt động thể thao ngoại khóa đa dạng.	CT5	4.61	0.59	6
6	Tăng cường đầu tư và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và trang thiết bị TDTT.	CT6	4.94	0.34	1
	\bar{x}		4.74		

Bảng 3.20. Khảo nghiệm tính khả thi của các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào (n = 31)

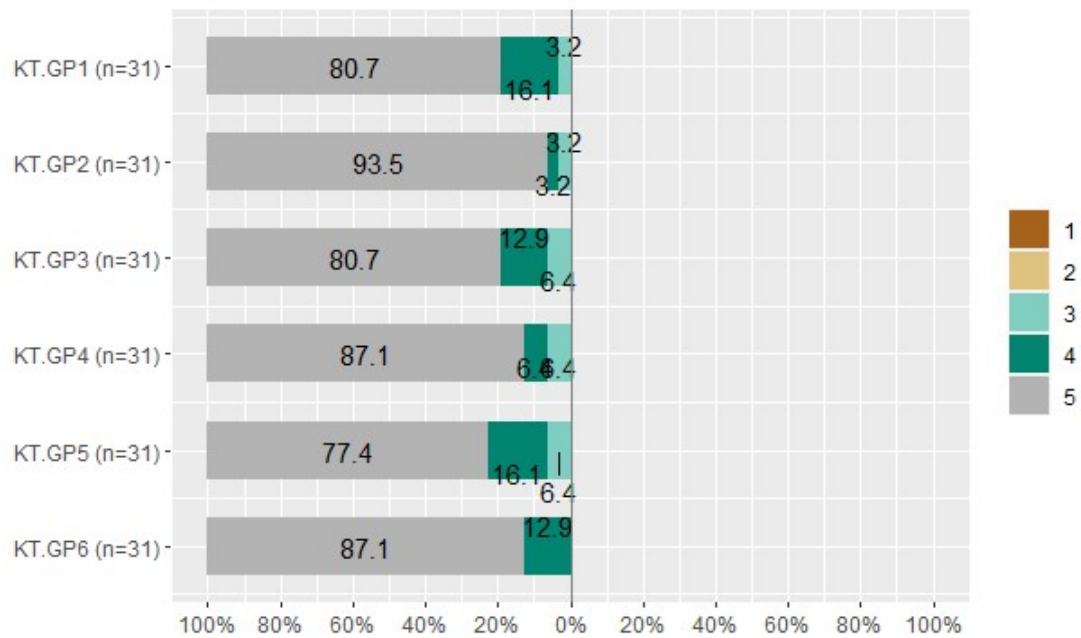
T	Giải pháp	Ký hiệu	\bar{x}	$\pm\delta$	Hạng
1	Tuyên truyền và nâng cao nhận thức về nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT.	KT1	4.77	0.60	4
2	Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT.	KT2	4.90	0.45	1
3	Đổi mới phương pháp quản lý của Ban giám hiệu trường THPT trong nâng cao chất lượng GDTC.	KT3	4.74	0.55	5
4	Nâng cao năng lực của cán bộ quản lý và giáo viên GDTC.	KT4	4.81	0.58	3
5	Phát triển chương trình GDTC toàn diện và hoạt động thể thao ngoại khóa đa dạng.	KT5	4.71	0.67	6
6	Tăng cường đầu tư và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và trang thiết bị TDTT.	KT6	4.87	0.25	2
	\bar{x}		4.80		

Bảng 3.21. Mối tương quan giữa tính cần thiết và tính khả thi của các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào (n = 31)

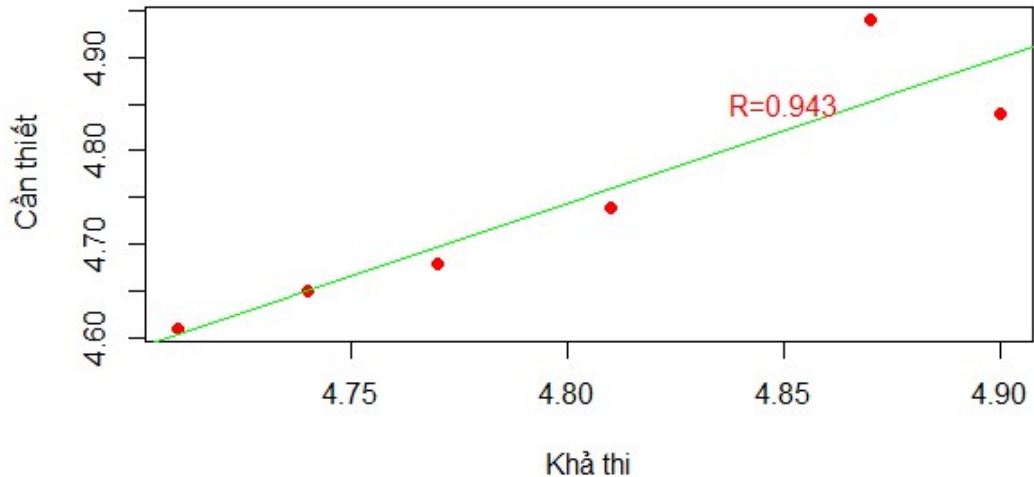
TT	Giải pháp	Tính cần thiết		Tính khả thi	
		\bar{x}	Hạng	\bar{x}	Hạng
1	Tuyên truyền và nâng cao nhận thức về nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT.	4.68	4	4.77	4
2	Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT.	4.84	2	4.90	1
3	Đổi mới phương pháp quản lý của Ban giám hiệu trường THPT trong nâng cao chất lượng GDTC.	4.65	5	4.74	5
4	Nâng cao năng lực của cán bộ quản lý và giáo viên GDTC.	4.74	3	4.81	3
5	Phát triển chương trình GDTC toàn diện và hoạt động thể thao ngoại khóa đa dạng.	4.61	6	4.71	6
6	Tăng cường đầu tư và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và trang thiết bị TDTT.	4.94	1	4.87	2
	\bar{x}	4.74		4.80	
	Tương quan Spearman's	R (rho) = 0.943 P (p-value) = 0.017			



Biểu đồ 3.12. Tỷ lệ đánh giá theo thang đo Likert về tính cần thiết của các giải pháp



Biểu đồ 3.13. Tỷ lệ đánh giá theo thang đo Likert về tính khả thi của các giải pháp



Biểu đồ 3.14. Mối tương quan thứ bậc giữa tính cần thiết và tính khả thi

Từ kết quả thu được ở bảng 3.18 đến bảng 3.20, biểu đồ 3.12 và biểu đồ 3.14 cho thấy:

Tỷ lệ đánh giá tính cần thiết của các giải pháp theo thang đo Likert ở mức rất cần thiết chiếm từ 71 – 93.5%, mức cần thiết chiếm từ 6.4 – 16.1%; còn tính khả thi của các giải pháp ở mức rất khả thi chiếm từ 77.4 – 93.5%, mức khả thi chiếm từ 3.2 – 16.1%. Như vậy, đánh giá các giải pháp theo thang đo Likert chiếm tỷ lệ cao ở mức 4 – 5 điểm.

Phân tích kết quả thu được cũng cho thấy, điểm trung bình chung của các giải pháp khảo nghiệm tính cần thiết từ 4.71 – 4.90 điểm, còn tính khả thi từ 4.61 – 4.94 điểm, như vậy đều lớn hơn 4.20 điểm. Do vậy, các giải pháp đã lựa chọn nhận được ý kiến đánh giá của các cán bộ quản lý, chuyên gia và giáo viên ở mức rất cần thiết và rất khả thi.

Từ kết quả thu được ở bảng 3.21 và biểu đồ 3.14 cho thấy, giá trị tương quan thứ hạng Spearman giữa tính cần thiết và tính khả thi là 0.943 thuộc mức tương quan rất mạnh. Như vậy, giá trị R có hệ số tương quan dương cho phép đi đến kết luận là tương quan thuận, tức là tính cần thiết tăng thì tính khả thi cũng tăng. Điều đó chứng tỏ các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào mà đề tài đã lựa chọn và xây

dụng được các đối tượng phỏng vấn đánh giá có tính cần thiết và tính khả thi cao. Tác động qua lại giữa tính cần thiết và tính khả thi là đồng biến.

3.3. Kiểm nghiệm hiệu quả một số giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào

3.3.1. Tổ chức thực nghiệm

Việc nghiên cứu ứng dụng các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào được tiến hành trong thời gian 01 năm học (2022-2023). Khi xác định hiệu quả của giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh trường THPT Viêng Chăn – Lào đã lựa chọn, đề tài căn cứ vào kết quả:

Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên và học sinh.

Kết quả đánh giá các nhân tố tác động đến quản lý chất lượng GDTC.

Đánh giá chất lượng GDTC qua ý kiến phản hồi của cán bộ, giáo viên và học sinh.

Kết quả học tập môn thể dục của học sinh.

Kết quả xếp loại thể lực học sinh.

Sau khi kết thúc quá trình thực nghiệm, luận án tiến hành so sánh kết quả đạt được trên đối tượng thực nghiệm với kết quả đánh giá trước hoặc so sánh với số liệu lưu trữ của nhà trường. Từ đó đánh giá hiệu quả của các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh trường THPT Viêng Chăn – Lào.

Kết quả thực nghiệm được trình bày tại mục 3.3.2 của luận án.

3.3.2. Kết quả ứng dụng các giải pháp

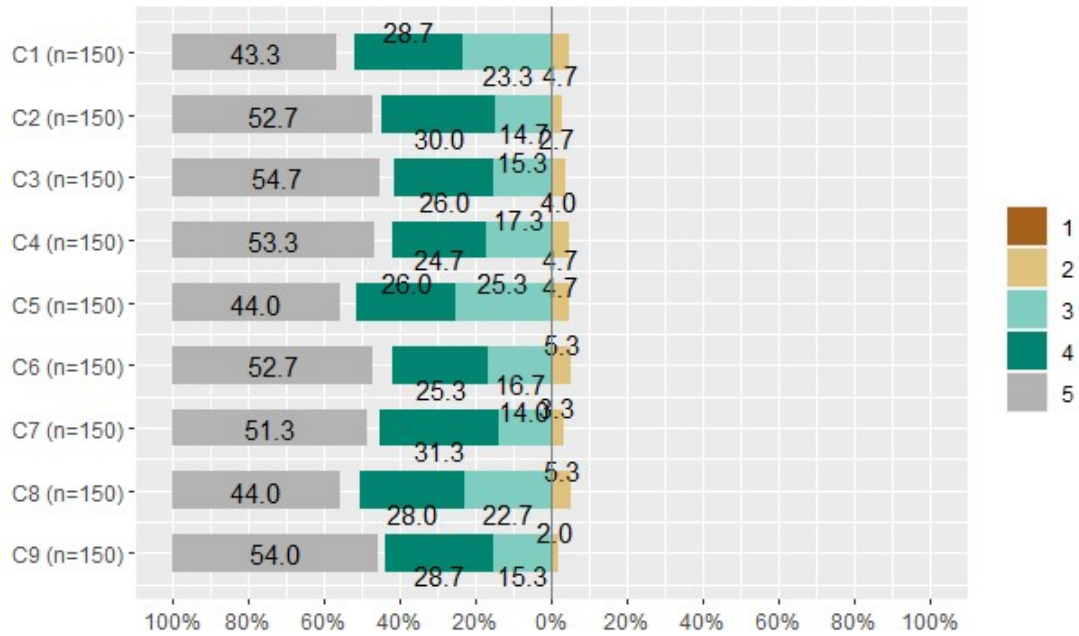
(1) Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên và học sinh

Để đánh giá nhận thức của cán bộ, giáo viên và học sinh sau khi ứng dụng các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh trường THPT Viêng Chăn – Lào, đề tài đã tiến hành vận dụng đánh giá thông qua kết quả phỏng vấn mỗi nhóm vấn đề theo thang đo Likert 5 bậc. Nội dung các câu hỏi phỏng vấn dựa trên những dấu hiệu về: Ý thức về lợi ích của thể dục; Nhận thức về chất lượng hoạt động thể chất; Ý thức về lợi ích tâm lý - xã hội của thể

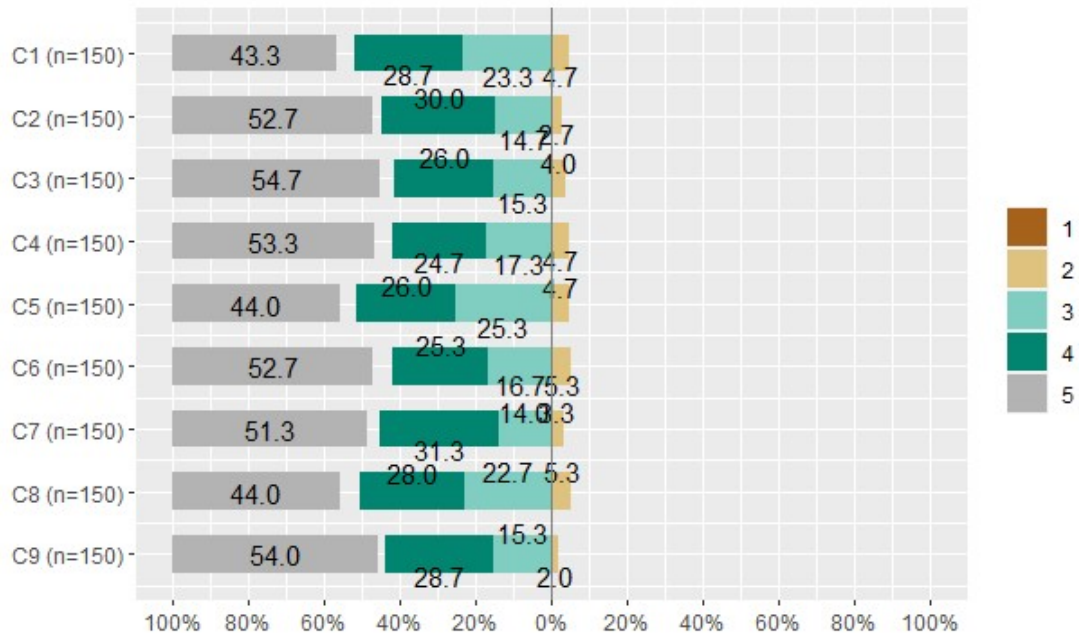
dục; và Ý thức về lợi ích học tập của thể dục. Nội dung phiếu phỏng vấn trình bày trong phụ lục 5. Số lượng phỏng vấn gồm 45 cán bộ quản lý, giáo viên và 105 học sinh trường THPT Viêng Chăn – Lào. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.22 và biểu đồ 3.15 – 3.16.

Bảng 3.22. Kết quả phỏng vấn về nhận thức của cán bộ, giáo viên và học sinh đối với chất lượng giáo dục thể chất của trường trung học phổ thông Viêng Chăn

T T	Nội dung phỏng vấn	Giáo viên (n=45)		Học sinh (n=105)	
		\bar{x}	$\pm\delta$	\bar{x}	$\pm\delta$
I	Nhận thức về lợi ích của thể dục:				
C1	Thể dục và hoạt động thể chất có ý nghĩa đối với sức khỏe	4.31	0.82	4.02	0.95
C2	Thể dục đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sức khỏe tốt	4.47	0.79	4.27	0.84
II	Nhận thức về chất lượng hoạt động thể chất:				
C3	Chất lượng các hoạt động thể chất được tổ chức tại trường	4.36	0.91	4.30	0.87
C4	Hoạt động thể chất đáp ứng được nhu cầu	4.29	0.84	4.26	0.94
C5	Sự đa dạng và hấp dẫn của các hoạt động thể chất tại trường	4.24	0.88	4.03	0.96
III	Nhận thức về lợi ích tâm lý - xã hội của thể dục:				
C6	Thể dục có thể giúp cải thiện tâm trạng và giảm căng thẳng	4.27	0.81	4.25	0.97
C7	Thể dục có thể giúp tăng cường mối quan hệ xã hội và giao tiếp	4.33	0.88	4.30	0.82
IV	Nhận thức về lợi ích học tập của thể dục:				
C8	Tham gia vào hoạt động thể chất có thể cải thiện hiệu suất học tập	4.22	0.93	4.06	0.94
C9	Thể dục có thể giúp cải thiện khả năng tập trung và sự chú ý trong lớp học	4.38	0.68	4.33	0.86
	χ^2 (kiểm định theo 5 mức độ đánh giá)	5.811 p-value = 0.121 > 0.05			



Biểu đồ 3.15. Tỷ lệ đánh giá về nhận thức của cán bộ, giáo viên đối với chất lượng giáo dục thể chất của trường trung học phổ thông Viêng Chăn



Biểu đồ 3.16. Tỷ lệ đánh giá về nhận thức của học sinh đối với chất lượng giáo dục thể chất của trường trung học phổ thông Viêng Chăn

Kết quả thu được sau khi ứng dụng các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC ở bảng 3.22 và biểu đồ 3.15 – 3.16 cho thấy, với 9 câu hỏi phỏng vấn thuộc 4 nhóm, nhận thức của cán bộ, giáo viên và học sinh đối với chất lượng

GDTC sinh ở trường THPT Viêng Chăn – Lào đã có sự nâng cao, chuyển biến tốt thể hiện ở: Phản hồi của nhóm giáo viên và học sinh đều rất tập trung ở mức rất đồng ý (43.3 – 54.7%) và đồng ý (23.3 – 30.0%). Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đều đạt ở mức đồng ý (điểm trung bình của 3 câu hỏi đối với cán bộ, giáo viên nằm trong mức 3.41 – 4.20 điểm) và rất đồng ý (điểm trung bình của 15 câu hỏi của cả cán bộ, giáo viên và học sinh nằm trong mức từ 4.21 – 5.00 điểm). Kết quả phỏng vấn thu được không có sự khác biệt giữa nhóm cán bộ, giáo viên với học sinh, với kiểm định Khi bình phương là 5.811 ở ngưỡng $P = 0.121 > 0.05$. Cụ thể như sau:

Điểm trung bình chung của nhóm “Ý thức về lợi ích của thể dục” với “Thể dục và hoạt động thể chất có ý nghĩa đối với sức khỏe” của giáo viên đạt 4.31 điểm (rất đồng ý) và học sinh đạt 4.02 điểm (đồng ý); “Thể dục đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sức khỏe tốt” đạt 4.47 điểm (rất đồng ý) và học sinh đạt 4.27 điểm (rất đồng ý).

Điểm trung bình chung của nhóm “Nhận thức về chất lượng hoạt động thể chất”: “Chất lượng các hoạt động thể chất được tổ chức tại trường” của giáo viên đạt 4.36 điểm (rất đồng ý) và học sinh đạt 4.30 điểm (rất đồng ý); “Hoạt động thể chất đáp ứng được nhu cầu” của giáo viên đạt 4.29 điểm (rất đồng ý) và học sinh đạt 4.26 điểm (rất đồng ý); “Sự đa dạng và hấp dẫn của các hoạt động thể chất tại trường” của giáo viên đạt 4.24 điểm (rất đồng ý) và học sinh đạt 4.03 điểm (đồng ý).

Điểm trung bình chung của nhóm “Ý thức về lợi ích tâm lý - xã hội của thể dục”: “Thể dục có thể giúp cải thiện tâm trạng và giảm căng thẳng” của giáo viên đạt 4.27 điểm (rất đồng ý) và học sinh đạt 4.25 điểm (rất đồng ý); “Thể dục có thể giúp tăng cường mối quan hệ xã hội và giao tiếp” của giáo viên đạt 4.33 điểm (rất đồng ý) và học sinh đạt 4.30 điểm (rất đồng ý).

Điểm trung bình chung của nhóm “Ý thức về lợi ích học tập của thể dục”: “Tham gia vào hoạt động thể chất có thể cải thiện hiệu suất học tập” của giáo viên đạt 4.22 điểm (rất đồng ý) và học sinh đạt 4.06 điểm (đồng ý); “Thể dục

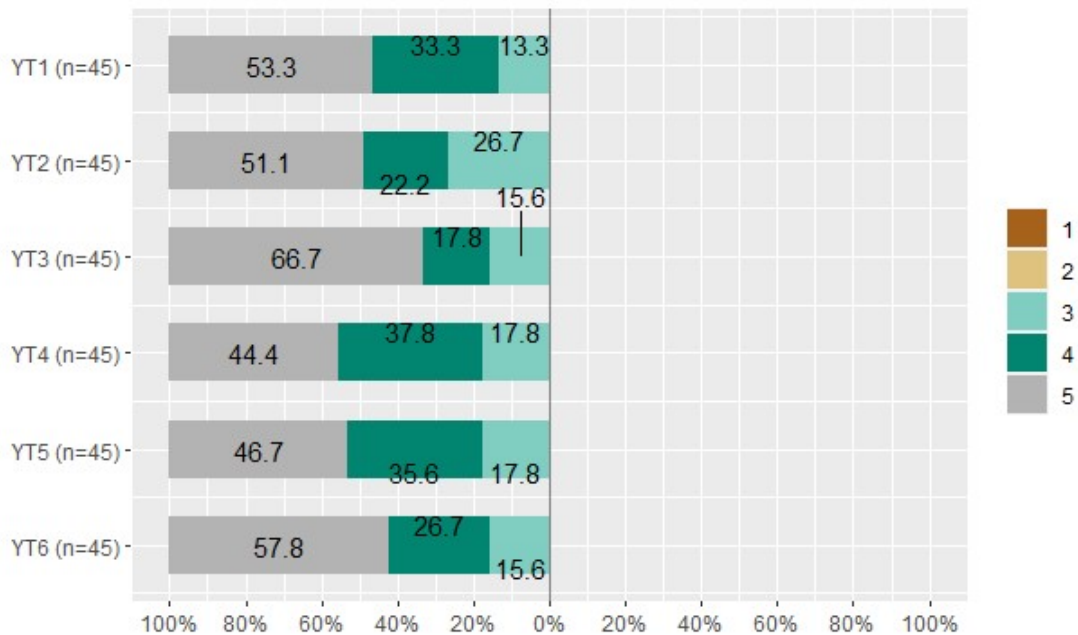
có thể giúp cải thiện khả năng tập trung và sự chú ý trong lớp học” của giáo viên đạt 4.38 điểm (rất đồng ý) và học sinh đạt 4.33 điểm (rất đồng ý).

(2) *Kết quả đánh giá các nhân tố tác động đến quản lý chất lượng GDTC*

Sử dụng 6 yếu tố đã xác định ở mục 3.1.2, luận án đã tiến hành đánh giá thực trạng quản lý chất lượng GDTC thông qua phỏng vấn 45 cán bộ quản lý, giáo viên của trường THPT Viêng Chăn. Thang Likert được sử dụng trong phỏng vấn, đánh giá theo 5 mức độ (Rất tốt, tốt, trung bình, yếu, kém). Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.23 và biểu đồ 3.17.

Bảng 3.23. Kết quả đánh giá yếu tố liên quan đến quản lý chất lượng giáo dục thể chất của trường trung học phổ thông Viêng Chăn - Lào (n = 45)

TT	Yếu tố tác động	Ký hiệu	\bar{x}	$\pm\delta$
1	Cơ chế, chính sách của nhà nước	YT1	4.40	0.72
2	Mục tiêu và chương trình đào tạo	YT2	4.24	0.86
3	Đội ngũ giáo viên	YT3	4.51	0.76
4	Cơ sở vật chất – trang thiết bị	YT4	4.27	0.75
5	Phương pháp giảng dạy	YT5	4.29	0.76
6	Đội ngũ học sinh	YT6	4.42	0.75



Biểu đồ 3.17. Tỷ lệ trả lời các yếu tố liên quan đến quản lý chất lượng giáo dục thể chất của trường trung học phổ thông Viêng Chăn

Kết quả thu được sau khi ứng dụng các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC thu được ở bảng 3.23 và biểu đồ 3.17 cho thấy, đánh giá các yếu tố liên quan đến quản lý chất lượng GDTC ở trường THPT thủ đô Viên Chăn theo thang đo Likert đều ở mức rất tốt. Cụ thể các yếu tố:

Đánh giá về cơ chế, chính sách của nhà nước có tỷ lệ ở mức rất tốt chiếm 53.3% và tốt chiếm 33.3% và đạt yêu cầu chiếm 13.3%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 4.40 điểm thuộc mức rất tốt.

Đánh giá về mục tiêu và chương trình đào tạo có tỷ lệ ở mức rất tốt chiếm 51.1%, tốt chiếm 22.2% và bình thường chiếm 26.7%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 4.24 điểm thuộc mức rất tốt.

Đánh giá về đội ngũ giáo viên có tỷ lệ trả lời ở mức rất tốt chiếm tỷ lệ 66.7%, tốt chiếm 17.8% và đạt yêu cầu chiếm 15.6%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 4.51 điểm thuộc mức rất tốt.

Đánh giá về đảm bảo cơ sở vật chất – trang thiết bị với tỷ lệ ở mức rất tốt chiếm 44.4%, mức tốt 37.8 và đạt yêu cầu chiếm 17.8%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 4.27 điểm thuộc mức rất tốt.

Đánh giá về phương pháp giảng dạy môn GDTC của giáo viên với tỷ lệ ở mức rất tốt chiếm 46.7%, mức tốt 35.6% và đạt yêu cầu chiếm 17.8%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 4.29 điểm thuộc mức rất tốt.

Đánh giá về đội ngũ học sinh có tỷ lệ ở mức rất tốt chiếm 57.8%, tốt chiếm 26.7% và bình thường chiếm 15.6%. Điểm trung bình chung theo thang đo Likert đạt 4.42 điểm thuộc mức rất tốt.

Tóm lại: Đánh giá các yếu tố về quản lý chất lượng GDTC cho học sinh trường THPT đều rất tốt. Như vậy, các giải pháp ứng dụng đã có tác động tích cực đến việc quản lý chất lượng GDTC của trường THPT Viên Chăn.

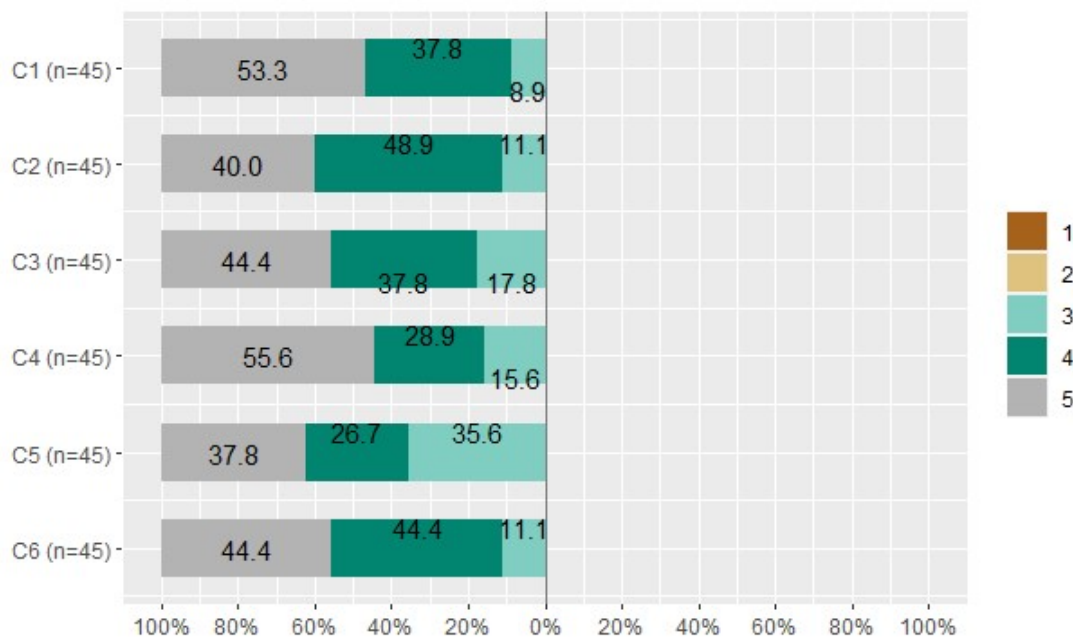
(3) Đánh giá chất lượng GDTC qua ý kiến phản hồi của cán bộ, giáo viên và học sinh

Sau khi áp dụng các giải pháp, bước đầu đánh giá chất lượng GDTC của trường THPT Viên Chăn thông qua ý kiến phản hồi của giáo viên. Kết quả

đánh giá chất lượng GDTC thông qua ý kiến phản hồi của 45 cán bộ, giáo viên thông qua 6 câu hỏi nhận định theo thang đo Likert 5 bậc. Kết quả thu được như trình bày tại bảng 3.24 và biểu đồ 3.18.

Bảng 3.24. Kết quả phỏng vấn về chất lượng giáo dục thể chất của trường trung học phổ thông Viêng Chăn

T T	Nội dung phỏng vấn	Giáo viên (n=45)	
		\bar{x}	$\pm\delta$
I	Chất lượng chương trình GDTC:		
C1	Chất lượng chương trình giáo dục thể chất hiện tại	4.44	0.66
C2	Tính toàn diện và phong phú của nội dung GDTC	4.29	0.66
II	Chất lượng giảng viên và hỗ trợ:		
C3	Chất lượng và năng lực của giáo viên GDTC	4.27	0.75
C4	Hỗ trợ từ phía giáo viên và nhân viên quản lý trong việc tham gia các hoạt động thể chất	4.4	0.75
III	Cơ sở vật chất và trang thiết bị:		
C5	Cơ sở vật chất và trang thiết bị dành cho GDTC tại trường	4.02	0.87
IV	Tham gia và cam kết của học sinh:		
C6	HS tham gia các hoạt động thể chất đủ nhiều và đúng mức	4.33	0.67



Biểu đồ 3.18. Tỷ lệ đánh giá về chất lượng giáo dục thể chất của trường trung học phổ thông Viêng Chăn

Kết quả thu được sau khi ứng dụng các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC ở bảng 3.24 và biểu đồ 3.18 cho thấy, với 6 câu hỏi phỏng vấn thuộc 4 nhóm, đánh giá chất lượng GDTC sinh ở trường THPT Viêng Chăn đã nhận được phản hồi ở mức tốt và rất tốt. Các ý kiến đều rất tập trung ở mức rất tốt (37.8 – 53.3%), tốt (28.9 – 48.9%). Điểm trung bình chung theo thang đo Likert có 5/6 câu hỏi và tốt có 1/6 câu hỏi. Cụ thể như sau:

Điểm trung bình chung của nhóm “Chất lượng chương trình GDTC” với “Chất lượng chương trình giáo dục thể chất hiện tại” đạt 4.44 điểm (rất đồng ý); “Tính toàn diện và phong phú của nội dung GDTC” đạt 4.29 điểm (rất đồng ý).

Điểm trung bình chung của nhóm “Chất lượng giảng viên và hỗ trợ”: “Chất lượng và năng lực của giáo viên GDTC” đạt 4.27 điểm (rất đồng ý); “Hỗ trợ từ phía giáo viên và nhân viên quản lý trong việc tham gia các hoạt động thể chất” đạt 4.44 điểm (rất đồng ý).

Điểm trung bình chung của nhóm “Cơ sở vật chất và trang thiết bị”: “Cơ sở vật chất và trang thiết bị dành cho GDTC tại trường” đạt 4.02 điểm (đồng ý).

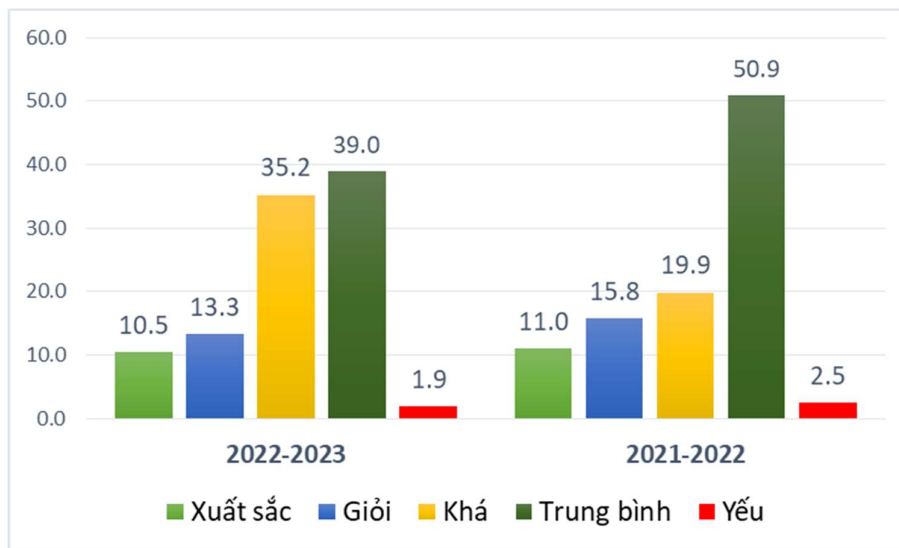
Điểm trung bình chung của nhóm “Tham gia và cam kết của học sinh”: “Học sinh tham gia các hoạt động thể chất đủ nhiều và đúng mức” đạt 4.33 điểm (rất đồng ý).

(4) Kết quả học tập môn thể dục của học sinh

Để đánh giá khách quan hơn nữa hiệu quả giải pháp nhằm nâng cao chất lượng GDTC của trường THPT Viêng Chăn, sau khi thi kết thúc môn học thể dục, đề tài tiến hành tổng hợp điểm của 105 học sinh thuộc năm học 2022-2023 và so sánh với kết quả học tập với năm học 2021-2022. Kết quả trình bày tại bảng 3.25 và biểu đồ 3.19.

Bảng 3.25. So sánh kết quả học tập môn thể dục của học sinh trường trung học phổ thông Viên Chăn

Xếp loại	2022-2023		2021-2022	
	Số lượng	%	Số lượng	%
Xuất sắc	11	10.48	62	10.99
Giỏi	14	13.33	89	15.78
Khá	37	35.24	112	19.86
Trung bình	41	39.05	287	50.89
Yếu	2	1.90	14	2.48
Tổng	105		564	
χ^2	12.421, df = 4, P = 0.015 < 0.05			



Biểu đồ 3.19. Tỷ lệ xếp loại kết quả học tập môn thể dục của học sinh trường trung học phổ thông Viên Chăn

Kết quả bảng 3.25 và biểu đồ 3.19 cho thấy: Tỷ lệ xếp loại kết quả học tập môn thể dục của học sinh năm học 2022-2023 cao hơn năm học 2021-2022, số lượng học sinh đạt điểm khá tăng lên rõ rệt, ngược lại số học sinh đạt điểm trung bình giảm xuống so với năm học 2021-2022. Kết quả cụ thể như sau:

- Kết quả xếp loại điểm xuất sắc: Tỷ lệ học sinh năm học 2022-2023 là 10.5% có sự tương đồng với năm học 2021-2022 là 11.0%.

- Kết quả xếp loại điểm giỏi: Tỷ lệ học sinh năm học 2022-2023 là 13.3% có sự tương đồng với năm học 2021-2022 là 15.8%.

- Kết quả xếp loại điểm khá: Tỷ lệ học sinh năm học 2022-2023 là 35.2% cao hơn năm học 2021-2022 là 19.9%.

- Kết quả xếp loại điểm trung bình: Tỷ lệ học sinh năm học 2022-2023 là 39.0% có sự giảm rõ rệt so với năm học 2021-2022 là 50.9%.

- Kết quả xếp loại điểm yếu không có sự chênh lệch lớn, với tỷ lệ học sinh năm học 2022-2023 là 1.9% cao hơn năm học 2021-2022 là 2.5%.

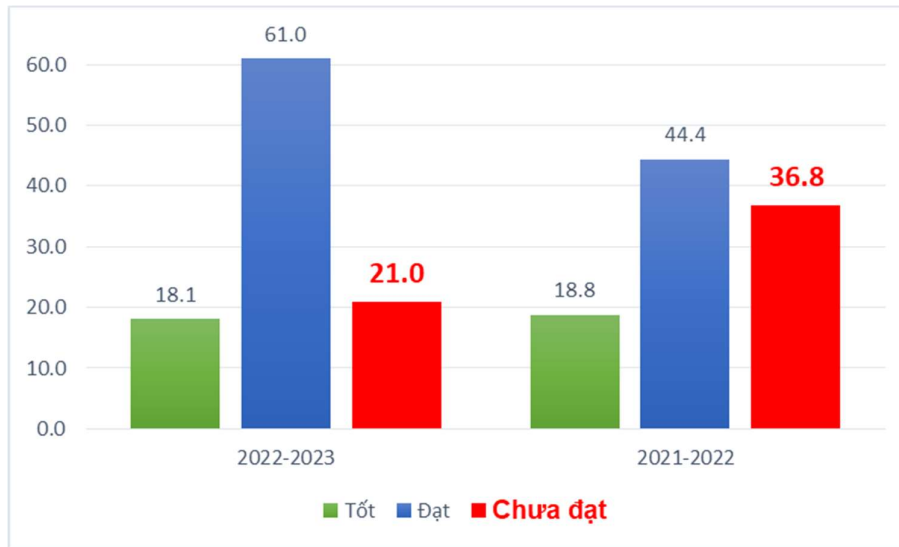
Kết quả kiểm định Khi bình phương giữa hai năm học là 12.421 với $P = 0.015 < 0.05$. Như vậy, kết quả học tập môn thể dục của học sinh trường THPT Viêng Chăn giữa học sinh của hai năm học có sự khác biệt, tức là năm học 2022-2023 tốt hơn hẳn so với năm học 2021-2022. Kết quả nghiên cứu này một lần nữa khẳng định hiệu quả của các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh trường THPT Viêng Chăn.

(5) Kết quả xếp loại thể lực học sinh

Để đánh giá hiệu quả giải pháp nhằm nâng cao chất lượng GDTC của trường THPT Viêng Chăn, luận án đã sử dụng 4 test của Việt Nam (bật xa tại chỗ; chạy 30m XPC; chạy con thoi $4 \times 10m$; chạy tùy sức 5 phút) để kiểm tra thể lực cho 105 học sinh của năm học 2022-2023. Từ kết quả thu được đem so sánh với 367 học sinh khảo sát ở năm học 2021-2022. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.26 và biểu đồ 3.20.

Bảng 3.26. So sánh kết quả xếp loại thể lực của học sinh trường trung học phổ thông Viêng Chăn

Xếp loại	2022-2023		2021-2022	
	Số lượng	%	Số lượng	%
Tốt	19	18.1	69	18.8
Đạt	64	61.0	163	44.4
Chưa đạt	22	21.0	135	36.8
Tổng	105		367	
χ^2	10.817, df = 4, P = 0.01 < 0.05			



Biểu đồ 3.20. Tỷ lệ xếp loại thể lực của học sinh trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn

Từ kết quả thu được ở bảng 3.26 và biểu đồ 3.20 cho thấy, khi so sánh tỷ lệ xếp loại tốt của các học sinh giữa hai năm học cho thấy có sự tương đồng nhau, còn tỷ lệ xếp loại đạt thì ở năm học 2022-2023 (61.0%) cao hơn năm học 2021-2022 (44.4%), và ngược lại tỷ lệ xếp loại chưa đạt của năm học 2022-2023 (21.0%) thấp hơn năm học 2021-2022 (36.8%). Như vậy, tỷ lệ xếp loại thể lực của năm học 2022-2023 cao hơn năm học 2021-2022.

Xem xét kết quả thu thông qua kiểm định Khi bình phương đã cho thấy có sự khác biệt rõ rệt giữa hai năm học, thể hiện ở kết quả kiểm định Khi bình phương (χ^2) giữa năm học 2022 – 2023 và 2021 - 2022 với giá trị thu được là 10.817 với $P = 0.01$ và nhỏ hơn 0.05. Hay nói cách khác là Khi bình phương tính lớn hơn Khi bình phương bảng nên kết quả xếp loại thể lực giữa học sinh ở hai năm học có sự khác biệt.

3.4. Bàn luận

(1) Về đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng GDTC cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào.

Chất lượng GDTC cho học sinh THPT tại thủ đô Viêng Chăn - Lào có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, bao gồm các yếu tố về môi trường, con người

và hệ thống giáo dục. Dưới đây là một số bàn luận về các yếu tố ảnh hưởng chính:

(1) Chương trình giảng dạy chưa phù hợp và tài liệu học tập còn thiếu: Nếu chương trình GDTC không được cập nhật theo xu hướng hiện đại hoặc không phản ánh đúng nhu cầu thể chất của học sinh, sẽ làm giảm hiệu quả giáo dục. Sự thiếu hụt về tài liệu, hướng dẫn cụ thể hoặc sách giáo khoa cho môn thể dục cũng ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng giảng dạy và học tập.

(2) Cơ sở vật chất và trang thiết bị chưa đáp ứng nhu cầu và thiếu trang thiết bị hiện đại: Trường học có thể thiếu sân chơi, phòng tập hay các thiết bị tập luyện cần thiết. Điều này giới hạn khả năng tổ chức các hoạt động thể chất đa dạng và an toàn. Đồng thời không có đủ các công cụ hỗ trợ như bóng, vợt, máy chạy bộ, dụng cụ đo lường sức khỏe, khiến học sinh không thể thực hành đầy đủ.

(3) Chất lượng giáo viên thể dục cần được bồi dưỡng để đảm bảo tính chuyên môn hóa cao: Chất lượng của giáo viên GDTC ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng hướng dẫn và truyền cảm hứng cho học sinh. Giáo viên thiếu kỹ năng, phương pháp giảng dạy sáng tạo và động lực có thể khiến học sinh không hứng thú với môn học. Ở một số trường, giáo viên không được đào tạo chuyên sâu về GDTC, điều này dẫn đến việc giảng dạy không hiệu quả.

(4) Thể chất và nhận thức của học sinh vẫn còn là rào cản tham gia các hoạt động thể chất: Nhiều học sinh có thái độ tiêu cực với môn thể dục, coi đây là môn học phụ hoặc không quan trọng. Điều này dẫn đến thiếu hứng thú và chủ động tham gia vào các hoạt động thể chất. Sức khỏe và thể chất ban đầu của học sinh có thể gặp khó khăn trong việc tham gia các hoạt động thể thao, làm giảm hiệu quả của quá trình học tập.

(5) Sự hỗ trợ từ gia đình và xã hội cần sự quan tâm và kết nối sâu sắc hơn nữa: Nếu phụ huynh không nhận thức rõ vai trò quan trọng của GDTC đối với sức khỏe và sự phát triển toàn diện của con cái, học sinh sẽ thiếu sự hỗ trợ cần thiết trong việc tham gia các hoạt động thể thao. Việc không có các hoạt

động thể thao ngoài giờ học, hoặc thiếu cơ hội tham gia các câu lạc bộ thể thao cộng đồng, sẽ hạn chế cơ hội rèn luyện và phát triển thể chất của học sinh.

(6) Chính sách ưu tiên, quan tâm từ nhà trường và cơ quan quản lý, tổ chức xã hội cần có sự đẩy mạnh hơn nữa: Sự ưu tiên cho các môn học chính và giảm bớt thời lượng cho GDTC có thể làm giảm chất lượng giáo dục thể chất. Nhà trường cần có chiến lược phát triển GDTC rõ ràng và đánh giá đúng tầm quan trọng của nó. Sự hỗ trợ về tài chính và chính sách từ phía chính phủ hoặc các tổ chức giáo dục giúp các trường có thể nâng cấp cơ sở vật chất và cải thiện chương trình giảng dạy.

(7) Phong trào tập luyện TDTT chưa phát triển mạnh mẽ. Điều này có thể đã ảnh hưởng đến thói quen vận động trong xã hội nói chung và các em học sinh nói riêng. Ở các cộng đồng nơi hoạt động thể thao không phổ biến hoặc không được khuyến khích, học sinh có thể không có thói quen vận động, ảnh hưởng đến việc tiếp thu giáo dục thể chất. Sự phát triển của thể thao trong cộng đồng, như việc tổ chức các sự kiện thể thao, phong trào rèn luyện sức khỏe, có thể tạo ra động lực và hứng thú cho học sinh tham gia tích cực hơn vào các hoạt động GDTC.

(8) Yếu tố khí hậu và địa lý của Lào có thể ảnh hưởng đến khả năng tổ chức các hoạt động thể thao ngoài trời. Những ngày nắng nóng hoặc mưa kéo dài có thể làm gián đoạn việc học và giảm hiệu quả của giáo dục thể chất.

Những bàn luận trên góp phần làm rõ thêm việc nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT ở Viêng Chăn, cần phải xem xét và cải thiện toàn diện từ chương trình học, cơ sở vật chất, chất lượng giáo viên, đến nhận thức của học sinh và gia đình. Đồng thời thông qua kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn về các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng GDTC cho học sinh THPT ở thủ đô Viêng Chăn - Lào có thể bao gồm một loạt các yếu tố ảnh hưởng khác nhau. Song bao hàm một số yếu tố chủ đạo như:

Chính sách và nguồn lực: Chính sách giáo dục và nguồn lực tài chính được phân bổ cho GDTC có ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng GDTC. Các

chính sách như chi tiêu cho cơ sở vật chất, đào tạo giáo viên và huấn luyện viên, cũng như quy định về thời lượng và chất lượng hoạt động thể chất đều quan trọng.

Chương trình giáo dục: Các chương trình giáo dục thể chất được thiết kế để đáp ứng nhu cầu cụ thể của học sinh ở thủ đô Viêng Chăn - Lào không chỉ cung cấp kiến thức về sức khỏe và thể chất mà còn khuyến khích tham gia vào hoạt động thể chất.

Cơ sở vật chất: Cơ sở vật chất bao gồm các phòng tập gym, sân vận động, khu vực chơi thể dục ngoài trời và các thiết bị thể dục khác. Việc có đủ cơ sở vật chất và thiết bị thể dục phù hợp có thể khuyến khích học sinh tham gia vào hoạt động thể chất.

Đào tạo và phát triển giáo viên: Sự đào tạo và phát triển chuyên môn của giáo viên GDTC ở thủ đô Viêng Chăn - Lào cũng là một yếu tố quan trọng. Giáo viên cần được đào tạo về các phương pháp giảng dạy thể dục hiệu quả và cách tạo động lực cho học sinh tham gia vào hoạt động thể chất.

Văn hóa và ý thức cộng đồng: Văn hóa và ý thức cộng đồng có thể ảnh hưởng đến việc đánh giá và đánh giá giáo dục thể chất. Sự ủng hộ từ phía gia đình, xã hội và cộng đồng có thể khuyến khích học sinh tham gia vào hoạt động thể chất và tạo ra một môi trường học tập tích cực.

Yếu tố văn hóa và xã hội: Yếu tố văn hóa và xã hội như giới tính, gia đình, văn hóa thể thao địa phương, và áp lực học tập có thể ảnh hưởng đến việc tham gia và tận hưởng các hoạt động thể chất của học sinh.

Kế hoạch và chương trình giáo dục thể chất: Các chương trình giáo dục thể chất cần được thiết kế một cách có cơ sở và linh hoạt để phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh, bao gồm cả việc tạo ra các hoạt động thú vị và thú vị để thu hút học sinh tham gia.

Kết quả tổng hợp, phân tích trong phần tổng quan cũng cho thấy có nhiều đề tài và nghiên cứu có thể được thực hiện để khám phá các yếu tố ảnh hưởng

đến chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn - Lào. Song tựu chung chỉ ở một số ý tưởng nhất định như:

Đánh giá hiệu quả của chính sách GDTC: Nghiên cứu có thể tập trung vào việc đánh giá hiệu quả của các chính sách GDTC hiện đang được triển khai ở Viêng Chăn - Lào. Điều này bao gồm việc phân tích tài nguyên được cấp, sự tham gia của học sinh, và kết quả đạt được trong việc cải thiện sức khỏe và hiệu suất học tập.

Tác động của môi trường thể chất: Nghiên cứu về tác động của môi trường thể chất, bao gồm cả cơ sở vật chất và văn hóa, đối với sự tham gia và trải nghiệm của học sinh trong GDTC. Các yếu tố như sự hiện diện của thiết bị thể dục, không gian vận động và ý thức cộng đồng có thể được xem xét.

Tạo động lực và tham gia của học sinh: Nghiên cứu về cách tạo động lực và khuyến khích sự tham gia của học sinh trong các hoạt động GDTC. Điều này có thể bao gồm việc nghiên cứu về yếu tố nội tại và ngoại tại tác động đến ý chí và động lực của học sinh.

Tầm quan trọng của đào tạo giáo viên: Nghiên cứu về tầm quan trọng của đào tạo và phát triển chuyên môn của giáo viên GDTC. Việc đánh giá các chương trình đào tạo và xác định các yếu tố quan trọng để giáo viên có thể tạo ra một môi trường học tập tích cực trong GDTC.

Yếu tố văn hóa và xã hội: Nghiên cứu về cách yếu tố văn hóa và xã hội như giới tính, gia đình, và văn hóa thể thao địa phương ảnh hưởng đến sự tham gia và trải nghiệm của học sinh trong GDTC. Điều này có thể bao gồm việc phân tích các giá trị và niềm tin xã hội liên quan đến GDTC.

Sự ảnh hưởng của công nghệ: Nghiên cứu về cách sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) có thể ảnh hưởng đến GDTC và cách sử dụng công nghệ để tăng cường trải nghiệm GDTC cho học sinh.

Những nghiên cứu này có thể cung cấp thông tin quý giá để cải thiện chất lượng GDTC và tạo ra các chương trình và chính sách hiệu quả hơn cho học sinh trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn - Lào. Song những đánh giá

về chất lượng GDTC cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn – Lào của luận án khi so sánh với các công trình hiện có mang tính toàn diện, hệ thống hơn.

(2) Về giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào.

Hiện nay, các trường THPT tại thủ đô Viêng Chăn đang triển khai một số giải pháp để nâng cao chất lượng GDTC. Những giải pháp này nhằm cải thiện sức khỏe, phát triển thể chất và xây dựng thói quen vận động cho học sinh. Tuy nhiên, việc thực hiện vẫn đang gặp nhiều thách thức và cần được điều chỉnh, cải tiến liên tục.

Nhiều trường học tại Viêng Chăn đã tiến hành điều chỉnh chương trình GDTC để làm cho nó phù hợp hơn với điều kiện thực tế của học sinh. Các môn thể thao phổ biến như bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, và chạy bộ vẫn chiếm ưu thế. Một số trường cũng bắt đầu đưa vào chương trình các hoạt động mới như aerobic và yoga. Điều này giúp chương trình trở nên đa dạng hơn, từ đó làm tăng tính hấp dẫn cho học sinh. Tuy nhiên, nội dung chương trình vẫn cần được cập nhật để phù hợp hơn với nhu cầu phát triển thể chất và kỹ năng mềm của học sinh trong thời đại mới.

Về đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn, một số giáo viên đã tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn để cập nhật phương pháp giảng dạy mới trong GDTC. Điều này giúp giáo viên áp dụng các phương pháp giảng dạy linh hoạt, hiện đại hơn, như hướng dẫn thể thao theo nhóm, hoặc kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Dù đã có những cải thiện, song việc đào tạo giáo viên chưa được thực hiện rộng rãi và chưa thường xuyên, dẫn đến sự khác biệt về chất lượng giảng dạy giữa các trường.

Với việc nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị, một số trường tại Viêng Chăn đã có những bước tiến trong việc đầu tư cải thiện sân bãi thể thao, trang bị thêm bóng, vợt, và dụng cụ luyện tập thể chất. Những trường có điều kiện hơn cũng bắt đầu trang bị các thiết bị hiện đại như máy đo nhịp tim, dụng cụ

hỗ trợ phục hồi cơ bắp. Việc cải thiện cơ sở vật chất giúp học sinh có điều kiện tốt hơn để luyện tập thể thao, nhưng vẫn còn nhiều trường thiếu thôn về trang thiết bị, khiến cho các hoạt động thể thao bị hạn chế, không đáp ứng được nhu cầu đa dạng của học sinh.

Đối với tổ chức các hoạt động thể thao ngoài khóa, nhiều trường đã tổ chức các giải đấu thể thao thường niên như bóng đá, cầu lông, bóng chuyền nhằm khuyến khích học sinh tham gia tích cực hơn vào các hoạt động thể chất. Các sự kiện như “Ngày hội thể thao” cũng được tổ chức nhằm tạo không khí vui tươi, lành mạnh và nâng cao ý thức vận động. Các hoạt động này giúp tăng cường sự gắn kết giữa học sinh và thúc đẩy tinh thần thể thao trong nhà trường. Tuy nhiên, các hoạt động này thường mang tính chất ngắn hạn và chưa đủ để hình thành thói quen vận động lâu dài cho học sinh.

Một số trường đã phối hợp với phụ huynh trong việc khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động thể thao ngoài giờ học. Đồng thời, các sự kiện thể thao cũng mời gọi sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội để tạo ra môi trường thể thao toàn diện hơn cho học sinh. Việc này giúp tạo môi trường vận động không chỉ trong nhà trường mà còn lan tỏa ra cộng đồng, giúp học sinh có thêm động lực rèn luyện. Tuy nhiên, sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng vẫn còn hạn chế và chưa đồng đều giữa các khu vực.

Khuyến khích phong trào thể dục trong học đường, nhiều trường đã khuyến khích học sinh tham gia tập thể dục buổi sáng hoặc giữa các giờ học để nâng cao sức khỏe. Điều này giúp học sinh có thói quen vận động và giữ cơ thể linh hoạt trong suốt ngày học. Đây là hoạt động có tác động tích cực đến sức khỏe và tinh thần của học sinh, nhưng cần được tổ chức đều đặn hơn và có sự giám sát chặt chẽ để đạt hiệu quả tối ưu.

Có thể nói, những giải pháp nâng cao chất lượng GDTC tại các trường THPT ở Viên Chăn hiện nay đã mang lại những kết quả nhất định, nhưng vẫn cần nhiều nỗ lực để phát triển toàn diện hơn. Cần có sự đầu tư mạnh mẽ hơn vào cơ sở vật chất, đào tạo giáo viên và tạo ra các chương trình giảng dạy linh

hoạt, sáng tạo, nhằm khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động thể chất. Việc kết hợp giữa giáo dục, công nghệ, và sự tham gia của cộng đồng sẽ là chìa khóa để nâng cao chất lượng GDTC trong tương lai.

Căn cứ cơ sở lý luận và kết quả đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng GDTC cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào, đề tài đã đề xuất được 6 giải pháp. Để xây dựng các giải pháp, đề tài đã có căn cứ rõ ràng thông qua phân tích SWOT, sự định hướng về mục tiêu và yêu cầu của các giải pháp được xây dựng. Cấu trúc mỗi giải pháp được xây dựng gồm 3 phần: mục đích, nội dung và điều kiện thực hiện.

So sánh các giải pháp xây dựng với các công trình nghiên cứu của một số tác giả như: Võ Văn Vũ (2015) về “Đánh giá thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường trung học phổ thông ở Đà Nẵng”; tác giả Vũ Đức Văn (2008) về “Nghiên cứu một số giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học cơ sở của thành phố Hải Dương”. Kết quả cho thấy có sự tương đồng về hình thức thể hiện về cấu trúc từng giải pháp, đối tượng tác động (cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên, học sinh...), cơ sở vật chất... Các giải pháp tác động đều có hướng khu trú vào các vấn đề lớn như: quản trị ngành giáo dục, quản trị nhà trường, giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy, học sinh, CSVN... Tuy nhiên, so với kết quả của các công trình đã nghiên cứu, đề tài đã có sự khác biệt ở phần nội dung, chủ thể thực hiện các giải pháp. Trong phần nội dung của mỗi giải pháp đã được đề tài cụ thể hóa thành các nhiệm vụ rõ ràng. Do vậy, nó sẽ trở thành những cơ sở hết sức quan trọng khi đề ra các biện pháp thực hiện các nhiệm vụ, cũng như các chỉ số đo lường kiểm soát, đánh giá chất lượng GDTC trong thực tế.

Để nâng cao chất lượng giáo dục thể chất (GDTC) cho học sinh trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn – Lào những giải pháp mà luận án đề xuất đã tác động đến nhiều mặt của quản lý chất lượng GDTC. Song chủ yếu vào

những tồn tại, hạn chế của chất lượng GDTC cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào:

Tăng cường nguồn lực và cơ sở vật chất: Cung cấp nguồn lực đầy đủ và cơ sở vật chất hiện đại cho các trường học và tổ chức thể dục thể thao. Điều này bao gồm việc cải thiện cơ sở vật chất như sân vận động, phòng tập gym, thiết bị thể dục, và khu vực ngoài trời.

Đào tạo và phát triển giáo viên: Tăng cường đào tạo và phát triển chuyên môn cho giáo viên GDTC để họ có thể áp dụng các phương pháp giảng dạy hiệu quả và tạo ra một môi trường học tập tích cực cho học sinh. Điều này có thể bao gồm cả đào tạo về các chương trình thể chất đa dạng và phù hợp với nhu cầu cụ thể của học sinh.

Phát triển chương trình đa dạng: Thiết kế các chương trình GDTC đa dạng và phong phú để phù hợp với nhu cầu và sở thích của các nhóm học sinh khác nhau. Các hoạt động như thể dục buổi sáng, môn thể thao, yoga, võ thuật, và các hoạt động ngoại khóa khác có thể được tích hợp vào chương trình giáo dục.

Khuyến khích tham gia: Tạo ra các chương trình và hoạt động GDTC hấp dẫn và thú vị để khuyến khích học sinh tham gia. Điều này có thể bao gồm việc tổ chức các sự kiện thể thao, cuộc thi, và các hoạt động vận động nhóm.

Tạo điều kiện thuận lợi: Tạo ra môi trường thuận lợi và an toàn cho học sinh tham gia vào các hoạt động thể chất. Cải thiện cơ sở vật chất, bảo vệ sức khỏe và an toàn cho học sinh trong khi tham gia vào các hoạt động thể chất.

Tăng cường hợp tác cộng đồng: Xây dựng mối quan hệ với các tổ chức và cộng đồng địa phương để tăng cường hỗ trợ và tài nguyên cho các chương trình GDTC. Các tổ chức thể thao địa phương, các nhà vận động và bậc cha mẹ có thể đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp hỗ trợ và tài nguyên cho các chương trình thể chất.

Bằng cách thực hiện những giải pháp này, chất lượng GDTC cho học sinh trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn - Lào đã được nâng cao, giúp họ phát triển toàn diện về mặt thể chất và tinh thần.

(3) Về hiệu quả một số giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào.

Hiệu quả của các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT tại thủ đô Viêng Chăn hiện đang triển khai có thể đánh giá dựa trên nhiều khía cạnh. Mặc dù các giải pháp đã và đang được triển khai nhằm cải thiện sức khỏe thể chất và tinh thần của học sinh, vẫn tồn tại những hạn chế và thách thức.

Việc điều chỉnh chương trình GDTC để đa dạng hóa các môn thể thao và hoạt động đã mang lại kết quả tích cực ở một số trường. Các môn thể thao mới như yoga, aerobic hay bóng rổ tạo ra sự hứng thú và khuyến khích học sinh tham gia tích cực hơn. Chương trình không chỉ giới hạn ở việc rèn luyện thể lực mà còn hướng tới phát triển toàn diện, bao gồm các kỹ năng mềm như làm việc nhóm và quản lý thời gian. Tuy nhiên, việc cải tiến chương trình vẫn chưa đồng bộ và chưa áp dụng rộng rãi ở tất cả các trường. Ở nhiều nơi, GDTC vẫn bị xem là môn phụ, không được quan tâm đúng mức. Sự hạn chế về nguồn lực và thiếu sự đào tạo cho giáo viên trong việc triển khai chương trình mới cũng ảnh hưởng đến tính hiệu quả.

Những khóa đào tạo chuyên môn giúp giáo viên GDTC nắm vững hơn các phương pháp giảng dạy hiện đại, ứng dụng công nghệ và các kỹ thuật giảng dạy sáng tạo. Một số giáo viên đã thành công trong việc tạo ra môi trường học tập sinh động, từ đó kích thích sự hứng thú của học sinh. Mặc dù có sự cải thiện trong đào tạo giáo viên, việc này vẫn chưa được thực hiện đầy đủ và thường xuyên trên quy mô lớn. Sự thiếu hụt về số lượng và chất lượng giáo viên được đào tạo bài bản, đặc biệt là ở các vùng nông thôn hoặc các trường thiếu thốn nguồn lực, khiến cho các giải pháp này chưa đạt được hiệu quả tối ưu.

Ở một số trường tại Viên Chăn, việc đầu tư vào cơ sở vật chất như sân thể thao, phòng tập và trang thiết bị đã tạo điều kiện tốt hơn cho học sinh tham gia các hoạt động thể chất. Việc có đủ trang thiết bị giúp học sinh trải nghiệm và rèn luyện đa dạng hơn các kỹ năng thể thao. Tuy nhiên, điều kiện cơ sở vật chất giữa các trường vẫn còn rất chênh lệch. Ở nhiều trường, trang thiết bị thể thao còn thiếu thốn hoặc cũ kỹ, không đáp ứng được yêu cầu của chương trình giảng dạy hiện đại. Điều này ảnh hưởng lớn đến khả năng rèn luyện và thực hành của học sinh.

Các giải đấu thể thao nội và liên trường đã khuyến khích học sinh tham gia nhiều hơn vào các hoạt động thể chất, giúp cải thiện sức khỏe và phát triển tinh thần thể thao lành mạnh. Các hoạt động này cũng giúp học sinh học cách làm việc nhóm và rèn luyện tinh thần cạnh tranh công bằng. Mặc dù các sự kiện thể thao ngoại khóa mang lại hiệu quả tích cực, chúng vẫn chưa được tổ chức thường xuyên và chỉ giới hạn ở một số môn thể thao truyền thống. Sự thiếu hụt về nguồn lực tổ chức và tài trợ từ cộng đồng cũng là rào cản khiến các hoạt động này chưa đạt được tiềm năng tối đa.

Việc kết nối với gia đình và cộng đồng đã giúp tạo nên môi trường vận động tích cực cho học sinh cả trong và ngoài trường học. Một số phụ huynh nhận ra tầm quan trọng của GDTC và khuyến khích con em mình tham gia các hoạt động thể thao. Tuy nhiên, ở nhiều trường, sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng vẫn còn hạn chế. Phụ huynh thường coi GDTC là không quan trọng hoặc không cần thiết, dẫn đến sự thiếu hụt sự hỗ trợ từ phía gia đình. Điều này làm giảm động lực của học sinh trong việc tham gia các hoạt động thể thao.

Các hoạt động thể dục giữa giờ học và buổi sáng giúp học sinh duy trì thể lực tốt, tăng cường sự tập trung và khả năng học tập. Những hoạt động này còn giúp học sinh hình thành thói quen vận động thường xuyên. Việc duy trì phong trào này vẫn chưa được tổ chức đều đặn và có hệ thống ở nhiều trường. Một số học sinh và giáo viên chưa coi trọng hoạt động này, dẫn đến việc thực hiện còn mang tính hình thức, thiếu sự hiệu quả.

Tóm lại: Hiệu quả của các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT tại Viêng Chăn đã đạt được một số kết quả nhất định, đặc biệt trong việc tạo động lực cho học sinh tham gia các hoạt động thể thao và nâng cao nhận thức về sức khỏe. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức cần khắc phục, bao gồm sự thiếu đồng đều về cơ sở vật chất, trình độ giáo viên và sự tham gia của cộng đồng. Để các giải pháp này thực sự hiệu quả, cần có sự đầu tư mạnh mẽ hơn từ phía chính quyền và sự cam kết chặt chẽ từ các trường học, phụ huynh và cộng đồng.

So sánh với một số các công trình khoa học liên quan, 6 giải pháp mà luận án xây dựng có những khác biệt. Các giải pháp có sự tác động đồng bộ đến các nhóm đối tượng: quản trị ngành giáo dục, quản trị nhà trường, giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy, học sinh, CSVN. Các giải pháp và nhiệm vụ nâng cao chất lượng GDTC nhận được sự đồng thuận cao của các cán bộ quản lý, giáo viên.

Trong quá trình xây dựng các giải pháp đã chú trọng tới khả năng đáp ứng điều kiện hoàn cảnh hiện tại của công tác GDTC ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào. Việc ứng dụng bước đầu các giải pháp trong thực tiễn đã mang lại hiệu quả nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh trường THPT Viêng Chăn - Lào.

Về kết quả ứng dụng các giải pháp đã đem lại hiệu quả tích cực bước đầu, dưới góc độ nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên và học sinh đã cho thấy có sự chuyển biến rõ rệt, nhìn nhận, đánh giá đúng mức về mối quan hệ giữa quá trình học tập và hoạt động GDTC. Đồng thời, chuyển đổi tốt thành tính tích cực, chủ động học tập, rèn luyện để nâng cao chất lượng hoạt động GDTC trong nhà trường và từng học sinh. Điều này bước đầu đã cho thấy những ảnh hưởng, tác động tích cực từ các giải pháp được triển khai.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

A. Kết luận

Từ những kết quả nghiên cứu của đề tài, cho phép đi đến một số kết luận sau:

1. Luận án đã xác định được 3 nhóm yếu tố biểu hiện của chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào. Cụ thể: (1) Cơ hội học tập tốt; (2) Nội dung học tập ý nghĩa; (3) Dạy học phù hợp; (4) Nhu cầu, động cơ của học sinh; (5) Kết quả học tập và thể lực của học sinh. Đồng thời xác định được 6 yếu tố tác động đến quản lý chất lượng GDTC ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào: (1) Cơ chế, chính sách của nhà nước; (2) Mục tiêu và chương trình đào tạo; (3) Đội ngũ giáo viên; (4) Cơ sở vật chất – trang thiết bị; (5) Phương pháp giảng dạy; (6) Đội ngũ học sinh.

Luận án đã đánh giá được thực trạng chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn – Lào: Đa số các yếu tố biểu hiện của chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào ở mức trung bình và kém (chiếm tỷ lệ 54%); xếp loại thể lực của học sinh còn thấp và chưa tích cực tham gia hoạt động thể thao. Các yếu tố tác động đến quản lý chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào còn tồn tại bất cập, 3/6 yếu tố thuộc mức trung bình (chiếm tỷ lệ 50%) và 3/6 yếu tố và thuộc mức yếu (chiếm tỷ lệ 50%). Kết quả này đã cho thấy sự cần thiết phải có các giải pháp để tác động, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào.

2. Luận án đã xác định được 6 giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn – Lào. Các giải pháp đã lựa chọn nhận được ý kiến đánh giá của các cán bộ quản lý, chuyên gia và giáo viên ở mức rất cần thiết và rất khả thi. Cụ thể: (1) Tuyên truyền và nâng cao nhận thức về nâng cao chất lượng GDTC; (2) Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để nâng cao chất lượng GDTC; (3) Đổi mới phương pháp quản lý của Ban giám hiệu trường THPT trong nâng cao chất lượng GDTC; (4) Nâng cao năng lực của cán bộ quản lý và giáo viên GDTC; (5) Phát triển chương trình

GDTC toàn diện và hoạt động thể thao ngoại khóa đa dạng; (6) Tăng cường đầu tư và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và trang thiết bị TĐTT.

3. Ứng dụng các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh trường THPT Viêng Chăn – Lào được tiến hành trong thời gian 01 năm học (2022-2023) đã đem lại hiệu quả rõ rệt. Thể hiện qua kết quả đánh giá các nội dung của công tác GDTC đều có sự gia tăng: (1) Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên và học sinh; (2) Kết quả đánh giá các nhân tố tác động đến quản lý chất lượng GDTC; (3) Đánh giá chất lượng GDTC qua ý kiến phản hồi của cán bộ, giáo viên và học sinh; (4) Kết quả học tập môn thể dục của học sinh; (5) Kết quả xếp loại thể lực học sinh.

B. Kiến nghị

Từ những kết luận của luận án, cho phép đi đến kiến nghị sau:

1. Các tiêu chí đánh giá chất lượng GDTC của đề tài xác định cần được tiếp tục đánh giá và áp dụng trong thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh các trường THPT ở thủ đô Viêng Chăn – Lào.

2. Các giải pháp của đề tài đã đề xuất cần thiết được tiếp tục triển khai nhằm góp phần nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh các trường THPT ở thủ đô Viêng Chăn – Lào.

3. Để nâng cao hơn nữa chất lượng GDTC cho học sinh các trường THPT ở thủ đô Viêng Chăn – Lào, có một số hướng nghiên cứu tiếp theo cần được tiếp tục thực hiện: Ảnh hưởng của GDTC đối với học sinh; Nghiên cứu về phương pháp giảng dạy và quản lý lớp học trong GDTC; Khảo sát về những rào cản và thách thức trong việc thực hiện chương trình GDTC; Nghiên cứu về vai trò của công nghệ trong GDTC; Nghiên cứu về mối liên hệ giữa GDTC và kết quả học tập; Nghiên cứu về tác động của môi trường thể chất lên tâm lý và tinh thần của học sinh. Bằng cách tiếp tục nghiên cứu các chủ đề này, chúng ta có thể hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của GDTC và phát triển các phương pháp, chương trình hiệu quả để nâng cao chất lượng GDTC.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CÓ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Bounnuang Kamphengthong (2023), “Thực trạng nhu cầu, động cơ, lý do không tích cực tham gia các hoạt động thể thao của học sinh trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn - Lào”, *Tạp chí khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao*, số 2/2023, tr. 37 - 40.
2. Bounnuang Kamphengthong (2023), “Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viêng Chăn - Lào”, *Tạp chí khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao*, số 5/2023, tr. 45 - 51.
3. Bounnuang Kamphengthong (2024), “Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể dục thể chất cho học sinh Trung học phổ thông Thủ đô Viêng Chăn - Lào”, *Tạp chí khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao*, số 4/2024, tr. 52 - 55.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tiếng Việt

1. Nguyễn Ngọc Kim Anh (2013), “*Nghiên cứu phát triển TDTT quần chúng xã, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Bắc*”, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện khoa học TDTT Hà Nội.
2. Phạm Đình Bẩm (2003), *Quản lý chuyên ngành TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
3. Phạm Đình Bẩm (2005), *Một số vấn đề cơ bản về quản lý TDTT* – Nxb TDTT, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục - Đào tạo (2016), Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 Quy định về Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
5. Lê Khánh Bằng (1973), *Tổ chức quá trình dạy học Đại học*, Viện nghiên cứu Đại học và giáo dục chuyên nghiệp.
6. Trần Xuân Bách (2009), “*Đánh giá giảng viên đại học theo hướng chuẩn hóa trong giai đoạn hiện nay*”, Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Dương Nghiệp Chí và các cộng sự. (2004), *Đo lường thể thao*, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội.
8. Nguyễn Đức Chính (chủ biên), *Kiểm định chất lượng trong Giáo dục đại học*, NXB Quốc gia Hà Nội 2002.
9. Nguyễn Đức Chính & Nguyễn Phương Nga, Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo dùng cho các trường đại học tại Việt Nam, Đề tài độc lập cấp Nhà nước, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.
10. Chính phủ Việt Nam - Nghị định 11/2015/NĐ-CP ban hành ngày 31/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về *Quy định về GDTC và hoạt động thể thao trong nhà trường*.

11. Phạm Cao Cường (2019), *Nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình GDTC tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ) cho sinh viên Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Công nghiệp*, Luận án tiến sĩ giáo dục học, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
12. Hoàng Công Dân (2005), *Nghiên cứu phát triển thể chất cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú khu vực miền núi phía Bắc từ 15 – 17 tuổi*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học TDTT.
13. Lê Yên Dung (2010), “*Mô hình quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học trong đại học đa ngành, đa lĩnh vực*”, Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
14. Trần Khánh Đức, *Đo lường và Đánh giá trong giáo dục*, Khoa Sư phạm, Đại học Quốc gia Hà Nội.
15. Nguyễn Minh Đường (2004), *Cơ sở khoa học và phương pháp xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục THCN*. Báo cáo khoa học đề tài CTGD-2004-01.
16. Nguyễn Trường Giang (2018), *Nghiên cứu xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Cầu lông cho sinh viên Đại học khối các Trường kỹ thuật Thành phố Thái Nguyên*, Luận án tiến sĩ giáo dục học, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
17. Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2001), *Giáo trình Khoa học quản lý*, tập 1 và tập 2, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
18. Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2007), *Giáo trình Quản trị học*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội.
19. Phạm Minh Hạc (2003), *Tầm nhìn về chất lượng giáo dục ở Việt Nam, Hội thảo quốc gia về chất lượng giáo dục và kỹ năng sống*, Hà Nội, tháng 10/2003.
20. Lê Trường Sơn Chấn Hải (2012), “*Đổi mới chương trình GDTC cho sinh viên các trường đại học sư phạm vùng trung bắc theo hướng bồi*

đưỡng nghiệp vụ tổ chức hoạt động TĐTT trường học”, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện khoa học TĐTT Hà Nội.

21. Hội đồng biên soạn tài liệu các học viện TĐTT Trung Quốc (1988), *Quản lý học TĐTT*, dịch: Đinh Thọ, Nxb TĐTT, Hà Nội.
22. Nguyễn Việt Hoà (2019), *Biện pháp nâng cao hiệu quả học tập môn học GDTC cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội theo hướng tích cực hoá người học*, Luận án tiến sĩ giáo dục học, Viện Khoa học TĐTT.
23. Trần Thị Hoài (2009), “*Nghiên cứu đánh giá thẩm định chương trình giáo dục đại học*”, Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
24. Sái Công Hồng (2014), “*Quản lý chương trình đào tạo đại học ngành quản trị kinh doanh ở Đại học Quốc gia Hà Nội theo tiếp cận đảm bảo chất lượng của mạng lưới các trường đại học khu vực Đông Nam Á (AUN)*”, Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
25. Vũ Xuân Hồng (2010), “*Nghiên cứu mô hình quản lý chất lượng đào tạo tại đại học ngoại ngữ quân sự*”, Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
26. Đặng Thành Hưng (2004), *Một số vấn đề lý luận và kỹ thuật đánh giá sự phát triển giáo dục*. Tài liệu Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, 2004.
27. Nguyễn Thái Hưng (2019), *Nghiên cứu giải pháp phát triển bơi lội chống đuối nước cho học sinh tiểu học tại các trường có bể bơi của tỉnh Hải Dương*, Luận án tiến sĩ giáo dục học, Viện Khoa học TĐTT.
28. Nguyễn Mai Hương (2011), “*Quản lý quá trình dạy và học theo học chế tín chỉ trong các trường đại học ở Việt Nam giai đoạn hiện nay*”, Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.

29. Nguyễn Công Khanh (2004), *Đánh giá và Đo lường trong khoa học xã hội*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
30. Nguyễn Trung Kiên (2014), “*Quản lý chất lượng đào tạo cử nhân sư phạm theo tiếp cận TQM và ứng dụng công nghệ thông tin trong đại học đa ngành, đa lĩnh vực*”, Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
31. Trần Kiều (2004), *Về chất lượng giáo dục*. Báo cáo khoa học đề tài CTGD-2004-01.
32. Lê Văn Lãm, Vũ Đức Thu (2000), *Thực trạng phát triển thể chất học sinh, sinh viên trước thềm thế kỷ 21*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
33. Lê Văn Lãm, Phạm Trọng Thanh (2000), *GDTC của một số nước trên thế giới*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
34. Lê Đức Long (2020), *Nghiên cứu xây dựng chương trình dạy bơi ban đầu cho trẻ em 7 - 8 tuổi các tỉnh miền Bắc*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh.
35. Nguyễn Văn Ly (2010), “*Quản lý chất lượng đào tạo đại học trong các học viện, trường công an nhân dân*”, Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
36. Đặng Quốc Nam (2006), “*Nghiên cứu các giải pháp xã hội hóa nhằm khai thác tiềm năng để phát triển TĐTT quần chúng ở thành phố Đà Nẵng*”, Luận án tiến sĩ giáo dục học, Viện khoa học TĐTT Hà Nội.
37. Trần Lê Hữu Nghĩa (2011), “*Những quan niệm về chất lượng giáo dục ĐH*”, Tạp chí Tia sáng - Bộ Khoa học và Công nghệ.
38. Nguyễn Đình Phan (2005) – “*Giáo trình quản lý chất lượng trong các tổ chức*” – Nxb Lao động – Xã hội, Hà Nội.
39. Hồ Đăng Phúc (2010), *Phần mềm phân tích số liệu SPSS*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, TP. Hồ Chí Minh.
40. Lê Quý Phương (2009), *Cẩm nang sử dụng các test đánh giá thể lực*, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội.

41. Trần Linh Quân (2013), “*Nghiên cứu xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng*”, Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
42. Đỗ Đình Quang (2013), “*Nghiên cứu một số giải pháp phát triển thể chất nhằm nâng cao kết quả học tập thực hành kỹ thuật các môn thể thao trong chương trình đào tạo sinh viên TDTT trường Đại học Hải Phòng*”, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện khoa học TDTT Hà Nội.
43. Nguyễn Duy Quyết (2012), *Nghiên cứu ứng dụng chương trình “Điền kinh cho trẻ em” của Hiệp hội các Liên đoàn Điền kinh Quốc tế tại một số trường tiểu học khu vực phía Bắc Việt Nam*, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện Khoa học TDTT.
44. Hồ Đắc Sơn (2004), “*Nâng cao hiệu quả hướng nghiệp của chương trình GDTC cho sinh viên khoa giáo dục tiểu học*”, Luận án tiến sĩ giáo dục học, Viện khoa học TDTT Hà Nội.
45. Nguyễn Đức Thành (2013), “*Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên một số trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh*”, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện khoa học TDTT Hà Nội.
46. Lê Minh Thiên (2011), “*Cơ sở khoa học phát triển trung tâm giáo dục thường xuyên ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long*”, Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
47. Lâm Quang Thiệp (2012), *Đo lường và đánh giá hoạt động học tập trong nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
48. Nguyễn Văn Thời (2011), “*Nghiên cứu tổ chức dạy học tự chọn theo chủ đề cơ bản môn thể dục trong các trường trung học cơ sở*”, Luận án tiến sĩ giáo dục học, Viện khoa học TDTT Hà Nội.

49. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn (2000), *Lý luận và phương pháp TĐTT*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
50. *Từ điển bách khoa Việt Nam* (tập 2, tập 4), Nxb Từ điển bách khoa, 2002, 2005.
51. Đồng Văn Triệu (2006), *Lý luận và phương pháp GDTC trong trường học*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
52. Nguyễn Văn Tuấn (2020), *Phân tích dữ liệu với R*, Nxb Tổng hợp, TP. Hồ Chí Minh.
53. Vũ Đức Văn (2008), “*Nghiên cứu một số giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh trung học cơ sở của thành phố Hải Dương*”, Luận án tiến sĩ giáo dục học, Viện khoa học TĐTT Hà Nội.
54. Nguyễn Huy Vị (2009), “*Nghiên cứu mô hình trường cao đẳng cộng đồng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương ở Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
55. Phạm Ngọc Viễn, Lê Văn Xem, Mai Văn Muôn, Nguyễn Thanh Nữ (1991), *Tâm lý học TĐTT*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
56. Võ Văn Vũ (2015), “*Đánh giá thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả GDTC và hoạt động thể thao trong trường trung học phổ thông ở Đà Nẵng*”, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện khoa học TĐTT Hà Nội.
57. Nguyễn Như Ý (1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hoá Thông tin.

2. Tiếng Anh

58. Allan C. Ornstein and Francis P. Hunkins (1998), *Curriculum: Foundations, Principles, and Issues*, Allyn and Bacon.
59. Ronald C. Doll (1996), *Curriculum Improvement - decision making and process*, Publisher: Allyn & Bacon.

60. Walter Ho, Md. Dilsad Ahmed, Rosa Lopez de D'Amico, Argenira Ramos, Eliana Lucia Ferreira, Maria Beatriz Rocha Ferreira, Silvia Cristina Franco Amaral, Oswaldo Ceballos Gurrola, Gladys Bequer Diaz, Adelaida Ramos, Luz Amelia Hoyos, Angela Jasmin, Andrea Rivera Duque, Rudolph Leon Van Niekerk, Fan Huang, Beatriz Wong (2018), Measuring the perception of quality physical education in Latin American professionals, *Revista Brasileira de Ciências do Esporte*, Volume 40, Issue 4, October–December 2018, Pages 361-369.
61. Walter King Yan Ho, Md. Dilsad Ahmed, Nyit Chin Keh, Selina Khoo, Cheehian Tan, Mitra Rouhi Dehkordi (2017), Professionals' perception of quality physical education learning in selected Asian cities. Article: 1408945 | Received 18 Jun 2017, Accepted 20 Nov 2017, Accepted author version posted online: 23 Nov 2017, Published online: 08 Dec 2017.
62. Guy Le Masurier, Charles B. Corbin (2006), Top 10 Reasons for Quality Physical Education, *Joperd*, Volume 77 No. 6, August 2006.
63. A.V.Kelly (2009), *The Curriculum: Theory and Practice*, Publisher: SAGE Publications Ltd.
64. Ian A.C.Rule (1973), *A Philosophical Inquiry into the Meaning(s) of "Curriculum"*, Doctoral doss, New York University.
65. Ralph W.Tyler (2013), *Basic Principles of Curriculum and Instruction*, Publisher: University of Chicago Press.
66. Wentling Tim.L (1993), *Planning for Effective Training: A Guide to Curriculum Development*, Publisher: Food & Agriculture Organization of the United Nations (FAO).
67. Ronald V.White (1998), *The ELT Curriculum: Design, Innovation and Management*, Publisher: Blackwell.

3. Tiếng Lào.

68. ກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ ຂໍ້ຕົກລົງ ວ່າດ້ວຍການຈັດຕັ້ງ ແລະ ເຄື່ອນໄຫວຂອງກົມກິລາມວນຊົນ, ພະລະ ແລະ ສີລະປະສຶກສາ ເລກທີ 4666/ສສກ ນະຄອນຫຼວງວຽງຈັນ
69. ສ້າງ ແລະ ບັບບຸງບັນດານິຕິກຳ ເພື່ອບໍລິຫານຄຸ້ມຄອງ ວຽກງານພະລະສຶກສາ;
70. ແປນເສນາທິການໃຫ້ແກ່ກົມກ່ຽວກັບວຽກງານພະລະສຶກສາ. ກິລາໃນໂຮງຮຽນ, ສຶກສາວິຊາພື້ນຖານປ້ອງກັນຕົວ ແລະ ສຶກສາປ້ອງກັນຊາດ-ປ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບ;
71. ສ້າງ ແລະ ພັດທະນາຫຼັກສູດ, ເອກະສານ, ປຶ້ມດຳລາ, ປຶ້ມຄູ່ມື, ສື່ການຮຽນ-ການສອນ ແລະ ນິຕິກຳຕ່າງໆຮັບໃຊ້ສາຍສ້າງຄູພະລະສຶກສາ,
72. ສົມທົບກັບພາກສ່ວນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງສ້າງ ແລະ ບັບບຸງຫຼັກສູດວິຊາພະລະສຶກສາ ສາຍສາມັນສຶກສາ, ສາຍອາຊີວະສຶກສາ ແລະ ການສຶກສາຊັ້ນສູງ ແລະ ຄູ່ມືການຝຶກອົບຮົມຝຶກອົບຮົມທັກສະກ້ານການຮຽນການສອນໃຫ້ຄູໃນທຸກຊັ້ນ, ທຸກສາຍທັງພາກລັດ ແລະ ເອກະຊົນ;
73. ສົມທົບກັບພາກສ່ວນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ສ້າງບັບບຸງຫຼັກສູດ, ປຶ້ມຄູ່ມື, ນິຕິກຳຮັບໃຊ້ການຮຽນ-ການສອນວິຊາພື້ນຖານປ້ອງກັນຕົວ ໃນໂຮງຮຽນມັດທະຍົມຕອນປາຍ, ວິຊາປ້ອງກັນຊາດ-ປ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບສາຍອາຊີວະສຶກສາ ອລະ ການສຶກສາຊັ້ນສູງ ທັງພາກລັດ ແລະ ເອກະຊົນ, ສັງເກດກະສານຄູ່ມືນຳໃຊ້ການຝຶກອົບຮົມໃຫ້ແກ່ຄະນະຮັບຜິດຊອບ, ຄູສອນວິຊາສຶກສາປ້ອງກັນຕົວ;
74. ຊຸກຍູ້ ແລະ ສົ່ງເສີມ ການຈັດຕັ້ງການຮຽນ-ການສອນ ວິຊາພື້ນຖານປ້ອງກັນຕົວ ແລະ ວິຊາສຶກສາປ້ອງກັນຊາດ-ປ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບທົ່ວປວງຊົນ ໃນສະຖາບັນການສຶກສາຕາມການແບ່ງປັນຄຸ້ມຄອງ;

75. ສ້າງແຜນກໍ່ສ້າງຄູ, ບຳລຸງ ແລະ ຍົກລະດັບຄຸນພະລະສຶກສາ
ນັບທັງຜູ້ຮັບຜິດຊອບວຽກງານພະລະສຶກສາ
76. ຊຸກຍູ້, ສົ່ງເສີມ ການສ້າງສະຖານທີ່, ອຸປະກອນສຳລັບການສຶກສາ, ການຝຶກແອບພະລະສຶກສາ-ກິລາ, ກາຍະບໍລິຫານ ແລະ ຂະບວນການເຄື່ອນໄຫວແຂ່ງຂັນກິລານັກຮຽນໃນທຸກຊັ້ນທຸກສາຍ ທັງພາກລັດ ແລະ ເອກະຊົນ,
77. ສ້າງແຜນການ, ແຜນງານ, ແຜນຄົນ, ແຜນງົບປະມານຈັດງານມະຫາກຳກິລານັກຮຽນມັດທະຍົມສຶກສາທົ່ວປະເທດ ແລະ ເປັນເຈົ້າພາບຈັດງານແຂ່ງຂັນກິລານັກຮຽນ ພ້ອມທັງເຂົ້າຮ່ວມງານແຂ່ງຂັນກິລານັກຮຽນໃນລະດັບອານຸພາກພື້ນ, ພາກພື້ນ ແລະ ສາກົນ ໂດຍປະສານສົມທົບກັບພາກສ່ວນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ
78. ແຜນພັດທະນາຂະແໜງການສຶກສາ ແລະ ກິລາ 5 ປີ ຄັ້ງທີ ຄັ້ງທີ VIII (2016-2020)
79. ກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ (2012), ປຶ້ມກົດໝາຍວ່າດ້ວຍການສຶກສາທາງດ້ານຮ່າງກາຍ ແລະ ກິລາ, ສຳນັກພິມຈຳໜ່າຍກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ, ນະຄອນຫຼວງວຽງຈັນ.
80. ກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ (2014), ປຶ້ມວາງແຜນພັດທະນາກິລາຮອດປີ 2020, ຫ້ອງພິມຈຳໜ່າຍກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ, ນະຄອນຫຼວງວຽງຈັນ
81. ກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ (ກໍລະກົດ 2015), ບົດລາຍງານສັງລວມ, ສະພາບການ, ການເຄື່ອນໄຫວ, ການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດ 1 ປີ (2018 – 2019), ແລະ ແຜນພັດທະນາການສຶກສາ ແລະ ກິລາ ໄລຍະ (2019 – 2020), ສຳນັກພິມຈຳໜ່າຍສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ; ວຽງຈັນ.
82. ກະຊວງສຶກສາທິການ, ຍຸດທະສາດການປະຕິຮູບລະບົບການສຶກສາແຫ່ງຊາດ 2016-2020

83. ກະຊວງສຶກສາທິການ (2008) ຍຸດທະສາດການປະຕິຮູບລະບົບການສຶກສາແຫ່ງຊາດ 2016-2020
84. ສະພາແຫ່ງຊາດ (2007) ກົດໝາຍວ່າດ້ວຍການສຶກສາແຫ່ງຊາດ (ສະບັບປັບປຸງ)
85. ຄໍາສັ່ງເລກທີ 102/ສພຊ, ລົງວັນທີ 12 ກຸມພາ 2010 ວ່າດ້ວຍການຄຸ້ມຄອງ ແລະ ນໍາໃຊ້ສິ່ງອໍານວຍຄວາມສະດວກດ້ານວິຊາສະເພາະຮັບໃຊ້ໃຫ້ແກ່ການພັດທະນາການສຶກສາທາງດ້ານຮ່າງກາຍ ແລະ ກິລາ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ.
86. ພັກປະຊາຊົນປະຕິວັດລາວ (1972), "ເອກະສານຂອງກອງປະຊຸມໃຫຍ່ຄັ້ງທີສອງຂອງພັກແລະລັດ", ພິມ, ລັດຖະບານແຫ່ງຊາດ, ວຽງຈັນ.
87. ລັດຖະທໍາມະນູນ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ (1999), ສໍານັກພິມຈໍາໜ່າຍ ລັດຖະບານແຫ່ງຊາດ, ນະຄອນຫຼວງວຽງຈັນ.
88. ດໍາລັດ ເລກທີ 063/ສພຊ, ລົງວັນທີ 7 ມີນາ 2006 ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ວ່າດ້ວຍນະໂຍບາຍຊຸກຍູ້ສິ່ງເສີມສັງຄົມທາງດ້ານວັດທະນະທໍາ, ການສຶກສາ, ການແພດ ແລະ ກິລາ.
89. ດໍາລັດເລກທີ 282/TTg-CP ລົງວັນທີ 7 ກັນຍາ 2011 ຂອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີ ວ່າດ້ວຍການກໍານົດໜ້າທີ່, ໜ້າທີ່, ອໍານາດ ແລະ ໂຄງປະກອບການຈັດຕັ້ງຂອງກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ.
90. ກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ (2015) ແນະນໍາການຄຸ້ມຄອງການສຶກສາ ແລະ ກິລາ.
91. ກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ (ເດືອນທັນວາ 2015), ປຶ້ມຄູ່ມືທິດທາງຮອດປີ 2030, ແຜນການຮອດປີ 2025, ແຜນພັດທະນາການສຶກສາ ແລະ ກິລາ ໄລຍະ 2015 – 2020, ສໍານັກງານພິມຈໍາໜ່າຍກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ, ນະຄອນຫຼວງວຽງຈັນ.
92. ຂໍ້ຕົກລົງຂອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີ ສະບັບເລກທີ 116 ລົງວັນທີ 20 ສິງຫາ 2012 ວ່າດ້ວຍການປະຕິຮູບການສຶກສາ ແລະ ກິລາ ໄລຍະ 2 ຫາ 2015.

93. ຂໍ້ຕົກລົງສະບັບເລກທີ 089 ລົງວັນທີ 5 ກໍລະກົດ 2012 ຂອງລັດຖະມົນຕີກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ ປະກາດໃຊ້ກົດລະບຽບການຈັດຕັ້ງ, ການຄຸ້ມຄອງ ແລະ ການເຄື່ອນໄຫວຂອງສະຫະພັນ ແລະ ສະໂມສອນກິລາ.
94. ບົວວັນ ໄຊບັນຍາ (ປີ 2016 "ສົມທຽບການອອກກຳລັງກາຍລະຫວ່າງນັກຮຽນມັດທະຍົມຕອນປາຍ ກັບຜົນການຮຽນຂອງນັກຮຽນມັດທະຍົມຕອນປາຍ ນະຄອນຫຼວງວຽງຈັນ".
95. ຂໍ້ຕົກລົງສະບັບເລກທີ 3799, ລົງວັນທີ 9 ກັນຍາ 2013 ຂອງກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ, ເນື້ອໃນສຶກສາອົບຮົມໂຮງຮຽນ.
96. ວີໄສທັດ 2030, ຍຸດທະສາດການພັດທະນາເສດຖະກິດ-ສັງຄົມ ໄລຍະ 10 ປີ (2016-2025) ແລະ ແຜນພັດທະນາເສດຖະກິດ-ສັງຄົມແຫ່ງຊາດ 5 ປີ ຄັ້ງທີ VIII.
97. ດຳລັດຂອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີ ສະບັບເລກທີ 289/ຄພສ, ລົງວັນທີ 28 ຕຸລາ 2013 ວ່າດ້ວຍການປະກາດໃຊ້ຍຸດທະສາດການພັດທະນາກິລານັບແຕ່ນີ້ຮອດປີ 2020.

4. Website

98. ASEM Education - <https://asem-education.org/compendiums/lao-peoples-democratic-republic/>
99. Bộ Giáo dục và Thể thao Lào - <https://www.moes.edu.la/>

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1. PHIẾU PHỎNG VẤN ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CỦA
GIÁO VIÊN

BỘ VH,TT&DL CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Trường Đại học TDTT Bắc Ninh **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHIẾU PHỎNG VẤN

Nhằm giải quyết các mục tiêu nghiên cứu đề tài: *“Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào”*, mong các thầy/cô và các em học sinh nghiên cứu kỹ những câu hỏi dưới đây và trả lời bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng. Rất đồng ý (5 điểm) đến rất không đồng ý (1 điểm)

Câu hỏi 1. Đ/c hay đưa ra nhận định, đánh giá của mình về thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào.

T T	Tiêu chí	Mức độ (điểm)				
		5	4	3	2	1
I	Cơ hội học tập tốt					
1	Đảm bảo tổng thời gian giảng dạy môn GDTC trong tuần	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Giáo viên GDTC có trình độ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Chương trình môn học GDTC phù hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
II	Nội dung học tập ý nghĩa					
5	Kỹ năng vận động được thiết kế đa dạng để nâng cao sự phát triển về thể chất, tinh thần và xã hội/cảm xúc	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Nội dung học tập và đánh giá giúp học sinh hiểu, cải thiện và duy trì sức khỏe	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Nâng cao nhận thức về kỹ năng vận động và thể lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Tạo cơ hội để cải thiện các kỹ năng xã hội và mối quan hệ bạn bè	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
III	Dạy học phù hợp					
9	HS tích cực tham gia các hoạt động thể thao	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Tạo cơ hội thực hành tối đa cho các hoạt động trong lớp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

T T	Tiêu chí	Mức độ (điểm)				
		5	4	3	2	1
11	Các bài học được thiết kế tốt tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của học sinh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12	Hoạt động ngoại khóa hỗ trợ tốt việc học và thực hành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
13	Thường xuyên đánh giá để theo dõi và củng cố việc học tập của học sinh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu hỏi 2. Đ/c hay đưa ra nhận định, đánh giá của mình về thực trạng các yếu tố liên quan đến quản lý chất lượng GDTC ở các trường THPT thủ đô Viêng Chăn - Lào.

T T	Tiêu chí	Mức độ (điểm)				
		5	4	3	2	1
1	Cơ chế, chính sách của nhà nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Mục tiêu và chương trình đào tạo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Đội ngũ giáo viên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Cơ sở vật chất – trang thiết bị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Phương pháp giảng dạy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Đội ngũ học sinh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của đồng chí./.

PHỤ LỤC 2. PHIẾU PHỎNG VẤN THỰC TRẠNG CỦA HỌC SINH

BỘ VH,TT&DL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN

Nhằm giải quyết các mục tiêu nghiên cứu đề tài: “*Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh trung học phổ thông thủ đô Viên Chăn - Lào*”, mong đồng chí nghiên cứu kỹ những câu hỏi dưới đây và trả lời bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng.

Câu hỏi 1. Mong muốn các môn thể thao được đưa vào tập luyện của học sinh THPT ở thủ đô Viên Chăn – Lào.

1	Bóng đá	<input type="checkbox"/>
2	Bóng bàn	<input type="checkbox"/>
3	Cờ vua	<input type="checkbox"/>
4	Cầu lông	<input type="checkbox"/>
5	Bóng chuyền	<input type="checkbox"/>
6	Bơi lội	<input type="checkbox"/>

7	Thể hình	<input type="checkbox"/>
8	Điền kinh	<input type="checkbox"/>
9	Bóng rổ	<input type="checkbox"/>
10	Khiêu vũ	<input type="checkbox"/>
11	Môn khác	<input type="checkbox"/>

Câu hỏi 2. Xin đ/c cho biết Động cơ tham gia tập luyện thể thao của học sinh THPT ở thủ đô Viên Chăn – Lào.

1	Vui vẻ	<input type="checkbox"/>
2	Nâng cao thể lực	<input type="checkbox"/>
3	Học hỏi và nâng cao kỹ năng	<input type="checkbox"/>
4	Chơi cùng và kết bạn mới	<input type="checkbox"/>
5	Cạnh tranh (kiểm tra bản thân với người khác)	<input type="checkbox"/>
6	Chiến thắng trò chơi và chức vô địch	<input type="checkbox"/>
7	Sức khỏe cảm xúc và sức khỏe tinh thần	<input type="checkbox"/>
8	Cải thiện các nội dung đánh giá năng lực để xét tuyển đại học	<input type="checkbox"/>
9	Chuẩn bị cho bậc đại học	<input type="checkbox"/>
10	Tránh xa các tệ nạn xã hội	<input type="checkbox"/>
11	Làm cho gia đình tôi tự hào	<input type="checkbox"/>
12	Thuộc về một nhóm trong trường	<input type="checkbox"/>
13	Có một huấn luyện viên quan tâm đến tôi	<input type="checkbox"/>
14	Tiếp cận các cơ sở thể thao chất lượng	<input type="checkbox"/>

Câu hỏi 3. Xin em cho biết Lý do không tích cực tham gia tập luyện thể thao của học sinh THPT ở thủ đô Viêng Chăn – Lào.

1	Quá nhiều bài tập về nhà	<input type="checkbox"/>
2	Tôi không thích thể thao	<input type="checkbox"/>
3	Không có môn thể thao yêu thích	<input type="checkbox"/>
4	Tôi không thử vì tôi không nghĩ mình đủ giỏi	<input type="checkbox"/>
5	Lịch làm việc	<input type="checkbox"/>
6	Trách nhiệm gia đình	<input type="checkbox"/>
7	Tôi không cảm thấy được chào đón	<input type="checkbox"/>
8	Bạn bè của tôi không chơi	<input type="checkbox"/>
9	Không đủ kinh phí	<input type="checkbox"/>
10	Trở ngại giao thông	<input type="checkbox"/>
11	Sợ bị thương hoặc bệnh tật	<input type="checkbox"/>
12	Tôi không thích các huấn luyện viên	<input type="checkbox"/>
13	Chấn thương trước đây	<input type="checkbox"/>
14	Tôi mặc cảm vì hình thể/giới tính của mình	<input type="checkbox"/>
15	Tôi không giúp gì được cho đội tuyển	<input type="checkbox"/>
16	Tôi không đủ tự tin	<input type="checkbox"/>
17	Không phù hợp với tình trạng khuyết tật/bệnh lý của tôi	<input type="checkbox"/>

Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của em./.

PHỤ LỤC 3. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SWOT

Nội dung	Tầm quan trọng	Trọng số	Điểm
ĐIỂM MẠNH	0.5		1.03
1. Cơ chế, chính sách của nhà nước	0.15		
Chính phủ Lào đã phát triển các kế hoạch và chính sách cụ thể.	0.1	3	0.3
Lào đã hợp tác với các tổ chức quốc tế và các quốc gia khác.	0.05	1	0.05
2. Mục tiêu và chương trình đào tạo	0.075		
Chính sách giáo dục của Lào đặt sự chú trọng giáo dục toàn diện cho học sinh.	0.03	2	0.06
Chương trình thường được thiết kế để phản ánh các giá trị và yếu tố văn hóa của đất nước.	0.03	2	0.06
Chương trình đào tạo thường khuyến khích sự tham gia tích cực từ phía học sinh.	0.015	1	0.015
3. Đội ngũ giáo viên	0.1		
Kiến thức chuyên môn.	0.055	2	0.11
Kinh nghiệm thực tế.	0.015	2	0.03
Tính sáng tạo và linh hoạt.	0.015	2	0.03
Cam kết với nghề nghiệp.	0.015	3	0.045
4. Cơ sở vật chất – trang thiết bị	0.1		
Chính phủ Lào đã đầu tư vào việc xây dựng và cải thiện CSVC cho GDTC.	0.055	2	0.11
Cơ sở vật chất cơ bản.	0.015	2	0.03
Trang thiết bị cơ bản.	0.015	1	0.015
Hợp tác với các trường đại học và viện nghiên cứu.	0.015	1	0.015
5. Phương pháp giảng dạy	0.05		
Sự linh hoạt trong lựa chọn phương pháp giảng dạy.	0.01	2	0.02
Sự sáng tạo và đổi mới.	0.01	2	0.02
Sự tương tác và hỗ trợ cá nhân.	0.01	2	0.02
Sự đào tạo và kiến thức chuyên môn.	0.01	2	0.02
Sự đồng thuận và hợp tác với học sinh.	0.01	1	0.01
6. Đội ngũ học sinh	0.025		
Chăm chỉ và chịu khó.	0.01	3	0.03
Tôn trọng và vâng lời.	0.005	3	0.015
Tích cực và hợp tác.	0.005	3	0.015
Tính linh hoạt và sáng tạo.	0.005	2	0.01
ĐIỂM YẾU			1.4
1. Cơ chế, chính sách của nhà nước	0.15		
Thiếu chiến lược chi tiết và kế hoạch cụ thể.	0.01	3	0.03
Thiếu nguồn lực tài chính và hỗ trợ.	0.1	4	0.4

Nội dung	Tầm quan trọng	Trọng số	Điểm
Thiếu chính sách phát triển chuyên môn cho giáo viên.	0.01	2	0.02
Thiếu tiêu chuẩn và kiểm định chất lượng.	0.01	2	0.02
Thiếu sự hợp nhất và liên kết giữa các bộ ngành.	0.01	3	0.03
Thiếu sự tham gia của cộng đồng.	0.01	2	0.02
2. Mục tiêu và chương trình đào tạo	0.075		
Nội dung GDTC thiếu tích hợp với các môn học khác.	0.02	3	0.06
Hạn chế tài nguyên phục vụ giảng dạy.	0.02	2	0.04
Sách giáo khoa hạn chế.	0.015	3	0.045
Thiếu đánh giá và theo dõi.	0.02	2	0.04
3. Đội ngũ giáo viên	0.1		
Thiếu đào tạo chuyên sâu.	0.02	3	0.06
Thiếu kiến thức cập nhật.	0.02	3	0.06
Thiếu kỹ năng giao tiếp và quản lý lớp học.	0.02	3	0.06
Hạn chế về tiếng Anh và các ngôn ngữ khác.	0.01	4	0.04
Thiếu kinh nghiệm thực tiễn.	0.01	2	0.02
Thiếu năng lực quản lý và tự quản lý.	0.02	3	0.06
4. Cơ sở vật chất – trang thiết bị	0.1		
Thiếu hụt trang thiết bị.	0.02	2	0.04
Hạn chế về cơ sở hạ tầng.	0.02	2	0.04
Thiếu hỗ trợ tài chính.	0.02	2	0.04
Không đủ không gian và thiết kế không phù hợp.	0.02	2	0.04
Khó khăn trong việc bảo dưỡng và quản lý.	0.02	2	0.04
5. Phương pháp giảng dạy	0.05		
Thiếu đào tạo chuyên môn.	0.02	3	0.06
Giáo viên chưa được cập nhật kiến thức.	0.005	3	0.015
Thiếu sự sáng tạo và đổi mới.	0.005	3	0.015
Thiếu tài nguyên và trang thiết bị.	0.005	2	0.01
Thiếu thời gian và áp lực công việc.	0.005	2	0.01
Thiếu sự hỗ trợ và động viên.	0.01	2	0.02
6. Đội ngũ học sinh	0.025		
Thiếu kiến thức và nhận thức về lợi ích của GDTC.	0.01	3	0.03
Thiếu động lực và quan tâm.	0.005	2	0.01
Thiếu thời gian và ưu tiên.	0.0025	2	0.005
Thiếu kỹ năng và sự tự tin.	0.0025	2	0.005
Thiếu sự hỗ trợ và cơ hội.	0.005	3	0.015
CƠ HỘI			1.27
1. Cơ chế, chính sách của nhà nước	0.15		
Nhà nước đang tăng cường đầu tư tài chính vào GDTC	0.1	4	0.4

Nội dung	Tầm quan trọng	Trọng số	Điểm
Chính sách hỗ trợ phát triển GDTC ngày càng có hiệu lực, hiệu quả	0.025	3	0.075
Chính phủ có thể hợp tác với các tổ chức quốc tế.	0.025	2	0.05
2. Mục tiêu và chương trình đào tạo	0.075		
Đầu tư vào đào tạo giáo viên.	0.025	3	0.075
Kết hợp công nghệ.	0.025	2	0.05
Hợp tác quốc tế.	0.025	1	0.025
3. Đội ngũ giáo viên	0.1		
Chương trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.	0.05	3	0.15
Hợp tác với các tổ chức quốc tế ngày càng phát triển.	0.01	1	0.01
Có sự hỗ trợ tích cực từ các trường đại học và viện nghiên cứu.	0.01	2	0.02
Môi trường học tập và chia sẻ kinh nghiệm ngày càng đa dạng, phong phú.	0.01	1	0.01
Các nguồn tài liệu và công cụ hỗ trợ ngày càng phát triển.	0.01	2	0.02
Nhiều chương trình hỗ trợ tài chính và học bổng.	0.01	2	0.02
4. Cơ sở vật chất – trang thiết bị	0.1		
Hỗ trợ từ chính phủ và tổ chức quốc tế.	0.03	1	0.03
Hợp tác với các đối tác và doanh nghiệp.	0.02	1	0.02
Xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn.	0.015	3	0.045
Tạo ra các chiến lược quản lý hiệu quả.	0.015	3	0.045
Kết nối với cộng đồng.	0.02	2	0.04
5. Phương pháp giảng dạy	0.05		
Khóa đào tạo và hội thảo.	0.02	3	0.06
Hợp tác với tổ chức giáo dục và thể chất.	0.005	2	0.01
Tài liệu và nguồn thông tin.	0.005	3	0.015
Học hỏi từ đồng nghiệp.	0.01	3	0.015
Phát triển chuyên môn liên tục.	0.005	3	0.015
Phản hồi từ học sinh và phụ huynh.	0.005	1	0.01
6. Đội ngũ học sinh	0.025		
Chương trình giáo dục đa dạng.	0.01	2	0.02
Tăng cường đào tạo cho giáo viên.	0.0025	2	0.005
Hợp tác với cộng đồng và tổ chức phi chính phủ.	0.0025	1	0.0025
Tạo điều kiện hỗ trợ cho học sinh.	0.0025	3	0.0075
Tạo các chương trình thể thao và sân chơi cạnh tranh.	0.0025	3	0.0075
Tạo môi trường học tập tích cực và động viên.	0.005	3	0.015
THÁCH THỨC			1.28
1. Cơ chế, chính sách của nhà nước	0.15		
Thách thức về thiết lập hệ thống đánh giá và theo dõi chất lượng GDTC.	0.05	1	0.05

Nội dung	Tầm quan trọng	Trọng số	Điểm
Thách thức về ý thức và nhận thức.	0.075	2	0.15
Thách thức về địa lý và văn hóa.	0.025	3	0.075
2. Mục tiêu và chương trình đào tạo	0.075		
Thiếu chuẩn mực và tiêu chí đo lường rõ ràng.	0.05	3	0.15
Phản ứng của cộng đồng và phụ huynh.	0.0125	1	0.0125
Thiếu đồng thuận và hợp nhất giữa các bên liên quan.	0.0125	3	0.0375
3. Đội ngũ giáo viên	0.1		
Thiếu đầu tư và nguồn lực.	0.02	3	0.06
Thiếu đào tạo và phát triển chuyên môn.	0.04	3	0.12
Thiếu sự hỗ trợ và động viên.	0.03	3	0.09
Thiếu kỹ năng giao tiếp và quản lý lớp học.	0.01	3	0.03
4. Cơ sở vật chất – trang thiết bị	0.1		
Thiếu nguồn lực tài chính.	0.03	3	0.09
Vấn đề hạ tầng và không gian.	0.03	3	0.09
Quản lý và bảo dưỡng.	0.01	4	0.04
Đào tạo và hỗ trợ.	0.01	3	0.03
Chính sách và quy định.	0.01	3	0.03
Thách thức văn hóa và xã hội.	0.01	3	0.03
5. Phương pháp giảng dạy	0.05		
Thiếu nguồn lực tài chính.	0.01	3	0.03
Thiếu nguồn lực nhân sự.	0.01	3	0.03
Thách thức về hạ tầng.	0.01	3	0.03
Cảm nhận về giá trị của GDTC.	0.005	2	0.01
Vấn đề ngôn ngữ và văn hóa.	0.005	2	0.01
Thách thức về động viên và quản lý.	0.01	3	0.03
6. Đội ngũ học sinh	0.025		
Áp lực học tập.	0.01	2	0.02
Thiếu động lực.	0.0025	2	0.005
Thời tiết và môi trường.	0.0025	1	0.0025
Thiếu kiến thức và kỹ năng.	0.0025	2	0.005
Áp lực xã hội và tự hình dung.	0.0025	2	0.005
Thiếu cơ hội và hỗ trợ.	0.005	4	0.02

PHỤ LỤC 4. PHIẾU KHẢO NGHIỆM CÁC GIẢI PHÁP

BỘ VH,TT&DL
Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHÒNG VẤN

Nhằm giải quyết các mục tiêu nghiên cứu đề tài: “*Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào*”, mong các thầy/cô và các em học sinh nghiên cứu kỹ những câu hỏi dưới đây và trả lời bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng. Rất đồng ý (5 điểm) đến rất không đồng ý (1 điểm)

Câu hỏi 1. Đ/c hay đưa ra nhận định, đánh giá của mình về tính khả thi của các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào.

T T	Giải pháp	Mức độ (điểm)				
		5	4	3	2	1
1	Tuyên truyền và nâng cao nhận thức về nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Đổi mới phương pháp quản lý của Ban giám hiệu trường THPT trong nâng cao chất lượng GDTC.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Nâng cao năng lực của cán bộ quản lý và giáo viên GDTC.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Phát triển chương trình GDTC toàn diện và hoạt động thể thao ngoại khóa đa dạng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Tăng cường đầu tư và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và trang thiết bị TĐTT.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu hỏi 2. Đ/c hay đưa ra nhận định, đánh giá của mình về tính cần thiết của các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào.

T T	Giải pháp	Mức độ (điểm)				
		5	4	3	2	1
1	Tuyên truyền và nâng cao nhận thức về nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Đổi mới phương pháp quản lý của Ban giám hiệu trường THPT trong nâng cao chất lượng GDTC.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Nâng cao năng lực của cán bộ quản lý và giáo viên GDTC.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Phát triển chương trình GDTC toàn diện và hoạt động thể thao ngoại khóa đa dạng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Tăng cường đầu tư và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và trang thiết bị TĐTT.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Xin trân trọng cảm ơn./.

PHỤ LỤC 5. PHIẾU PHỎNG VẤN KẾT QUẢ ỨNG DỤNG GIẢI PHÁP

BỘ VH,TT&DL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN

Nhằm giải quyết các mục tiêu nghiên cứu đề tài: “*Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh THPT thủ đô Viêng Chăn – Lào*”, mong các thầy/cô và các em học sinh nghiên cứu kỹ những câu hỏi dưới đây và trả lời bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng. Rất đồng ý (5 điểm) đến rất không đồng ý (1 điểm).

Câu hỏi 1. Hãy cho biết nhận định của mình về lợi ích của thể dục và chất lượng các hoạt động thể chất ở trường THPT Viêng Chăn.

T T	Tiêu chí	Mức độ (điểm)				
		5	4	3	2	1
I	Nhận thức về lợi ích của thể dục:					
1	Thể dục và hoạt động thể chất có ý nghĩa đối với sức khỏe?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Thể dục đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sức khỏe tốt?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
II	Nhận thức về chất lượng hoạt động thể chất:					
3	Chất lượng các hoạt động thể chất được tổ chức tại trường?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Hoạt động thể chất đáp ứng được nhu cầu?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Sự đa dạng và hấp dẫn của các hoạt động thể chất tại trường?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
III	Nhận thức về lợi ích tâm lý - xã hội của thể dục:					
6	Thể dục có thể giúp cải thiện tâm trạng và giảm căng thẳng?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Thể dục có thể giúp tăng cường mối quan hệ xã hội và giao tiếp?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
IV	Nhận thức về lợi ích học tập của thể dục:					
8	Tham gia vào hoạt động thể chất có thể cải thiện hiệu suất học tập?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Thể dục có thể giúp cải thiện khả năng tập trung và sự chú ý trong lớp học?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu hỏi 2. Hãy cho biết nhận định của mình về yếu tố liên quan đến quản lý chất lượng GDTC của trường THPT Viêng Chăn.

T T	Yếu tố	Mức độ (điểm)				
		5	4	3	2	1
1	Cơ chế, chính sách của nhà nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Mục tiêu và chương trình đào tạo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Đội ngũ giáo viên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Cơ sở vật chất – trang thiết bị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Phương pháp giảng dạy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Đội ngũ học sinh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu hỏi 3. Hãy cho biết nhận định của thầy/cô về chất lượng các hoạt động liên quan đến GDTC ở trường THPT Viêng Chăn.

T T	Tiêu chí	Mức độ (điểm)				
		5	4	3	2	1
I	Chất lượng chương trình GDTC:					
1	Thầy/cô nghĩ sao về chất lượng chương trình giáo dục thể chất hiện tại?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Cảm nhận của thầy/cô về tính toàn diện và phong phú của nội dung GDTC là gì?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
II	Chất lượng giảng viên và hỗ trợ:					
3	Thầy/cô đánh giá thế nào về chất lượng và năng lực của giáo viên GDTC?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Thầy/cô cảm thấy có đủ hỗ trợ từ phía giáo viên và nhân viên quản lý trong việc tham gia các hoạt động thể chất không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
III	Cơ sở vật chất và trang thiết bị:					
5	Thầy/cô nghĩ như thế nào về cơ sở vật chất và trang thiết bị dành cho GDTC tại trường?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
IV	Tham gia và cam kết của học sinh:					
6	Thầy/cô cảm thấy học sinh tham gia các hoạt động thể chất đủ nhiều không? Và họ có cam kết đúng mức không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của thầy/cô và các em học sinh./.